

Jules Verne

vingt mille lieues sous les mers

illustré par Sébastien Pelon

3

NHÀ XUẤT BẢN
SÓNG MÔI

Bản dịch của
NGUYỄN QUÂN

20.000 dặm dưới đáy biển

Jules Verne

Bản dịch của
Nguyễn Quân

**20.000 dặm
dưới đáy biển
(tập 3)**

Jules Verne
Bản dịch của Nguyễn Quân

*Bìa: **Sebastien Pelon**
Nguồn: **Internet**
Trình bày: **Muôn Phương***

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

**20.000 dặm
dưới đáy biển**

JULES VERNE
Bản dịch của Nguyễn Quân

Nhà xuất bản **Sống Mới**
30b Phạm Ngũ Lão – Saigon
1962

MỤC LỤC

24. Chương 24	10
Một thành trì san hô	

PHẦN HAI

25. Chương 25	28
Ấn Độ Dương	
26. Chương 26	52
Một đề nghị mới của thuyền trưởng Nam Mô	
27. Chương 27	71
Viên ngọc mười triệu bạc	

28. Chương 28 Hồng Hải	101
29. Chương 29 Đường ngầm Arabian	130
30. Chương 30 Quần đảo Hy Lạp	154
31. Chương 31 Bốn mươi tám giờ trên Địa Trung Hải	182
32. Chương 32 Vịnh Vigo	195
33. Chương 33 Một lục địa mất tích	222
34. Chương 34 Than đá dưới biển	248

CHƯƠNG 24

MỘT THÀNH TRÌ SAN HÔ

Sáng hôm sau, khi thức dậy tôi rất ngạc nhiên, vì tôi không phải ở trong phòng kín mà lại ở nơi phòng của tôi. Bàn ghế, đồ đạc của tôi vẫn tiêm tất.

Có lẽ Côn Sơn và Nễ Lang hiện giờ hai người ấy cũng đang ở trong phòng riêng của họ, và cũng như tôi, không ai hiểu lý do tại sao cả? Thật là một chuyện kỳ, bí mật. Chẳng biết con tàu đã xảy

ra việc gì mà thuyền trưởng Nam Mộ lại hành động như thế?

Tôi định mở cửa ra ngoài, nhưng lại nghĩ: Chẳng biết tôi có được hoàn toàn tự do chưa, hay lại bị nhốt nơi đây?

Tuy nghĩ thế, tôi vẫn đứng dậy ra mở cửa. Cánh cửa vẫn như thường lệ, nghĩa là tôi đã được hoàn toàn tự do.

Tôi chạy thẳng ra ngoài, đến chân cầu thang. Cánh cửa ở mũi tàu khi hôm đóng kín, bây giờ đã mở ra. Tôi bước lên cầu thang, leo lên mũi. Nễ Lang và Côn Sơn đang chờ tôi ở đấy. Gặp mặt nhau, cả ba chúng tôi đều mừng rỡ, nhưng chẳng ai hiểu tại sao đang ngủ trong phòng kín mà lúc thức dậy lại ở nơi phòng riêng của mình.

Con tàu Nam Tị Lũy, cũng như tự bao

giờ, không có một chút gì thay đổi, buổi sáng vẫn bình thản nổi trên mặt sóng để lấy không khí, và người phụ trách của thuyền trưởng cũng đang ngắm phương hướng và hô lên bằng câu nói thường ngày.

Nễ Lang, với tầm mắt sáng hơn, anh ngắm bốn phía chân trời; nhưng không trông thấy gì cả, không một cánh buồm nào thấp thoáng; cũng không có một hoang đảo nào gần đó.

Sau khi đổi không khí xong, con tàu lặn xuống khỏi mặt nước mười lăm thước.

Chúng tôi ai nấy trở về phòng. Buổi sáng ngày 19 tháng giêng, tôi không gặp thuyền trưởng Nam Mộ đâu cả, chỉ thấy tên bồi tàu lo nhiệm vụ ăn uống thường ngày.

Vào lối hai giờ chiều, trong lúc tôi đang ở trong phòng khách lo ghi chú một đôi công việc thì bỗng thấy Thuyền trưởng Nam Mộ bước vào. Tôi đứng dậy chào, và ông ta chào trả lại bằng một cử chỉ lạnh nhạt.

Tôi tiếp tục công việc làm và hy vọng ít ra ông ta cũng cho tôi biết một lý do trong câu chuyện bất ngờ vừa qua, nhưng ông ta không nói một lời nào cả. Nét mặt ông ta tỏ ra mệt nhọc, hai mắt đỏ ngầu, hình như suốt đêm vừa qua ông ta không ngủ. Nói chung là cả người ông ta biểu hiện một sự đau buồn, lo lắng.

Ông ta đi lại trong phòng, có lúc ngồi xuống rồi lại đứng dậy ngay, có lúc cầm đến một vài quyển sách rồi lại bỏ đi, hình như ông ta đang bận tâm một việc gì đâu đâu.

Cuối cùng, ông ta đến bên tôi, hỏi:

– Ông Long Đắc, ông có thạo về y khoa không?

Tôi nhìn ông ta, chưa đáp vội.

Ông ta hỏi tiếp:

– Ông có biết về y khoa không? Phần đông các bạn của ông như ông Cao Tử Lê, ông Trần Đông đều thạo về khoa ấy.

Tôi đáp:

– Thưa ông, là bác sĩ từng sự tại các nhà thương. Tôi đã làm nghề ấy lâu năm trước khi vào viện Bác Vật.

– Thế thì tốt lắm!

Câu trả lời của tôi chắc chắn đã làm hài lòng Thuyền trưởng Nam Mộ. Tuy nhiên, tôi không hiểu ông ta sẽ dùng tôi

vào việc gì. Vì vậy, tôi vẫn yên lặng ngồi chờ cho ông ta tỏ ý kiến.

Ông ta suy nghĩ một lúc rồi nói:

– Ông có vui lòng chữa giùm một người bệnh trong đoàn chúng tôi không?

– Trong đoàn ông có một người bệnh?

– Phải.

– Tôi sẵn sàng theo ông đến đó.

– Thế thì xin mời ông theo tôi.

Bước chân theo ông ta, tôi cảm thấy tim hồi hộp vô cùng. Thật vậy, qua những biển có đêm vừa qua hôm nay lại có một người bệnh, lòng tôi sao khỏi nghi ngờ.

Thuyền trưởng Nam Mộ dẫn tôi qua một căn phòng ở đằng sau lái, gần phòng các thủy thủ.

Nơi đó có một chiếc giường; trên giường có một người đàn ông chừng bốn mươi tuổi đang nằm thêm thiếp.

Tôi bước vào, cúi nhìn bệnh nhân.

Đây không phải là một người bị bệnh mà là một người bị thương. Trên đầu nẻ ra mấy đường sâu ngòm, đọng đầy cả máu.

Vết thương này quá nặng, hình như một vật gì sắc và cứng bổ vào. Người ta có thể dòm thấy bộ não bên trong. Hơi thở bệnh nhân rất yếu.

Tôi đặt tay xem mạch. Mạch nháy đã quá yếu. Toàn thân đã bắt đầu lạnh. Tôi đoán chừng bệnh nhân sẽ tắt thở không lâu, và cũng không còn cách gì để cứu chữa được nữa.

Sau khi băng bó cho bệnh nhân; tôi

quay qua hỏi Thuyền trưởng Nam Mô:

– Do đâu mà gây ra thương tích như vậy.

Thuyền trưởng lạnh lùng đáp:

– Ông không cần phải hiểu việc đó. Một cuộc đụng chạm của con tàu đã làm gãy cây đòn bẩy đánh nhằm người này... Vả lại trên tàu, những điều nguy hiểm xảy ra là việc thường. Nhưng ông hãy cho tôi biết sự nhận xét của ông qua bệnh trạng.

Tôi ngập ngừng chưa nói.

Ông ta nói tiếp:

– Ông cứ nói. Bệnh nhân không nghe được tiếng Pháp.

Tôi nhìn qua bệnh nhân một lần nữa, rồi nói:

– Bệnh nhân sẽ tắt thở trong vòng hai tiếng đồng hồ.

– Không có cách gì cứu chữa được?
– Không.

Hai tay của Thuyền trưởng bỗng nắm chặt lại, và vài giọt nước mắt trào ra trên đôi mắt sâu ngòm của ông ta.

Tôi đứng nhìn bệnh nhân. Màu tang tóc phủ trùm cả căn phòng buồn thảm ấy. Mặt bệnh nhân dần dần tái nhợt dưới ánh đèn điện lơ mờ. Tôi nhận thấy trên vùng trán cao và rộng của bệnh nhân khắc sâu những đường nhăn nheo, chứng tỏ một con người rất thông minh đã trải qua nhiều khắc khổ. Tôi đang chờ những lời cuối cùng thốt ra trên đôi môi của bệnh nhân trong giờ hấp hối, may ra có thể tìm thấy một vài bí mật chẳng,

nhưng thuyền trưởng Nam Mộ đã quay lại bảo tôi:

– Ông Long Đắc, ông có thể trở về phòng riêng để nghỉ ngơi.

Để một mình Thuyền trưởng ở lại trong phòng của bệnh nhân, tôi cáo từ, lui gót về phòng mà lòng rất cảm động trước hoàn cảnh ấy.

Suốt ngày hôm ấy tôi lo lắng mãi, và đêm ấy tôi không ngủ được. Cú thỉnh thoảng tôi nghe từng tiếng thở than xa xa đưa lại. Chẳng biết những tiếng ấy có phải là những tiếng cầu nguyện cho vong hồn người chết không?

Sáng hôm sau, tôi thức dậy sớm, lên mũi tàu. Thuyền trưởng Nam Mộ đã có mặt nơi đây. Vừa thấy tôi, ông ta bước đến nói:

– Hôm nay ông có vui lòng theo tôi thực hiện một cuộc du lịch dưới đáy biển không?

– Hai người bạn tôi có được đi theo không?

– Nếu họ muốn.

– Thế thì chúng tôi xin được theo ông.

– Được, xin mời ông đi thay áo quần lặn ngay bây giờ.

Tôi đi tìm Nễ Lang và Côn Sơn để cho biết ý định của thuyền trưởng Nam Mộ. Côn Sơn bằng lòng ngay, và Nễ Lang lần này không từ chối.

Vào lúc tám giờ sáng, chúng tôi đã mặc xong quần áo lặn. Mỗi người trang bị bên mình một bình đèn và một bình hơi.

Thuyền trưởng Nam Mộ dắt theo lối mười hai người tùy tùng, và đầu tiên chúng tôi đặt chân dưới đáy biển bề sâu độ mười thước. Mặt cát hơi nghiêng và nhiều hăm hố. Nơi đây không giống như ở Thái Bình dương trong chuyến đi kỳ trước. Cát không mịn, không có những cây cối dưới đáy biển, mà chỉ có những vùng san hô rất đẹp. Giống san hô này là chất bài tiết của loại vi động vật lần lần đóng lại thành khoáng vật. Người ta dùng nó để trang bày, hoặc làm đồ trang sức. Vì vậy người ta mua đắt tiền lắm. Mỗi kí lô có thể bán đến giá năm phật-lăng.

Chúng tôi càng đi lần tới thì giống san hô càng nhiều, chói lọi đủ màu sắc. Tôi có thể nói nơi đó là một lâu đài san hô.

Sau hai tiếng đồng hồ, chúng tôi đã xuống đến một chiều sâu ba trăm thước, nghĩa là nơi mà giống san hô nảy nở quá nhiều. Ở đây không phải từng vùng nữa mà là cả một rừng rậm. Chúng tôi len lỏi vào đây cũng như len vào các hang đá. Đặc biệt nhất là loài cá, đủ cỡ, từ hang này chuyển qua hang khác, trở mắt nhìn chúng tôi rồi vẫy đuôi chạy trốn.

A! Thật là những động tiên, trông đẹp mắt làm sao! Tôi chẳng hiểu thuyền trưởng Nam Mộ dụng ý dẫn tôi đến đây để làm gì, nhưng kể ra thì cuộc du lịch này cũng thích thú không kém kỳ trước.

Bỗng thuyền trưởng Nam Mộ đứng dừng lại, và cả đoàn tùy tùng của ông ta bao quanh nửa vòng quanh ông ta.

Để ý nhìn kỹ, tôi thấy trong số tùy tùng có bốn người khiêng trên vai một

vật gì dài dài. Ánh đèn của chúng tôi chiếu sáng trong nước như bóng mặt trời giữa buổi chiều tà.

Nễ Lang và Côn Sơn nép mình bên tôi. Tuy không nói ra được nhưng chúng tôi ai nấy đều có cảm nghĩ là sắp có một việc gì xảy ra khá quan trọng.

Thật vậy, nếu nhìn kỹ về phía trước, cách đó không xa, trong ánh sáng mờ mờ, có một cây thánh giá bằng san hô rất lớn. Đó là tượng trưng cho việc quan trọng vậy.

Thuyền trưởng Nam Mộ ra dấu, một người tùy tùng bước đến bên cây thánh giá, cách vài bước, dùng cuốc, đào một cái lỗ. Tôi hiểu ngay! Đây là một nghĩa địa! Cái lỗ người ta sắp đào là cái huyệt, và vật dài dài kia là xác chết của người bị thương đêm vừa qua. Thuyền trưởng

Nam Mộ đã chọn ngay dưới đáy biển một nghĩa địa để làm nơi an nghỉ cuối cùng.

Lỗ huyết đào một cách khó khăn. Tôi nghe những tiếng sắt chạm keng-keng trên mặt đá. Và, lần lần lỗ huyết rộng thêm, dài thêm, sâu thêm, đủ dung nạp được một cái xác con người.

Lúc bấy giờ, bốn người tùy tùng kia mang xác chết đến, đặt vào lỗ huyết. Thuyền trưởng Nam Mộ vòng tay trước ngực, đoàn tùy tùng ai nấy đều quỳ xuống như để cầu nguyện.

Tôi, Nể Lang và Côn Sơn cũng quỳ theo để vĩnh biệt trước linh hồn người quá cố.

Qua một lúc, lỗ huyết được lấp lại bằng những mảnh san hô đã đào ban nãy.

Tất cả mỗi người đều lần lượt đến trước cây thánh giá nghiêng mình và đưa tay từ giã linh hồn người chết.

Đoạn, chúng tôi cùng nhau trở về. Tất cả đều mang một mối buồn tang tóc, thê lương.

Về đến con tàu Nam Tị Lũy, sau khi cởi bỏ bộ áo lặn, lòng tôi cảm thấy bùi ngùi. Tuy không quen biết người chết ấy là ai, song mỗi thương tâm của loài người không thể thản nhiên trước cảnh tình bi đát như vậy.

Tôi leo lên mũi tàu, gặp thuyền trưởng Nam Mộ ở đây.

Tôi cúi chào ông ta, và nói:

– Theo dự đoán của tôi, bệnh nhân không thể nào sống qua đêm vừa rồi.

– Đúng vậy! Và hiện người chết đã an nghỉ giấc ngàn thu dưới nghĩa địa san hô, bên cạnh những bạn bè đã quá cố. Và sẽ không ai còn biết tới nữa, chỉ riêng chúng tôi không bao giờ quên được, vì chính tay chúng tôi đã đào huyệt và loài bấu mấu kia sẽ xây mộ cho ông ta mãi mãi.

Nói xong, thuyền trưởng Nam Mộ lấy tay che mặt như để giấu những tiếng sụt sùi, nức nở. Tôi cảm động nói tiếp:

– Những người chết của ông ít ra cũng được an lành, khỏi bị làm phiền cho cá mập.

Ông ta se sẽ đáp:

– Đúng vậy. Không những khỏi sự loài cá mập mà cả đến loài người nữa.

CHƯƠNG 25

ẤN ĐỘ DƯƠNG

Nơi đây khởi đầu giai đoạn thứ hai của cuộc hành trình dưới đáy biển. Quang cảnh rất cảm động nơi nghĩa địa san hô đã kết thúc giai đoạn đầu và lưu lại trong ký ức tôi một cảm giác êm đềm khó quên.

Chính trong lòng đại dương bao la, thuyền trưởng Nam Mộ đã sống, và trải qua hầu hết đời mình để đến những vùng

bí hiểm nhất của biển cả. Nơi đây, các nhân viên tàu Nam Tị Lũy cùng chung sống chết. Và ở đây sẽ không một hải thú nào có thể đến phá rầy họ trong giấc ngủ cuối cùng.

“Cả loài người cũng không làm gì được!” – Thuyền trưởng Nam Mộ nói thêm, với một giọng như muốn thách đố, khiêu khích loài người!

Phần tôi, tôi chưa tìm được giả thuyết nào khả dĩ làm hài lòng được anh chàng Côn Sơn. Lúc nào Côn Sơn cũng cho thuyền trưởng tàu Nam Tị Lũy là một nhà bác học bí mật, luôn luôn hững hờ và xem thường xã hội loài người. Ông ta là một bậc kỳ tài khó hiểu, vì chán ghét nhân loại, muốn sống một cuộc đời riêng biệt, tung hoành tự do.

Theo tôi, nếu nghĩ lại cái đêm chúng

tôi bị giam hãm bất ngờ, và thái độ vừa thận trọng vừa phũ phàng của thuyền trưởng lúc giật lấy ông viễn kính không cho tôi quan sát chân trời, đến vết thương của người xấu số vì một tai nạn bất ngờ và khó hiểu trên tàu Nam Tị Lũy, tôi càng thấy lắm điều phân vân khó hiểu hơn nữa.

Không, Thuyền trưởng Nam Mộ không những chỉ muốn xa lánh loài người mà thôi! Chiếc tàu phi thường này không phải chỉ giúp ông ta sống tự do riêng biệt, mà có lẽ còn dùng để đeo đuổi một mục đích phục thù bí mật và ghê gớm khác nữa.

Lúc này cái gì đối với tôi cũng thành một việc dĩ nhiên, tôi chưa tìm ra được tia sáng nào trong bức màn đen đầy bí ẩn và cuối cùng tôi chỉ biết ghi chép theo sự hiển hiện của hoàn cảnh mà thôi.

Hơn nữa, tuyệt nhiên không có gì ràng buộc chúng tôi cùng thuyền trưởng Nam Mộ. Nhưng thoát khỏi tàu Nam Tị Lũy, quả là điều không thể làm nổi. Giữa chúng tôi, chưa hề có lời hứa hẹn hay cam kết nào hết. Nói trắng ra thì chúng tôi chỉ là những kẻ bị bắt và giam cầm, nhưng mang tiếng là khách cho có vẻ lịch sự và dễ nghe mà thôi.

Nễ Lang lúc nào cũng nuôi hy vọng trốn thoát lúc gặp cơ hội thuận tiện. Tôi cũng sẽ làm như anh ấy. Tuy nhiên tôi không tránh khỏi sự luyến tiếc và dù ra đi cũng sẽ ân hận vì thuyền trưởng đã cố cho tôi tìm hiểu những bí mật trong con tàu Nam Tị Lũy.

Con người này đáng mến hay đáng ghét? Ông ta là sát nhân hay nạn nhân?

Nói một cách thành thật hơn là tôi

muốn, trước khi rời tàu này, phải thực hiện cho được cuộc du hành vòng quanh thế giới bằng đường biển. Cuộc du hành này chỉ mới bắt đầu nhưng đã có nhiều điều lý thú.

Tôi ước mong được quan sát mọi thứ cá voi khắp các biển. Tôi muốn thấy được những cái gì mà người chưa thấy, dù phải trả giá bằng cả cuộc sống để thỏa mãn khát vọng học hỏi.

Nhưng đến nay mức sâu thăm, hiểu biết của tôi hẵn như chưa nghĩa lý gì. Tính ra tôi chỉ trải qua độ sáu ngàn dặm trên Thái Bình dương!

Hiện nay tôi biết rõ tàu Nam Tị Lũy đang tới gần các miền đất có dân cư. Nhưng nếu vì để thỏa mãn tánh tò mò tìm hiểu những điều mới lạ đến nỗi giao phó sinh mạng các bạn đồng hành cho

định mệnh rủi may thì thật là điều đáng ân hận.

Cần phải theo họ và cũng để hướng dẫn họ nữa và cơ hội này có thể đến không? Người tò mò bỗng bột háo thắng thì rất khao khát chờ mong, nhưng kẻ thức thời và hiểu kỳ lại không muốn.

Ngày 21 tháng giêng vào buổi trưa, tôi lên sàn tàu châm xì-gà hút trong khi người phụ tá đang quan sát. Hình như ông ta không hiểu tiếng Pháp. Nhiều lần tôi cố ý nói lớn lên một vài cảm tưởng để xem thử ông ta có phản ứng tự nhiên nào không. Ông ta vẫn thản nhiên và lặng lẽ.

Lúc ông ta dùng ống lục phân quan sát thì một thủy thủ đến lau chùi mặt kính đèn hiệu. Đây là anh chàng lực lưỡng đã cùng chúng tôi đi dạo trong cuộc du ngoạn dưới nước tại đảo Crepo độ nọ.

Tôi xem xét thấy đèn này có nhiều vòng kính hình hạt đậu làm theo kiểu đèn pha để tăng thêm sức sáng lên hàng trăm lần trong khu vực cần soi sáng. Loại đèn này được chế biến để rọi sáng đúng mức ngay trong khung cảnh mà không phải tăng cường độ. Nhờ vậy mà tiết kiệm được các mẫu than đỡ hao mòn. Ở chốn này, tạo được than đâu phải dễ.

Tôi bước vào phòng khi tàu Nam Tỵ Lũy tiếp tục đi. Các cửa đóng kín, con tàu nhằm đường thẳng lao mình.

Chúng tôi lướt sóng Ấn Độ dương vào khoảng từ một đến hai trăm thước sâu, cứ thế mãi trong mấy ngày liền.

Ngoài tôi ra, thì giờ đối với mọi người ham sống với biển cả, hình như rất chậm và buồn tẻ. Nhờ đi bách bộ trên sàn tàu để hít khí trời trong lành, nhờ những

buổi nhìn qua cửa kính ngắm cảnh biển dưới nước sâu, đọc sách, ghi hồi ký hết một số lớn thì giờ mà tôi đã tránh những lúc chán nản và mệt nhọc.

Ai nấy đều được dồi dào sức khỏe. Sự ăn uống trên tàu rất hợp với chúng tôi. Riêng tôi, nhiều lúc cũng thấy thú vị nhờ Nễ Lang đổi món trở bữa.

Không khí luôn luôn bình thường nên không ai bị cảm sốt. Trên tàu có dự trữ một số thạch tâm mà dân Provence thường gọi “chà-là biển” có chất mềm dễ tan, dùng trị ho rất thần hiệu.

Trong mấy ngày với những phương tiện đặc biệt chúng tôi hạ được một số chim nước, và vịt nước, hải âu. Đó là những giống chim săn bắn rất thích.

Tàu có lưới đánh được nhiều giống

rùa biển thuộc loại đồi mồi có lưng cong và có vảy rất quý. Loại này lặn rất giỏi và có thể sống lâu dưới nước nhờ có những miếng màn đặc biệt dày lỗ mũi. Nhiều con đồi mồi lúc bắt được còn ngủ kỹ trong vỏ cứng. Vỏ này che chở chúng khỏi bị các giống hải thú làm hại. Thịt tuy ít ngon nhưng trứng của chúng là một món ăn hiếm có.

Về loại cá thì không có gì kỳ thú bằng theo dõi đời sống bí ẩn của chúng dưới đáy bể qua những tấm kính của con tàu. Tôi đã gặp nhiều thứ lạ chưa ai được biết đến.

Có nhiều loại sò hến rất đặc biệt ở Hồng Hải (Mer Rouge), Ấn Độ và ven bờ biển Mỹ châu gần xích đạo. Loại này, cũng như giống rùa, trút, nhum và tôm cua, đều có một lớp vỏ cứng bao bọc. Lớp vỏ này không phải là chất phấn hoặc

chất đá, mà bằng xương, khi hình tam giác, khi hình vuông.

Theo bản ghi chép hàng ngày của Côn Sơn tôi còn nhận thấy ở miền này có loại cá kỳ quặc, lưng đỏ, bụng trắng có ba hàng lông, dài độ bảy tấc, có điện, màu sắc rất sặc sỡ.

Rồi đến nhiều thứ lạ lùng hơn nữa; có thứ hình như quả trứng, màu nâu sậm sọc trắng, không đuôi; nhiều giống nhím biển, nhiều lúc phình bụng tua tua gai nhọn hoắt; nhiều giống cá ngựa, các loại phi ngư mỏ dài, vảy như chiếc cánh, tuy không bay được nhưng phóng rất xa; những giống chim hình cái bay, đuôi có nhiều khoang vảy; những giống cá nhỏ dài độ 20 phân màu sắc óng ánh tuyệt đẹp; những con calliomores mình xanh nhạt, đầu nhám, vô số cá nháy, vây dài sọc đen, phóng mau một cách thần

tốc, có giống cá “buồm” lúc chạy trên mặt nước như muôn ngàn chiếc buồm đang lướt sóng; có những con Kurte lộng lẫy đủ màu vàng xanh trắng, những con Trichopterico nơi cánh có nhiều sợi lông nhỏ lúc nào cũng dính bùn, mỗi lần bay có tiếng rột rạt, có những con bodian trên mắt có màn mỏng luôn luôn cử động và sau cùng có những con soufflets mở dài như cái ống, chuyên bắt ruồi và chỉ cần phun một ít nước cũng đủ giết các loại côn trùng.

Trong số tám mươi chín giống cá do La-Xi-Bích (Lacepède) phân loại thuộc phái nhì của giống cá có xương nơi mang có một tấm màn mỏng, tôi nhận thấy có giống Scorpene đặc biệt có nhiều gai trên đầu và trên lưng chỉ có một cái vi duy nhất. Giống này có khi da trơn, có khi có vảy nho nhỏ, tùy loại. Loại thứ

hai có hai vi, dài độ ba bốn tấc, sọc vàng, đầu có hình rất kỳ lạ. Loại thứ nhất có nhiều hình dáng khác thường. Người ta thường gọi là giống “cóc biển” đầu to tướng khi lồi lõm có lúc phình lên từng cục, mình lờm chờm những gai và bướu lại thêm có nhiều cái sừng rất kỳ dị, da mình và da đuôi rần rì có gai nhọn rất độc trông vừa xấu xa vừa ghê tởm.

Từ ngày 21 đến 23 tháng giêng, tàu Nam Tị Lũy chạy trung bình mỗi ngày đến 250 dặm, tức là 540 bộ hoặc 22 dặm mỗi giờ.

Sở dĩ chúng tôi có thể phân biệt được các loại cá là vì chúng bị ánh điện hấp dẫn và chạy đua theo tàu. Nhiều con theo không kịp, trong phút chốc bị bỏ xa ngay. Tuy nhiên cũng có lắm con theo được trong thời gian khá lâu.

Sáng ngày 24 ở 12°5' trên vĩ tuyến và 94°33' trên kinh tuyến, chúng tôi gặp đảo Kỳ Linh (Kecling). Đây là một hòn đảo san hô có nhiều dừa mọc xinh xinh. Trước đây Đại Vinh và thuyền trưởng Phi Rô đã để bước tới. Chạy dọc theo ven hoang đảo này, các máy vớt của tàu Nam Tị Lũy đã móc theo nhiều loại san hô và lắm mẫu sò ốc tuyệt đẹp.

Dần dần đảo Kỳ Linh mờ khuất nơi chân trời xa và tàu theo hướng Tây Bắc, nhắm mũi bán đảo Ấn Độ thẳng tới.

Hôm ấy Nễ Lang nói với tôi:

– Đây là vùng đất văn minh rồi, hơn hòn đảo Papon đầy cá mồi và hươu. Thừa giáo sư, xứ Ấn Độ này có đủ xa lộ, thiết lộ, nhiều thành phố người Anh, Pháp, và Ấn. Không cần đi xa quá năm cây số cũng gặp được người đồng hương rồi. Ô,

chừng ấy có lẽ ta cũng bắt chấp các nghi thức lễ độ với thuyền trưởng Nam Mộ, ông nhỉ?

– Không nên đâu, Nễ Lang ạ, tôi trả lời với giọng quả quyết. Chúng ta cứ “chạy” mãi, các thủy thủ đã thường bảo: Tàu Nam Tị Lũy đã đến gần lục địa có dân cư và sẽ đưa chúng ta về Âu châu. Khi đến vùng biển mình, tự nhiên chúng ta sẽ hành động theo bản năng với mọi dè dặt cần thiết.

Lúc bấy giờ, chưa rõ thuyền trưởng Nam Mộ có còn để cho chúng tôi được đi săn ở bờ biển Malabar Coromandel như dạo nào ở rừng Tân Guinée hay không?

– Ông ạ, chúng ta không thể không cần thỏa thuận của thuyền trưởng ư?

Tôi không trả lời câu ấy vì không muốn cãi cộ dài dòng. Thật ra trong thâm tâm tôi vẫn muốn nhắm mắt theo sự hên xui của định mệnh, cũng như lúc đầu, định mệnh đã đưa tôi đến tàu Nam Tị Lữ.

Qua khỏi đảo Kỳ Linh, tàu chạy chậm dần. Thỉnh thoảng có thay đổi tốc độ nhưng thường lặn sâu hơn. Hằng ngày phải dùng máy đo độ nghiêng so với các phao nổi bên trong để biết mực nước. Lắm lúc tàu lặn sâu đến hai ba cây số, nhưng chưa bao giờ nghĩ đến việc đo để biết bề sâu của biển này. Ở đây, nhiều dụng cụ dò mực sâu dài hàng mười ba dặm chưa chạm tới đáy. Ở các mực nước cạn, hàng thử biểu ghi mãi 4 độ trên số không. Một điều đáng chú ý là ở các mực nước trên, nhiệt độ lúc nào cũng lạnh hơn ở dưới biển sâu.

Ngày 25 tháng giêng, mặt biển hoàn toàn vắng lặng. Tàu Nam Tị Lữ nổi suốt ngày. Các chong chóng quay mạnh làm nổi sóng rất cao như thế làm sao mà không lằm với một con cá voi vĩ đại được? Gần hai phần ba ngày tôi ở mãi trên sàn tàu để nhìn biển. Tận chân trời vắng ngắt, vào khoảng bốn giờ chiều mới có một chiếc tàu dài đi ngược về hướng Tây. Buồm tàu thấy rõ được một chiếc, nhưng tàu Nam Tị Lữ vì quá sát mặt nước nên không nhận thấy rõ được. Hình như tàu này thuộc hàng hải của bán đảo miền đông vượt biển Tích Lan và Sydney, qua mũi Vua George và Melbourne.

Vào khoảng năm giờ chiều, trong lúc hoàng hôn rữ bóng, Côn Sơn và tôi đã chúng kiến một cảnh tượng hết sức lạ lùng và thích thú. Đây là một giống vật dễ mến, theo người xưa thì mỗi khi gặp

được đem lại nhiều sự may mắn. Aristote, Athénée Plinie Oppieus đã nghiên cứu và ca tụng chúng bằng nhiều bài thơ trong thi đàn La Mã và Hy Lạp. Họ đặt tên chúng là số Nautibes và Pompylius. Nhưng khoa vạn vật học hiện đại cũng chưa chấp nhận tên này và ngày nay lại đặt tên là Argaunante. Chính một đoàn Argaunante, đông có mấy trăm con đang du ngoạn trên mặt biển. Đây thuộc giống Argaunaute đặc biệt ở miền Ấn Độ dương. Loại sò mỹ miều này chạy thụt lùi nhờ những chiếc vòi hút nước và thổi mạnh về đằng trước. Chúng dùng sáu vòi dài, nhỏ, và mỏng bơi trên mặt nước, còn hai vòi khác xòe ra như cánh bướm nhỏ trương theo chiều gió. Tôi nhìn được tận mắt, vỏ sò xoáy hình tròn ốc và gợn sóng mà Ông Cuvier đã ca tụng nó ví như một chiếc thuyền xinh xinh. Vỏ sò quả giống như một chiếc thuyền thật đang chở con

sò. Chính con sò đã tạo ra vỏ này nhưng không dính theo vỏ.

Tôi bảo Côn Sơn:

– Loại sò này có thể rời bỏ lớp vỏ, nhưng không bao giờ nó chịu rời.

Côn Sơn hóm hỉnh đáp:

– Chính thuyền trưởng Nam-Mộ cũng như thế. Đáng lẽ ông ấy đặt tên tàu là Argaunante mới phải?

Tàu Nam Tị Lữ nổi giữa đoàn sò suốt gần một giờ. Không rõ có gì đã làm cho chúng hoảng sợ; hình như một dấu hiệu riêng, thỉnh thoảng các vòi sò theo xếp lại, thân hình co bót, các vỏ sò mất thăng bằng và cả đoàn thuyền tí hon đó đã chìm mất dưới làn sóng. Thật là một động tác hết sức nhanh chóng và rập

ràng, chưa từng có một hạm đội nào có thể làm được như thế.

Lúc bấy giờ, trời vừa sụp tối, những làn sóng nhỏ lộn cộn vì cơn gió nồm thoáng qua đã tan dần dưới vỏ tàu Nam Tị Lũy.

Sáng ngày 26 tháng giêng, chúng tôi vượt qua đường Xích độ trên 92° kinh tuyến và bắt đầu vào Bắc bán cầu.

Suốt ngày đó hàng đoàn cá mập đuổi theo tàu. Những loại cá này tràn ngập khắp nơi biển các vùng này trở nên nguy hiểm. Có những loại cá mập phi líp lưng nám đen, bụng trắng lợt, miệng có mười một hàm răng bén, những cá xà trên cổ có nhiều chấm đen, vòng trắng như những con mắt, nhiều cá nhà táng có mỏ tròn lấm tấm đen. Nhiều khi đàn cá mập phóng mạnh vào cửa kính. Nề

Lang không còn tự chủ được nữa. Anh ta muốn trôi lên mặt nước, cho chúng những mũi lao, nhất là đối với những con cá xà mồm lồm chồm răng như một tấm thảm chạm và những cá mập beo dài trên năm thước luôn luôn có vẻ hung hăng khiêu khích.

Nhưng một lúc sau, tàu Nam Tị Lũy tăng tốc độ, và không mấy chốc đã bỏ xa chúng, cả những con bơi mau nhất.

Ngày 27 tháng giêng, vừa tiến vào vịnh Bengale, nhiều lần chúng tôi gặp phải cảnh tượng rất náo lòng. Những xác chết nổi bênh bồng trên mặt sóng. Những xác này ở các thành phố Ấn Độ do dòng sông Hằng Hà cuốn trôi ra biển theo nước thủy triều. Hàng đoàn kền kền bay theo rĩa thịt và ngày sau cá mập sẽ tiếp tục giúp sức để hoàn thành việc tổng táng cho những thầy ma này.

Lúc bảy giờ tối, tàu Nam Tị Lũy chìm nửa mình đi giữa một biển sữa. Đại dương hầu như tràn đầy cả sữa.

Có phải do ánh trăng không?

Không phải, vì đã hai ngày rồi, mặt trăng vẫn khuất, chân trời lấp trong ánh nắng. Bầu trời tuy còn sáng nhưng màu đen, tương phản với màu nước thành trắng đục.

Côn Sơn không tin là sự thật và hỏi tôi nguyên nhân của hiện tượng kỳ lạ này. Cũng may tôi đã giải thích được:

– Ở đây người gọi là biển sữa vì có nhiều vùng nước nhuộm màu trắng đục cũng như ở trên các miền thuộc bờ biển Amboine.

Côn Sơn hỏi thêm:

– Nhưng, thưa ông, vì sao lại có thể như vậy, tôi tưởng số nước này sẽ không biến thành sữa thật nếu tôi không làm.

– Không đâu, màu trắng đục mà anh đang ngạc nhiên, chỉ do nhiều giống chích trùng tựa hồ những con trùng có lân tinh, mình dẻo không màu sắc, lớn bằng sợi tóc, bề dài không bằng một phần năm một ly. Chúng nó dính liền với nhau trong phạm vi nhiều dặm.

– Nhiều dặm à, Côn Sơn ngạc nhiên kêu lớn.

– Phải, anh ạ! Đừng nhọc lòng phỏng tính số lượng của chúng, anh sẽ không bao giờ làm nổi. Vì nếu tôi không làm, có nhà hàng hải đã vượt qua trên bốn chục dặm những miền biển như thế!

Suốt mấy giờ liên tiếp, mũi tàu Nam

Tị Lữ xé đôi làn sóng trắng đục, và tôi có cảm tưởng con tàu lướt êm trên dòng nước xà phòng cũng như những lúc trôi trên những luồng nước xoáy đầy bọt giữa các luồng sóng ngược chiều đập vào nhau.

Vào khoảng nửa đêm, mặt biển bỗng trở lại màu sắc bình thường. Tuy nhiên nhìn lại đằng sau, xa tít tận chân trời, vũ trụ còn phản chiếu màu trắng đục, như còn nhuộm ánh sáng mơ hồ huyền ảo của buổi bình minh miền Bắc cực.

CHƯƠNG 26

MỘT ĐỀ NGHỊ MỚI CỦA THUYỀN TRƯỞNG NAM MỘ

Trưa 28 tháng hai, khi tàu Nam Tị Lũy nổi lên mặt nước trên 9°4' kinh tuyến Bắc, trước mặt một vùng đất độ tám dặm về phía Tây. Tôi nhận thấy có nhiều dãy núi cao độ hai ngàn bước, hình thái thay đổi rất bất thường.

Nhìn xong, tôi trở vào phòng, dò bản đồ thì được biết đó là đảo Tích Lan, hòn

ngọc treo phía dưới bán đảo Ấn Độ.

Tìm được trong tủ sách một ít sách liên hệ cho biết đảo này là một trong những vùng phì nhiêu nhất thế giới. Tôi tìm được quyển sách của Sir H. C. nói về “Đảo và dân Tích Lan”.

Trở về phòng ghi chép tôi thấy Tích Lan đã mang rất nhiều tên khác nhau. Nếu kẻ từ thời thượng cổ Tích Lan ở vào khoảng từ 5°55' đến 9°49' Bắc vĩ độ, và từ 79°42' đến 82°4' kinh độ về phía đông đường kinh tuyến Greenwich, dài 275 dặm, bề ngang tối đa 150 dặm, chu-vi 900 dặm, diện tích 24.448 dặm vuông, nghĩa là nhỏ hơn nước Ái Nhĩ Lan một ít.

Thuyền trưởng Nam Mộ và người phụ tá cũng vừa đến. Liếc mắt vào bản đồ, thuyền trưởng quay lại tôi hỏi:

– Đảo Tích Lan là nơi nổi tiếng về ngư nghiệp và ngọc trai. Chắc ông Long Đắc sẽ rất hài lòng đi viếng một cơ sở đánh cá của nơi này?

– Đúng vậy, thưa thuyền trưởng.

– Được lắm, việc này rất dễ. Tuy nhiên ông chỉ viếng nơi đánh cá chứ không gặp được người đánh cá vì mùa đánh cá hàng năm nay vẫn chưa bắt đầu. Nhưng không cần, tôi sẽ ra lệnh tiến vào vịnh Ma Na (Manaar) và sẽ đến đó vào tối nay.

Thuyền trưởng dặn người phụ tá mấy câu. Người này lui ra ngay. Tàu Nam Tị Lũy trắm mình vào nước sâu và giữ nguyên mức trung bình ba chục thước.

Tìm Ma Na trên bản đồ trước mắt, tôi thấy vị trí vịnh ấy ở trên vĩ tuyến 9 trên bờ biển Bắc Tích Lan. Vịnh này do

đảo nhỏ Ma Na kéo dài hợp thành, muốn tới nơi cần đi ngược bờ bể phía Tây Tích Lan.

– Thưa giáo sư, thuyền trưởng Nam Mộ nói, người ta lấy ngọc ở vịnh Bengale, trên biển Ấn Độ, biển Nam Hải, biển Nhật Bản, các biển miền nam Mỹ châu, vịnh Gia Nã Đại, vịnh Californie nhưng chính ở Tích Lan việc lấy ngọc thu lượm được nhiều kết quả tốt đẹp nhất. Chúng ta viếng hơi sớm. Các nhà lấy ngọc trai chỉ tụ họp đến vịnh Ma Na từ tháng ba trở đi. Suốt ba mươi ngày, trên ba trăm thuyền họ tích cực khai thác kho ngọc trai vô tận của biển cả. Mỗi chiếc thuyền sẽ có mười người chèo và mười người lấy ngọc. Họ chia thành hai toán luân phiên nhau lặn xuống độ mười hai thước sâu, với những tảng đá kẹp sẵn nơi chân và có dây buộc liền với thuyền.

– Người ta vẫn còn sử dụng những phương pháp cổ truyền ư? Tôi hỏi.

– Chính thế, mặc dầu các nơi này thuộc quyền sở hữu của người Anh, dân tộc có nền kỹ nghệ tiến bộ nhất thế giới. Hòa ước Amieus đã trao quyền cho họ từ năm 1802.

– Hình như các áo lặn mà ông vẫn thường dùng, có thể sử dụng hữu hiệu trong công việc này chứ?

– Vâng, vì người thợ lặn không thể ở lâu dưới nước được. Ông Perceval, dân nước Anh, lúc qua giếng Tích Lan có quả quyết rằng một người Caire đã lặn hơn năm phút chưa trồi lên. Điều này tôi thấy hơi khó tin. Theo tôi được biết có một số thợ lặn được 57 giây, và những người lành nghề nhất cũng chỉ được 97 giây thôi. Đó chỉ là vài trường hợp hiếm

có và lúc trở lên, họ đều bị ra máu tai, máu mũi cả. Theo tôi nghĩ thì thời gian trung bình của thợ lặn là nửa phút. Họ phải cấp tốc tìm và gộp nhặt nhiều con trai càng nhiều càng hay để nhét vào lưới mà trồi lên. Tuy nhiên phần đông họ bị chết non, mắt mau mờ, mình mẩy sinh ra nhiều mụn nhọt và thỉnh thoảng có một số bị ngất thở chết dưới đáy bè vì trúng phong.

– Vâng, quả là một nghề nghiệp đáng thương hại chỉ phục vụ cho sự thay đổi của thời trang! Thuyền trưởng có thể vui lòng cho biết hàng ngày mỗi chiếc thuyền có thể tìm được bao nhiêu ngọc trai?

– Độ 40 đến 50 ngàn. Người ta thuật lại hồi năm 1814, Chính phủ Anh quốc bắt thợ lặn vớt ngọc cho nhà nước được bảy mươi sáu triệu con trai trong vòng 20 ngày.

– Những người thợ lặn có được trả lương hậu không?

– Một phần nào thôi, thưa giáo sư. Ở Panama họ lãnh mỗi tuần chỉ một đô-la mà thôi. Thường họ được thưởng thêm một xu mỗi khi được một con trai có ngọc. Số trai họ với được biết cơ man nào thuộc loại không có ngọc.

– Chỉ có một xu ư? Những người khốn khổ ấy đã đem giàu sang lại cho chủ họ! Thật đáng ghê tởm.

– Bây giờ đây, giáo sư và các bạn đồng hành sẽ đi viếng bãi Ma Na. Nếu bất ngờ có kẻ nào hành nghề sớm, các ngài sẽ được thấy cách họ làm việc.

– Vâng, thưa thuyền trưởng.

– Thưa giáo sư, chắc giáo sư không ngại cá mập đấy chứ?

– Cá mập ư! Tôi hết hoảng hốt.

Câu hỏi này có lẽ vô ích, theo tôi nghĩ.

– Thế nào? Thuyền trưởng hỏi lại.

– Thưa Thuyền trưởng, xin thú thật là tôi chưa hề quen với loại cá này.

– Chúng tôi thì đã quá quen thuộc rồi. Thuyền trưởng Nam Mộ nói lại. Nhưng rồi các ông cũng sẽ quen. Hơn nữa chúng ta có sẵn vũ khí, và trong lúc đi đường chúng ta cũng có thể săn được vài con. Cuộc săn bắn này sẽ rất thú vị. Thôi hẹn ngày may giáo sư nhé, thật sớm đấy nhé!

Thuyền trưởng nói với giọng thân mật và bước ra khỏi phòng.

Tôi ngồi một mình suy nghĩ: “Trước

kia đi săn rái trong rừng dưới đáy biển ở đảo Crespo, nhưng lần này với cuộc đi săn khác, chắc chắn sẽ gặp cá mập thì lại một vấn đề khác hẳn.”

Tôi bỗng nhớ đến những con cá nhà táng khổng lồ, hàm răng lởm chởm nhọn hoắt; nhọn có thể táp con người đứt khúc rất dễ dàng. Bao nhiêu đó cũng đủ rợn xương sống rồi, tôi không thể nào nhận lời mời của thuyền trưởng được, vì đây không phải việc săn bắn giản dị.

– Thôi được rồi, chắc Côn Sơn không tán thành và tôi sẽ lấy cớ ấy mà từ chối không theo thuyền trưởng.

Còn Nễ Lang không chắc anh ta sẽ lạnh trí. Với bản chất háo thắng, anh ta sẽ quên sự nguy hiểm?

Muốn tiếp tục đọc cuốn sách của

“Sirr” nhưng lật qua các trang giấy một cách lơ đãng. Mắt tôi luôn luôn trông thấy những hàm răng chom chồm của cá mập hiện trên dòng chữ.

Ngay lúc ấy Côn Sơn và Nễ Lang cùng bước vào phòng, bình tĩnh và vui vẻ.

Họ đâu có đoán trước những gì đang chờ họ.

Nễ Lang bảo tôi:

– Tôi không ngờ thuyền trưởng Nam Mộ vừa đưa một đề nghị rất thích thú.

– À, anh cũng đã rõ rồi sao?

– Chắc ông sẽ hài lòng, Côn Sơn trả lời, thuyền trưởng tàu Nam-Tị Lũy mời chúng tôi cùng ông, ngày mai đi viếng một nơi lấy ngọc trai ở Tích Lan.

Anh ca nói với một giọng thận trọng và ra vẻ lịch thiệp lắm.

– Ông ấy có nói gì thêm nữa không?

Nễ Lang nói:

– Không, có lẽ thuyền trưởng cũng đã nói trước cho giáo sư biết về cuộc du ngoạn này rồi chứ!

– Có, và ông ấy đã nói rõ chi tiết về...

Côn Sơn nói:

– Không, nhưng chắc ông nhận đi cùng chúng tôi đấy chứ?

– Tôi đấy à... có lẽ! Xem bộ ông ta vừa ý lắm phải không anh Nễ Lang?

– Vâng, vì lạ lùng thú vị lắm.

– Nhưng có lẽ nguy hiểm đấy.

– Có gì mà nguy hiểm, đây chỉ là một cuộc viếng thăm đơn giản nơi vùng sò trai mà thôi?

Chắc thuyền trưởng Nam Mộ xét không cần gọi cho họ nghĩ đến chuyện cá mập. Chưa gì tôi đã nhìn họ và hình dung họ là kẻ mất tay hay chân rồi. Tôi phân vân không biết có nên nói rõ cho họ biết chẳng? Có lẽ phải nói, nhưng nói bằng cách nào bây giờ?

– Thưa ông, Côn Sơn nói, ông có thể cho chúng tôi rõ ít chi tiết về việc lấy ngọc trai không?

– Về việc lấy ngọc hay những tai nạn về...

Nễ Lang nói:

– Về việc lấy ngọc. Trước khi đi, tưởng cũng cần phải hiểu rõ.

Côn Sơn và Nễ Lang cùng ngồi nơi ghế dài và Nễ Lang hỏi trước:

– Thưa ông, ngọc trai là thế nào nhỉ?

– Nễ Lang ạ, đối với nhà thi sĩ, ngọc trai là giọt lệ của biển cả, đối với người Á đông đó là những giọt sương đông đặc lại, đối với phụ nữ ngọc trai là một món nữ trang hình bầu dục, ánh sáng lấp lánh, bằng chất xà cừ, các cô các bà thường đeo ở ngón tay, nơi cổ và nơi tai. Đối với nhà hóa học đó là sự phối hợp của chất phốt-phát các-bô-nát của vôi, một ít chất dẻo, và sau cùng đối với nhà vật lý học thì đó là những chất bài tiết xà cừ nơi vết thương của loài trai.

Côn Sơn nói tiếp:

– Một dòng của loài sò, thuộc giống a-xê-phan (acephale) và hạng tết-ta-xê (testacé).

Tôi nói tiếp:

– Loài sò sinh ra ngọc là giống trai rất quý giá. Hồn ngọc chỉ do sự bài tiết chất xà cừ đọng cứng lại, có hình tròn. Ngọc thường dính nơi vỏ trai hoặc nằm giữa các sớ thịt trai. Ngọc ở vỏ thì dính, ngọc ở thịt thì rời, nhưng ngọc nào cũng đều do một vật cứng, hay một hạt cát ở trong con trai, năm này sang năm khác, dần dần nước xà cừ do con trai bài tiết ra nhiều lớp làm cho ngọc lớn mãi lên.

– Trong một con trai, có thể có nhiều hạt ngọc không? Côn Sơn hỏi thêm.

– Có chứ! Lắm khi có nhiều con trai chứa cả mớ ngọc. Người ta có kể lại, nhưng tôi chưa tin lắm, có con trai chứa gần một trăm năm chục con cá mập.

– Một trăm năm chục cá mập à! Nễ Lang ngạc nhiên hỏi.

– Tôi nói cá mập à? Nhầm đó, tôi muốn nói một trăm năm chục viên ngọc. Cá mập không có nghĩa gì trong vấn đề này.

– Bây giờ xin ông cho biết người ta lấy ngọc cũng cách nào?

– Có nhiều cách, lắm khi người ta dùng kềm gắp ngọc dính ở vỏ con trai. Nhưng lối phổ thông nhất là người ta đổ từng đồng trai trên những tấm đệm phơi trên bờ biển. Gặp khí trời, con trai chết ngay, và trong vòng mười ngày thịt rửa hết. Người ta lại đổ vào những bể cạn chứa nước biển, cạy vỏ để rửa lại. Bấy giờ bắt đầu hai công việc cùng làm một lúc. Trước tiên người ta gỡ ngọc dính ở vỏ. Đó là những loại ngọc ánh bạc, loại ngọc đen và ngọc trắng, chứa hàng thùng nặng từ 125 đến một trăm rưỡi kí-lô. Tiếp đến người ta gỡ hết thịt đem nấu chín như

rồi đem sàng để gạn lấy hết những hòn ngọc nhỏ nhất.

Côn Sơn hỏi thêm:

– Giá ngọc có phải tùy theo cỡ lớn nhỏ không?

– Không phải chỉ tùy cỡ lớn nhỏ mà còn tùy theo hình dáng và nước ngọc, tức là màu sắc, và còn tùy sức chói óng ánh và các vân ẩn làm cho viên ngọc tăng thêm vẻ đẹp. Thứ đẹp nhất là loại “ngọc tinh” hoặc “paragon”. Ngọc này nằm rời trong thớ thịt con trai, thường màu trắng, hơi đục, có khi trong mờ mờ, hình tròn hay hình quả lê. Nếu đem bán riêng từng viên lẻ tẻ, ngọc này càng quý giá hơn nữa, Tất cả các loại ngọc khác bám dính vào vỏ con trai. Sau cùng là những ngọc nhỏ hay ngọc giống giá trị ít hơn.

– Nhưng nghề lấy ngọc có nguy hiểm không? Côn Sơn hỏi tiếp.

– Không. Nhất là khi người ta đã dụng cách đề phòng.

– Trong nghề này, người ta có mạo hiểm không? Thường có phải uống nước biển không? Nễ Lang hỏi.

– Cũng có chứ. À mà ông bạn Nễ Lang có sợ cá mập không nhỉ?

Tôi cố ý bắt chước giọng nói thản nhiên của thuyền trưởng Nam Mộ.

– Một thủy thủ hành nghề như tôi thì đời nào lại sợ cá mập. Nghề nghiệp tôi khiến tôi xem thường chúng nó!

– Ở đây không phải vấn đề câu cá mập bằng móc sắt, rồi kéo lên tàu để chặt đuôi, mổ ruột, rút tim rồi lại ném lại xuống biển đâu nhé!

– Vậy có phải là...?

– Vâng, đúng thế.

– Đúng, ở dưới nước.

– Thật ra, cá mập không tinh khôn lắm! Chỉ cần có lao tốt, thừa dịp lúc nó quay mình để đớp là...

Nễ Lang nhấn mạnh vào tiếng đớp làm người nghe lạnh xương sống.

– Còn Côn Sơn, quan niệm cá mập ra sao nhỉ?

– Phần tôi, luôn luôn theo gương thầy. Nếu thầy xem thường cá mập, thì kẻ tớ trung thành này cũng dám chiến đấu với cá mập bên cạnh thầy.

CHƯƠNG 27

VIÊN NGỌC MƯỜI TRIỆU BẠC

Đêm đến. Tôi đi nằm, nhưng trằn trọc mãi. Những con cá mập luôn luôn ám ảnh tôi trong giấc mộng. Tôi suy luận mãi để phân tách và cân nhắc từng loại cá mập. Khi thấy hợp lý, khi lại thấy vô lý. Bốn giờ sáng hôm sau, người bồi tàu do thuyền trưởng đặc phái để tôi sai bảo đánh thức tôi dậy.

Tôi lật đật đứng lên mặc áo vào

phòng khách. Thuyền trưởng Nam Mộ đã chờ sẵn ở đây, hỏi tôi:

– Ông Long Đắc đã sẵn sàng lên đường chưa?

– Tôi đã sẵn sàng.

– Xin theo tôi.

– Còn các bạn tôi, thưa thuyền trưởng?

– Họ đang chờ ông đấy.

– Chúng ta có phải mang áo lặn không?

– Chưa cần ngay. Tôi để tàu Nam Tị Lũy đậu ngoài khơi hơi cách xa bãi Ma Na, và sẽ cho dùng ca nô để đến nơi cần xuống. Làm như thế, chúng ta đỡ khỏi phải đi một khoảng đường xa. Người ta sẽ mang theo các dụng cụ lặn nước để sử

dụng lúc bắt đầu cuộc thám hiểm dưới biển.

Thuyền trưởng Nam Mộ đưa chúng tôi theo tam cấp giữa để leo lên sàn tàu. Côn Sơn và Nữ Lang đều có mặt tại đây và hồi hộp trông đợi cuộc “du ngoạn giải trí” sắp bắt đầu. Năm người thủy thủ cầm sẵn chèo đang chờ chúng tôi trên chiếc ca nô cặp sát bên tàu Nam Tị Lũy.

Đêm vẫn còn tối. Bầu trời đầy những đám mây đen, thỉnh thoảng có vài ngôi sao rời rạc. Đưa mắt vào bờ, tôi nhận thấy dáng một lần gợn trên ba phân tử chân trời từ Tây Nam đến Tây Bắc. Khi đêm, tàu Nam Tị Lũy đã chạy lên bờ tây đảo Tích Lan, đậu giữa vịnh cách bờ bể và đảo Ma Na. Nơi đây dưới ánh nước âm thầm, từng luống trai chứa đầy ngọc phoi mình trên khoảng dài hơn hai chục dặm. Thuyền trưởng Nam Mộ, Côn Sơn,

Nễ Lang và tôi đến ngồi phía sau ca nô. Người lái thuyền đứng cầm bánh lái, và bốn thủy thủ nắm chèo, kéo neo và chúng tôi khởi hành.

Ca nô tiến về hướng Nam, chèo buông chậm chậm. Những cánh tay gân guốc từ từ gạt nước cách nhau từng mười giây một theo lối chèo của những chiến thuyền ngày trước. Trong khi thuyền lướt nhẹ trên biển, những giọt nước rơi lách tách trên nền sóng đen ngòm như những khối chì nấu chảy. Từ ngoài khơi từng làn sóng nhẹ kéo đến vỗ vào mũi thuyền khiến thuyền hơi chòng chành.

Chúng tôi đều nín thinh. Không rõ lúc này thuyền trưởng Nam Mộ đang suy nghĩ gì? Có lẽ đang nghĩ đến bờ biển sắp đến. Không như ý nghĩ của Nễ Lang, quá cách biệt không hiểu được thực tại.

Côn Sơn thì ngồi yên băng quơ nhìn xa xôi.

Đến năm giờ rưỡi, ánh sáng đầu tiên nơi chân trời lộ dạng hiện rõ một nét dài đen trên bờ biển, hơi thấp phía đông, cao dần về phía nam

Chỉ còn lối năm dặm nữa. Bờ biển bắt đầu lần khuất dưới mặt nước đầy sương mù. Trong khoảng cách giữa bờ và chúng tôi, mặt biển vắng tanh, không một chiếc thuyền, không một bóng người tìm ngọc. Đúng như sự nhận xét từ trước của thuyền trưởng Nam Mộ, chúng tôi đến chốn này quá sớm.

Sáu giờ, trời bỗng sáng rõ. Ấy là điểm đặc biệt của miền nhiệt đới. Ở đây không có bình minh và cũng không có hoàng hôn.

Ánh mặt trời xuyên qua những đám mây chập chùng nơi chân trời đông và mặt trời lên cao rất mau.

Tôi thấy rõ mặt đất và nhiều cây mọc rải rác. Ca nô tiến dần vào đảo Ma Na nằm theo vòng tròn về phía nam. Thuyền trưởng Nam Mộ đứng dậy quan sát mặt biển.

Theo dấu hiệu của thuyền trưởng, ca nô bỏ neo nhưng không phải buông dây nhiều vì nước sâu không quá một thước. Nơi đây là chỗ cao nhất trong bãi có ngọc trai và ở đây ca nô tránh khỏi bị nước thủy triều kéo ra khơi.

– Chúng ta đã tới nơi rồi ông Long Đắc ạ, thuyền trưởng Nam Mộ nói. Các ông thấy chỗ này hơi hẹp. Nhưng, một tháng nữa, sẽ tập trung đa số thuyền của những nhà tìm ngọc. Cũng chính trong

vùng nước này, các thợ lặn sẽ trở tài sưu tầm ngọc trai. Đáy biển này rất hợp với nghề nghiệp ấy. Vì nó cung cấp cho họ rất thuận lợi cho việc làm của thợ lặn. Chúng ta cần mang áo lặn để bắt đầu cuộc du ngoạn.

Tôi không trả lời, nhìn sóng, ngần ngại. Các thủy thủ giúp tôi mặc áo quần đi biển. Thuyền trưởng Nam Mộ và hai bạn tôi cũng mặc xong. Kỳ này không một thủy thủ nào của tàu Nam Tị Lũy đi theo chúng tôi.

Chui trong bộ y phục cao su đến tận cổ, chúng tôi thắt các dây rút bình hơi trên lưng. Trước khi dứt đầu vào chiếc bao bằng đồng, tôi hỏi Thuyền trưởng:

– Chiếc máy đèn Ruhmkorff, có lẽ không cần đến?

Thuyền trưởng trả lời:

– Khởi cần loại máy này. Chúng ta không xuống sâu lắm, và ánh mặt trời cũng đủ soi sáng đường đi. Hơn nữa không nên mang đèn điện xuống nước vì sức sáng chói của nó có thể làm lúy ý một vài thổ dân nguy hiểm của vùng này.

Khi thuyền trưởng đang nói, tôi nhìn Nễ Lang và Côn Sơn, nhưng cả hai đều trằm đầu trong chiếc bao đồng, không còn nghe hay trả lời gì được nữa.

Tôi hỏi thêm Thuyền trưởng câu chót:

– Có đem vũ khí súng ống theo không?

– Không cần súng nữa. Dân miền núi giết gấu bằng dao găm, thép bén há khô-

ng hơn đạn chì sao? Ông găm con dao này nơi dây nịt và chúng ta lên đường ngay.

Nhìn lại hai bạn, thấy họ cũng võ trang như tôi. Nễ Lang cầm thêm một cây lao dài to tướng mà anh đã để sẵn trong ca nô lúc rời tàu Nam Tị Lũy. Theo gương thuyền trưởng, tôi chui đầu vào cái bầu tròn bằng đồng nặng trĩu và máy bơm không khí bắt đầu hoạt động.

Qua một lúc, các thủy thủ giúp tôi kẻ trước người sau bước xuống nước. Nước sâu không quá một thước, nền cát mềm và êm. Theo dấu tay làm hiệu của thuyền trưởng, chúng tôi đi theo một dốc nghiêng khuất dần dưới lớp sóng.

Bao nhiêu ám ảnh trong ý nghĩ tôi đã tiêu mất. Tôi trở lại bình tĩnh. Sự cử động dễ dàng làm thêm niềm tin tưởng,

trí óc tôi bị vẻ đẹp lạ lùng của cảnh vật làm hằng say.

Mặt trời chiếu đủ ánh sáng xuyên qua tận đáy nước. Mọi vật dù nhỏ bé cũng trông thấy rõ ràng. Đi được mười phút, đáy biển đã dần dần bằng phẳng. Dưới bước chân của chúng tôi, hàng đoàn cá lạ theo loại monoptères, không vi, chỉ có đuôi, bơi lội tung tăng, tựa hồ như những đầu mỏ nhác bay lên trên các đầm lầy. Nhiều con chính miền Java giống hệt như những con rắn, dài độ tám phân, bụng xanh xám, người ta rất dễ lầm với loài lịch nếu nó không có hai lần vàng bên hông. Có giống cá thuộc loại stromtée mình đẹp, hình thuận, nhiều màu sắc rực rỡ, cái mang phía trên lưng tựa hồ cái hái. Người ta thường nuôi và phơi khô để làm một món ăn rất ngon gọi là Krawade. Rồi đến loại Tranquebar

thuộc giống Apsiphoroide mình có một lớp vảy cứng có tám cạnh dọc theo bề dài.

Mặt trời càng lên cao càng chiếu sáng hơn qua các lớp nước. Mặt đất thay đổi dần. Hết cát, rồi lại đến những lớp đá cuội tròn đầy cả sò hến. Trong hai loại này, tôi nhận thấy có giống hến placéne vỏ vuông đặc biệt của miền Hồng Hải, Ấn Độ dương. Giống sò lucine có vỏ tròn, màu da cam rất đẹp. Có nhiều tảng đá hình trạng quái gở, dài độ 11 phân dựng đứng dưới sóng như những bàn tay kỳ lạ lăm le muốn nắm lấy ta. Nhiều con ốc mình lỏm chồm cả gai. Những giống Lingules, Anatines ăn được, có bán khắp thị trường Ấn Độ. Những giống cá Panoyres có chất lẫn tinh và cuối cùng có những cây rẽ quạt rất đẹp. Giống này mọc rất nhiều khắp biển miền này.

Giữa khu rừng, giống thủy mộc sống lẫn lộn không biết cơ man nào, những động vật hình thù kỳ lạ, đặc biệt nhất là giống ranines vỏ cứng, có răng cửa, hình tam giác, hơi tròn, giống briques khác thường của vùng này, giống parthenores ghê gớm, nhìn rất dễ sợ. Có một hải thú không kém phần rừng rợn mà tôi đã gặp nhiều lần là giống cua khổng lồ. Theo ông Darwin thì trời sanh loại cua này rất khỏe, có đủ sức để kẹp bể quả dừa để ăn. Loại cua này thường leo lên những cây dừa trên bờ biển bứt những quả rớt xuống cho nứt ra rồi dùng càng banh ra để ăn. Dưới làn sóng trong vắt, giống cua này chạy rất nhanh ngoài ra có những giống rùa hiền lành, thường ở miền biển Malabar, chậm chạp lẫn khuất trong những hòn đá lẫn ngổn ngang.

Lối bảy giờ, chúng tôi đi vào bãi ngọc

traí. Nơi đây là loài trai có ngọc, sinh sống và nẩy nở có đến hàng triệu con.

Giống trai quý báu ấy đeo cứng trên đá với những ty tức màu nâu, cũng như loài sò, và có lẽ còn thua loài sò, giống trai trời sinh ra chỉ nằm yên một chỗ, không chuyển dịch đi đâu được.

Giống trai melagrina sinh ra ngọc, có vỏ dày bằng nhau, hình dáng hơi tròn và bề ngoài rất nhám. Cũng có nhiều con vỏ có chấm lốm đốm hoặc có sọc xanh hình rẽ quạt trên chóp. Chúng thuộc loại sò non. Có những thứ khác đen sù sì, trên mười tuổi, bề ngang độ một tấc rưỡi.

Thuyền trưởng Nam Mộ chỉ vào những đồng trai chồng chất lên nhau. Thật là một kho vô tận và hình như tạo hóa bất chấp sự phá hoại của loài người. Nễ Lang, với bản tính nghịch ngợm nhất,

tìm cách lượm tất cả những con sò đẹp nhất và nhét vội vào một bao lưới đeo bên mình.

Nhưng chúng tôi không thể đứng lại vì cần phải đi theo thuyền trưởng Nam Mộ đang lăm lũi trên những đường nhỏ mà có lẽ chỉ một mình ông biết rõ. Mặt đất lên cao dần, có lúc tôi giơ tay lên cao quá mặt nước. Nhưng phút chốc, mặt bãi lại thấp xuống. Lắm lúc chúng tôi phải đi vòng quanh những tảng đá dựng đứng hình khối tháp. Qua những khe đá tối om, nhiều con cua lớn giương càng cao lênh nhểnh như bộ giáp bào, đang trở mắt nhìn theo chúng tôi. Dưới chân chúng tôi, bò vô số những con myrianes, con glycères, con aricées, con annélides với những vòi dài tua tua uốn éo.

Lúc bấy giờ, trước mặt chúng tôi một cái hang rộng hiện ra dưới những khối

đá chồng chất bám đầy rong rêu và mọc đầy những loài hải mộc. Ban đầu hang hơi tối. Ánh sáng mặt trời soi yếu dần qua những lớp nước sâu và trở nên âm u mờ mịt.

Thuyền trưởng Nam Mộ bước vào hang. Chúng tôi bước theo. Mắt quen dần với bóng tối, tôi cũng phân biệt được nóc hang lồi lõm trên những cột đá thiên nhiên. Chân cột to lớn, giống hệt những hàng cột theo lối kiến trúc thời xưa.

Chẳng hiểu vì lý do gì mà người hướng đạo khó hiểu ấy lại đưa chúng tôi vào nơi đây. Có lẽ tôi sắp biết rõ.

Vừa bước xuống một dốc đứng, chân chúng tôi chạm phải đáy một cái giếng hình tròn. Thuyền trưởng Nam Mộ bỗng dừng lại và đưa tay chỉ một vật lơ mờ.

Đó là một con trai lớn dị thường ngoài sức tưởng tượng; một khối vĩ đại, có thể chứa cả một hồ nước thánh, một cái thủy bàn bề ngang hơn hai thước và cố nhiên là lớn hơn cái đang ở phòng khách của tàu Nam Tị Lũy.

Tôi bước lại gần con trai quái gở này. Ty túc của nó bám vào một tảng đá. Nó đã sống riêng biệt nơi đây và lớn dần trong làn nước yên tĩnh của hang sâu. Sức nặng của nó ước độ ba trăm kí-lô. Ô, một con trai như thế với số thịt độ mười lăm cân, và có lẽ phải có bao tử như con Gargantua mới có thể xơi một lần được vài tá.

Dĩ nhiên Thuyền trưởng Nam Mộ đã biết trước con trai này rồi, không phải ông ấy mới đến viếng lần đầu. Tôi đoán ông ta muốn đưa chúng tôi đến đây để mục kích một hiện tượng lạ lùng của tạo

vật. Nhưng tôi đã lầm. Thuyền trưởng chỉ có dụng ý muốn đến thăm chúng nó mà thôi.

Hai nắp vỏ con trai đang hé mở. Thuyền trưởng bước lại gần, dùng dao găm chống vào trong để nó khỏi khép lại được, rồi thò tay vệt màn ngoài, như một lớp áo phủ bao bọc con vật.

Qua những lớp thịt xếp mỏng, tôi nhìn thấy một hòn ngọc nằm rời ra, lớn bằng cái sọ dừa. Với hình dáng tròn trịa, với màu nước trong suốt, với ánh sáng tuyệt đẹp, viên ngọc đó là một món nữ trang vô giá.

Động tính hiếu kỳ, tôi muốn đưa tay mân mê, nhắc thử, nhưng thuyền trưởng ra dấu cản lại. Ông ta rút nhanh lưỡi dao găm ra, hai vỏ trai khép kín lại tức thì.

Tôi đã hiểu rõ dụng ý của Thuyền trưởng muốn để viên ngọc lớn dần trong số thịt của con trai, mỗi năm bài tiết thêm một chất nước, bọc thêm nhiều lớp mới. Thuyền trưởng là người duy nhất biết rõ vị trí chiếc hang. Nơi đây ông ta mặc sức gặt hái những bảo vật của thiên nhiên mang về viện bảo tàng quý báu riêng của ông ta.

Có lẽ bắt chước phương pháp của người Tàu và người Ấn, thuyền trưởng đã bỏ một cục thủy tinh hoặc kim khí vào đó để cho các chất nước xa cừ bài tiết và bao bọc lần lần.

Nếu đem so sánh viên ngọc này với những hòn ngọc của thuyền trưởng đã sưu tập, tôi ước lượng giá trị của nó ít nhất cũng phải mười triệu quan [Đồng quan trước 1914.].

Đây chỉ quý nơi giá trị thiên nhiên biển cả, hơn là giá trị của một nữ trang, vì có tai đàn bà nào có thể đeo nổi một hòn ngọc cỡ ấy được.

Sau khi viếng thăm con trai đặc biệt xong, Thuyền trưởng rời khỏi hang đá. Chúng tôi bước theo lên bãi, đi qua vùng cát có trai, dưới làn nước trong vắt, và yên tĩnh muôn đời nếu không có những người thợ lặn đến phá rối.

Chúng tôi đi vợ vắn mỗi người một nơi tùy sở thích. Riêng phần tôi, tôi không còn nghĩ đến những mối nguy hiểm mà tôi đã lo ngại một cách quá đáng trước kia.

Đáy biển lên cao dần gần đến mặt nước. Côn Sơn bước vội đến gần tôi, kẻ sát cái máy trùm đầu của anh ta vào mặt tôi tỏ vẻ chào mừng thân mật. Nhưng

nơi này chỉ đi được vài thước, và chúng tôi trở lại chiều sâu như cũ.

Mười phút sau, thuyền trưởng Nam Mộ bỗng nhiên dừng lại. Tôi tưởng ông ta trở gót. Nhưng không phải thế. Ông ta làm dấu bảo chúng tôi ẩn vào một chỗ lõm khá rộng sau lưng ông ta rồi chỉ vào một nơi dưới nước. Tôi trở mắt nhìn kỹ.

Cách tôi năm thước, một cái bóng đen chìm thấp xuống mặt đất. Cảm giác gặp cá mập lại diễn ra trong trí tôi. Nhưng tôi đã lầm, vì chúng tôi chưa thể gặp loại thủy quái này sớm.

Đó là một người, một người Ấn Độ, da đen, một thợ lặn. Khốn nạn, có lẽ anh ta đi làm trước mùa lấy ngọc. Tôi nhìn thấy rõ đít chiếc ca nô của anh ta đậu cách đầu chúng tôi độ vài bước. Anh ta lặn xuống và trồi lên liên tiếp. Một tảng

đá kẹp nơi chân, đeo vào một cái dây cột nơi ca nô giúp anh ta lên xuống được dễ dàng mau chóng. Tất cả dụng cụ chỉ có bao nhiêu đó thôi. Đến đáy bể sâu độ năm thước, anh ta quỳ xuống, hấp tấp lượm những con trai bỏ vào một cái bao rồi trồi lên ngay. Trút hết trai trong bao, kẹp lại tảng đá, anh ta lại lặn xuống, mỗi bận không quá ba mươi giây.

Anh ta không nhìn thấy chúng tôi vì hõm đá che khuất. Chắc anh chàng Ấn Độ này cũng không bao giờ nghĩ đến có nhiều người đồng loại hiện đang ẩn dưới nước, theo dõi hành động, và quan sát công việc làm của anh ta nhỉ?

Anh ta lặn lên xuống đã nhiều bận, mỗi bận góp được mười con trai. Vì anh ta còn phải gỡ những ty tức của chúng bám vào các tảng đá.

Không rõ những con trai này chứa được bao nhiêu ngọc mà anh ta phải liều cả mạng sống của mình như thế! Tôi chăm chú theo dõi. Việc làm anh ta cứ thế độ nửa giờ, chưa có gì nguy hiểm xảy ra. Nhưng bỗng nhiên người Ấn Độ, đang quỳ lom khom hoảng hốt đứng dậy và lấy trốn để trời lên mặt nước.

Tôi đã hiểu rõ mọi sợ hãi này, vì thấy một bóng đen mờ hiện ra trên đầu anh ta. Đó là một con cá mập rất lớn đang lướt đến, mắt có ngời, mồm hả rộng. Sững sốt vì quá sợ, tôi ngăn người không cử động nổi.

Con ác thú xốc tới và tấp mạnh. Người Ấn Độ vội lánh qua một bên tránh được mồm cá nhưng bị đuôi cá quây mạnh đập vào ngực nằm bất tỉnh trên mặt cát. Việc xảy ra chớp nhoáng, chỉ độ vài giây thôi.

Con cá mập quay lại, muốn đớp người Ấn Độ làm hai khúc, Thuyền trưởng Nam Mộ, đứng bên cạnh tôi, vùng đứng dậy. Tay nắm chắc con dao, chân bước thẳng lại quái vật sẵn sàng chiến đấu với nó. Chợt thấy bóng địch thủ, con hải thú, bỏ mồi, xoay mình lướt đến như chớp nhoáng.

Tôi thấy thuyền trưởng thủ thế. Với một vẻ mặt hết sức bình tĩnh và gan dạ, thuyền trưởng chờ đợi con ác thú tấn công. Cá mập vừa phóng tới, ông ta le lảng tránh qua một bên, và một cuộc ác chiến vô cùng quyết liệt tiếp diễn.

Con cá mập lồng lộn lên. Rồi máu từ vết thương tuôn ra như xối, nhuộm đỏ cả nước biển, nhìn qua làn nước mờ mịt tôi không còn trông thấy được gì nữa. Một lúc sau, làn nước hơi trong, tôi nhìn thấy thuyền trưởng bám chặt vào một cái vi

của cá mập, vật lộn với nó và đâm những nhát dao liên tiếp vào bụng, nhưng vẫn chưa đâm được đúng tim nên chưa thì hạ, ác thú vùng vẫy, lông lộn, sóng nổi lên, làm cho tôi không đứng vững.

Muốn đến tiếp tay cùng thuyền trưởng, nhưng vì quá sợ hãi tôi không dám nhúc nhích. Tôi ngơ ngác đứng nhìn thấy trận đấu đã thay đổi. Thuyền trưởng té trên mặt đất, bị con hải thú đè lên trên. Lẹ như chớp nhoáng, Nễ Lang lướt tới, cầm lao phóng một nhát hết sức mạnh vào cá mập. Nếu chỉ chạm một tý chưa rõ số mạng thuyền trưởng sẽ ra sao trong lúc biển nhuộm đỏ cả máu đang tuôn ra như xối trong lúc con ác thú vùng vẫy mạnh thêm với những cái đập đuôi uốn mình rất mãnh liệt. Nễ Lang đã đâm đúng tim và con cá mập đã hết thở sau khi vùng thêm mấy lần hết sức mạnh

đến nổi trợn nước xoáy cũng đủ xô Côn Sơn ngã lộn nhào.

Nễ Lang đỡ thuyền trưởng dậy, ông ta không bị một vết nào, và đi thẳng lại bên người Ấn Độ cắt phăng chiếc dây đang cột liền với tảng đá: tức khắc anh ta trôi lên mặt biển.

Cả ba chúng tôi, may mắn được thoát nạn một cách rất mau nhiệm. Đoạn theo Thuyền trưởng, lên thuyền của người Ấn Độ.

Việc đầu tiên của thuyền trưởng là cứu người ấy tỉnh dậy. Không biết ông ta có thể làm được hay không. Tôi hy vọng có thể được vì người ấy bị chìm không lâu lắm. Tuy nhiên nhát đập đuôi của con cá mập cũng đủ sức giết được anh ta lắm. May thay, nhờ thuyền trưởng và Côn Sơn đua nhau xoa bóp mạnh, một

chập sau người ấy hồi tỉnh và mở mắt ra.

Vừa ngạc nhiên vừa sợ hãi anh ta nhìn bốn cái đầu to lớn kỳ dị đang cúi nhìn vào anh. Không rõ anh ta có cảm giác như thế nào khi thuyền trưởng Nam Mộ thò tay vào túi lấy ra một túi ngọc và trao cho anh ta? Trước cử chỉ thi ân cao quý và tốt đẹp của vị chúa biển, người Ấn Độ khốn khổ này chỉ biết nhận lấy, bàn tay run rẩy vì cảm động. Cuối cùng anh ta nhìn sững không đoán được những dị nhân này là ai, đã cho anh ta cả sinh mạng và tài sản.

Theo dấu hiệu của thuyền trưởng, chúng tôi xuống nước, theo con đường cũ trở về. Sau nửa giờ đi trên bãi ngọc trai, chúng tôi đã đến chỗ neo ca nô của tàu Nam Tị Lũy. Lên ca nô, các thủy thủ giúp chúng tôi mở cái bầu đồng tràm đầu nặng nề. Thuyền trưởng Nam Mộ

hướng về anh bạn người Gia Nã Đại, Với câu nói đầu tiên:

– Rất cảm ơn Nễ Lang.

– Thừa Thuyền trưởng, đây chẳng qua là một dịp đáp lễ vì chính tôi đã mang ơn thuyền trưởng cơ mà.

Một nụ cười thoáng qua môi thuyền trưởng. Chỉ thế thôi.

Thuyền trưởng nói:

– Chúng ta về tàu Nam Tị Lũy đi thôi.

Chiếc ca nô lướt trên sóng như bay và vài phút sau chúng tôi gặp thấy con cá mập trôi bập bênh trên mặt nước. Nhờ các chấm đen trên đầu vi của nó, tôi mới nhận ra đây thuộc loại cá nhà táng chính tông đáng ghê gớm nhất trên Ấn Độ dương. Bề dài trên 25 bước, mõm quá

lớn, choáng một phần ba thân hình, đó là một con cá lớn vì đã có đủ sáu hàng răng nằm theo hình tam giác nơi hàm trên.

Trong lúc tôi mãi nhìn thấy cá, hơn một chục con mélnoptères loại hải thú rất háu ăn, bu lại xung quanh ca nô. Không để ý đến chúng tôi, chúng nó sáp đến vây cá và tranh nhau đớp xé ra từng mảnh.

Đến tám giờ rưỡi, chúng tôi về tới tàu Nam Tỵ Lũy. Về tàu, tôi hồi tưởng lại bao nhiêu sự việc đã xảy ra trong cuộc du ngoạn tại bãi Ma Na. Luôn luôn hai điểm làm tôi suy nghiệm mãi.

Điểm đầu tiên là lòng anh hùng quả cảm của thuyền trưởng Nam Mộ và điểm thứ hai là sự tận tâm của ông ta đối với một con người, tiêu biểu của nhân loại

mà hiện ông ta lẩn tránh để phải sống tận đáy biển. Dù sao, con người này tuy kỳ dị nhưng không đến nỗi có quả tim sắt đá.

Khi được nghe tôi bày tỏ nhận xét ấy, Thuyền trưởng trả lời với giọng có vẻ cảm động:

– Thưa giáo sư, người Ấn Độ này là dân của một nước bị đè nén áp chế. Dù đến hơi thở cuối cùng, tôi cũng bênh vực cho xứ ấy.

CHƯƠNG 28

HỒNG HẢI

Trong ngày 20 tháng giêng, đảo Tích Lan đã xa khuất dưới chân trời, tàu Nam Tị Lũy luôn luôn giữ tốc độ hai mươi dặm mỗi giờ, chạy trên dòng nước quanh co nối liền Maledives và Laquedives. Tàu vượt qua đảo Kittan, một hòn đảo san hô do Vasco de Gama tìm ra từ năm 1499, một trong 10 hòn đảo quan trọng của quần đảo Laquedives, từ 10° đến 14°30 vĩ tuyến bắc và 69° đến 50°72'

kinh tuyến phía đông.

Đến đây, chúng tôi đã vượt qua mười sáu ngàn hai trăm hai chục hải lý, hoặc bảy ngàn năm trăm dặm kể từ lúc khởi hành tại biển Phù Tang.

Rạng ngày 30 tháng giêng, tàu Nam Tị Lũy trôi lên mặt nước, và không còn trông thấy đất biển nữa. Tàu chúng tôi đi từ bắc sang tây bắc, theo ngã biển Ô Măng (Oman) giữa nước Ả Rập và bán đảo Ấn Độ để vào vịnh Ba Tư.

Thật là một ngõ bí không lối thoát! Chẳng hiểu thuyền trưởng Nam Mộ đưa chúng tôi đến đâu? Tôi suy nghĩ mãi không ra, và cũng không trả lời được lúc Nễ Lang hỏi tôi. Tôi đáp:

– Nễ Lang ạ! Chúng ta đi tùy sở thích của thuyền trưởng vậy.

Nễ Lang nói:

– Dầu sở thích cũng không thể đưa ta đi xa nữa được. Vịnh Ba Tư đã hết đường đi, nếu vào đó, chắc chắn rồi chúng ta sẽ trở lộn ra.

– Thì trở lại cũng được chớ sao! Nếu sau vịnh Ba Tư, tàu Nam Tị Lũy muốn viếng Hồng Hải thì cũng có thể theo eo biển Babel-Manded để đi đến vậy.

– Xin tin cho ông biết là Hồng Hải cũng không hơn gì vịnh Ba Tư. Kinh Suez chưa đào xong thì chiếc tàu bí mật của chúng ta làm thế nào mà vượt qua những mương rãnh đầy dẫy những đập ngăn nước và thủy môn. Như thế thì Hồng Hải cũng chưa phải là đường thuận tiện để sang Âu Châu đâu.

– Tôi không nói rằng chúng ta sẽ trở về Âu châu sao?

– Vậy ông quan niệm như thế nào?

– Tôi tưởng sau khi viếng các miền biển quanh Á Rập, và Ai Cập tàu Nam Tị Lữ sẽ xuôi trở lại Ấn Độ dương, qua kênh Mozambique, rồi có thể ra khơi Mascareignes rồi vòng qua mũi Hảo Vọng.

Nễ Lang lại hỏi vặn thêm:

– Khi đã đến mũi Hảo Vọng rồi sẽ đi đâu nữa?

– Chừng ấy chúng ta qua Đại Tây Dương mà chúng ta chưa có dịp biết. Ô, chừng ấy chúc ông bạn sẽ chán nản với cuộc du hành dưới đáy biển? Chắc bạn sẽ ngán những cảnh tượng luôn luôn thay đổi, những kỳ quan của biển sâu? Riêng tôi, tôi chưa muốn chấm dứt cuộc du lịch mà loài người ít ai được biết.

– Thưa Giáo sư Long Đắc chắc ông cũng nhớ là chúng ta bị giam cầm trên tàu Nam-Ti-Lữ đã ba tháng rồi chứ?

– Tôi không biết, và cũng không cần biết. Đối với tôi không có ngày hay giờ nữa.

– Rồi kết cuộc sẽ ra sao?

– Kết cuộc sẽ đến lúc cần phải đến. Hơn nữa chúng ta không thể làm gì hơn, nếu bàn cãi cũng vô ích. Chừng nào bạn cho tôi biết “đã có cơ hội tẩu thoát được” chừng đó tôi sẽ bàn cãi nhiều. Bây giờ chưa có dịp, hay nói rõ hơn thuyền trưởng Nam Mộ sẽ không bao giờ vào các biển Âu châu đâu.

Bốn hôm sau, vào ngày 2 tháng hai, Nam Tị Lữ đến biển Ô măng, luôn luôn thay đổi tốc độ và thay đổi bề sâu. Hành

trình như còn do dự chưa chắc sẽ đi đâu, nhưng vẫn chưa qua khỏi hạ chí tuyến.

Vừa qua khỏi biển này, chúng tôi thoáng thấy Mascate, một đô thị quan trọng nhất của xứ Ô Măng.

Nhưng vừa nhìn thấy thì tàu Nam Tị Lũy lại lặn ngay xuống đáy biển.

Tàu tiếp tục chạy dọc theo biển Ả Rập cách bờ sáu dặm từ Mahrah đến Hadromont qua những dãy núi lồi lõm và một vài phế tích của thời xưa.

Ngày 5 tháng hai chúng tôi vào vịnh A Đen hình như một cái phễu đưa đến eo biển Babel-Mandel và dẫn nước biển Ấn Độ dương vào Hồng Hải.

Ngày 6 tháng hai, tàu Nam Tị Lũy nổi lên trước vịnh A Đen, trên mỏm đất dài và hẹp nối liền với lục địa. Tôi đoán chắc

khi đến đây thuyền trưởng Nam Mộ sẽ cho tàu trở lại. Nhưng rồi đã lằm và hết sức ngạc nhiên vì sự thật không phải thế.

Sáng ngày 7 tháng hai, chúng tôi đến eo biển Bab-el-Mandel, theo chữ Ả Rập có nghĩa là “cửa biển rơi lệ” rộng hai mươi dặm dài năm mươi hai cây số. Tuy nhiên đối với tàu Nam Tị Lũy mở hết tốc lực chỉ vượt qua trong vòng không đầy một tiếng đồng hồ.

Nhưng tôi không trông thấy gì cả, ngay cả đảo Périn mà chính phủ Anh quốc đã dùng để tăng cường cho vị trí của Ả đông. Nhiều tàu Anh, Pháp nối liền Suez với Bombay, Calcutta, Melbourne, Maurice đã chạy qua eo biển hẹp này. Tàu Nam Tị Lũy cũng muốn trôi lên, và thậm trọng hơn là giữa hai luồng nước.

Sau cùng, đến trưa, chúng tôi vượt sóng trên biển Hồng Hải.

Biển Hồng Hải là một cái hồ rộng nổi tiếng vì có nhiều sự tích đã ghi trong Kinh Thánh. Ở đây mưa không đủ mát, cũng không có một con sông nào chảy đến, do đó mỗi năm nước bốc hơi cạn dần, mực nước sụt xuống hơn một thước rưỡi! Đây là một cái vịnh đặc biệt giống như một cái hồ vĩ đại và có thể, sau một thời gian nào đó, sẽ bị cạn đi.

Tôi muốn tìm hiểu ý kiến của Thuyền trưởng Nam Mộ. Ông ta sẽ quyết định đưa chúng tôi vào vịnh này chăng: Tôi hoàn toàn mong muốn tàu Nam Tị Lũy vào đó. Với tốc độ bình thường, khi nổi lên khi lặn xuống để tránh gặp những tàu khác, nhờ đó tôi có thể chứng kiến nhiều điểm lạ lùng trên mặt biển cũng như dưới nước sâu.

Ngày 8 tháng hai, lúc trời vừa sáng, tàu Nam Tị Lũy đến gần bờ biển Phi châu, nơi đây biển có nhiều chỗ sâu thăm thẳm.

Giữa hai luồng nước trong như thủy tinh, nhìn qua khung cửa kính mở rộng, chúng tôi được thưởng thức từng khóm san hô rất lộng lẫy, nhiều vách đá rộng menh mông, loài thủy mộc bao quanh tuyệt đẹp.

Cạnh những chân tường đá núi lửa, rải rác khắp bờ biển xứ Lybie có mười ngàn cảnh sắc đẹp để không bút nào tả xiết.

Nhưng có lẽ chỉ ở bờ biển phía đông xứ Téhama mà tàu Nam Tị Lũy vừa chạy qua là nơi mà cây cối mọc nhiều và nhiều đến tuyệt tất cả vẻ đẹp thiên nhiên nhất: Ở đây, có những cây zoophyte chẳng

những nở hoa dưới mặt nước, mà còn quần vào nhau, tạo thành nhiều hình thù ngoạn mục. Loại này tuy không có màu sắc rực rỡ bằng loại kia, nhưng nhờ sống trong nước mát mẻ nên luôn luôn xinh tươi.

Không có gì thú vị bằng trải qua hàng giờ quan sát nơi mặt kính cửa phòng! Biết bao nhiêu loài thảo mộc và hải thú kỳ lạ, đẹp đẽ đã phô bày lẫn lộn dưới ánh đèn điện của con tàu. Nhiều giống fongie dị hình, giống actinies màu sắc đen nám, lộn với giống thalassi anthus. Lại có loại Tubipores tựa hồ những ống sáo thiên nhiên đang sắp sẵn để chờ đón ngọn gió trời. Nhiều giống sò lẫn vào những kẽ đá san hô dưới chân xoáy tròn ốc. Ngoài ra còn có hàng ngàn giống polypier lạ lùng chưa hề thấy, đó là loại hải miên hay bọt biển.

Loại hải miên thuộc giống polype được cấu tạo do những chất đặc biệt, rất hữu ích. Hải miên không phải là loài sinh vật, gần giống như loại san hô. Bản chất động vật của nó đã hiển nhiên, nên người không thể chấp nhận ý kiến của tiền nhân đã cho nó thuộc giống “bán động vật, bán thực vật”. Những nhà vạn vật học cũng chưa đồng ý với nhau về tính chất cấu tạo của loại bọt biển. Một số thì cho đó là một loại cây polypier, trái lại có số khác ví dụ như Miluc Edwards, thì gọi đó là một sinh vật duy nhất, sống riêng biệt.

Giống hải miên gồm trên ba trăm loại, ở khắp các biển và đôi khi ở các sông ngòi, lấy tên là “fluvia-tiles” hoặc “bọt sông”. Nhưng nơi chúng ta sinh nở thích hợp nhất là miên Địa trung hải, trên bờ biển Hy Lạp, Syrie và Hồng Hải.

Loại hải miên ở các vùng này mềm và mịn hơn, giá cao hơn, đến một trăm rưỡi quan. Có loại hải miên nâu miền Syrie, và và hải miên cứng, miền Barbari, v.v... Tôi để ý nghiên cứu loại động thực vật này từ Đông phương lần đến nhưng vì không vượt qua kinh Suez được, nên chỉ khảo sát chúng ở biển Hồng Hải vậy. Tôi gọi Côn Sơn lại gần trong lúc tàu Nam Tỵ Lũy, dưới mức nước sâu từ tám đến chín thước, đang rà chầm chậm theo những mô đá tuyệt đẹp của bờ biển miền đông.

Nơi đây có các loại hải miên đủ hình dáng; loại có cuống, loại hình chiếc lá, loại hình tròn, loại hình ngón tay và tôi cũng đã xác nhận được phần nào những cái tên: rổ, cốc, cuộn chỉ, sừng nai, chân sư tử, cẳng cong, bao tay hải thần, mà ở nhiều nơi, các nhà bác học, thi sĩ hay ngư phủ đã từng đặt cho chúng nó, qua

các thứ sợi có chất nhờn hơi dẻo, luôn có một mạch nước chạy không chút ngừng để nuôi sống tế bào và sau cùng thoát ra ngoài do sự co rút của thể chất. Khi giống này chết, chất này cũng biến trở thành mùi khai.

Bấy giờ, tùy theo bản chất cứng hay mềm, các loại hải miên do người ta chăn nuôi có màu đỏ, sẽ đưa ra sử dụng trong các nhu cầu khác nhau tùy theo khả năng co giãn, lọc nước, chịu đựng được với việc dầm ngâm lâu ngày.

Giống san hô này bám vào tảng đá, vỏ sò, vỏ hến và ngay trên những cành cây hydrophytes (thủy tinh thực vật).

Chúng có những chỗ lồi lõm li ti, cái xoè ra, cái dựng lên hay thông xuống, cũng như cái mục san hô.

Tôi cho Côn Sơn biết rõ người ta vượt hải miên hoặc bằng máy, hoặc bằng tay. Lối sau này phổ thông hơn, cần phải có nhiều thợ lặn và nếu giữ nguyên vẹn được, nó sẽ được cao giá hơn.

Sau giống hải miên, còn nhiều loại động thực vật khác, nhất là giống sứa với lắm hình dáng rất mỹ miều. Về các giống nhuyễn thể có loài mực ma, theo Orbiguy thì chỉ có ở Hồng Hải mới có. Về giống bò sát thì có loại rùa virgata, một thứ rùa thịt ăn rất ngon.

Nói về giống cá thì có đủ loại và đủ thứ đặc biệt. Thường ngày tàu Nam Tị Lũy kéo lưới được: Cá đuối hình thuẫn, màu gạch lấm chấm xanh và rất dễ phân biệt với hai cặp nẻ có răng cưa; cá ar-nack trên lưng trắng bạc, cá pastenaques nơi lưng có lốm đốm đen; loại bockat giống hệt như tấm áo choàng, dài trên

hai thước, bơi uyển chuyển giữa biển; loại aodor không có răng và có xương sụn như loại cá xà; loại cá lạc đà với cái cục u nhọn cong như một cây dùi dài một bước rưỡi; loại ophidie có đuôi bạc, lưng xanh lơ, ngực màu nâu viền xám; loại piafoles mình có sọc vàng nho nhỏ với màu đen tái như lá quốc kỳ Pháp; loại blémies - garamits dài độ bốn phân; loại caraux có bảy sọc ngang đen lóng, vi xanh và vàng. vảy bạc và lẫn màu vàng óng ả; loại mulles đầu vàng; loại scares... và hàng ngàn giống cá thường có trên khắp các biển mà chúng tôi đã vượt qua.

Ngày 9 tháng hai, tàu Nam Tị Lũy đến địa điểm rộng nhất của Hồng Hải giữa Souakin trên bờ biển miền Tây, và Quonodah trên bờ biển phía đông, với đường bán kính một trăm chín chục hải lý.

Trưa hôm ấy, lúc định xong vị trí, thuyền trưởng Nam Mộ lên gặp tôi trên sàn tàu. Tôi định cố gắng tìm hiểu dự tính của ông ta trước khi vào tàu. Trờì gần tối, thuyền trưởng mời tôi hút xì-gà và nói:

– Ô, thưa giáo sư, Hồng Hải có làm cho ông thích không? Chắc ông cũng đã quan sát tất cả những gì lạ lùng nhất, những loài cá, những động thực vật, những thủy miên và những khu rừng san hô đấy chứ? Ông có trông thấy những đô thị trên bờ biển không?

– Thưa có. Tàu Nam Tị Lũy đã giúp cho tôi rất nhiều để khảo cứu và học hỏi. Thật là một chiếc tàu rất quý hóa.

– Vâng, quý hóa hơn, nó còn lại bất chấp cả bão tố hay nước cuốn và đá ngầm của biển Hồng Hải.

– Đúng vậy, biển Hồng Hải được xem là một trong những biển nguy hiểm nhất, và nếu tôi không lầm, thì từ xưa biển đã nổi danh như thế.

– Thật thế, giáo sư ạ. Các sử gia Hy Lạp và La Mã đã từng ghi rõ và chính Strabon cũng công nhận biển này hết sức nguy hiểm trong mùa gió. Nhà viết sử Edrisi của xứ Ả Rập đã kể không biết bao nhiêu tàu bè đã bị chìm trên các vồng cát này và không một ai có gan dám vượt biển ban đêm. Chính biển này là nơi đã gây biết bao bão tố hải hùng. Nơi đây đầy đầy những hải đảo không người ở. Trên mặt biển cũng như tận đáy sâu, cũng đều nguy hiểm cả.

– Chỉ vì các nhà viết sử chưa hề được đi trên Nam Tị Lũy.

Thuyền trưởng mỉm cười:

– Lẽ cố nhiên là thế. Chính người thời nay cũng chưa tiến bộ hơn thời xưa bao nhiêu. Phải trải qua mấy thế kỷ mới tìm ra máy hơi nước. Và một trăm năm về sau chắc gì có thể làm được chiếc Nam Tỳ Lũy thứ hai chưa? Rõ mức tiến quá chậm, có phải không, thưa giáo sư Long Đắc?

– Hẳn thế! Tàu này đã tiến bộ hơn thời đại này và cả nhiều thế kỷ. Tiếc thay một bí mật màu nhiệm như thế lại sẽ mai một khi kẻ chế ra nó chết đi.

Thuyền trưởng Nam Mộ không trả lời, nói qua chuyện khác:

– Giáo sư hãy theo tôi. Chúng ta cần tra cứu xem người Do Thái xưa kia đặt Hồng Hải có phải vì màu đỏ của nước biển hay không?

– Đến đây tôi chỉ thấy nước biển trong suốt chứ có màu gì khác đâu?

– Phải, nhưng nếu đi sâu vào cuối vịnh ông sẽ nhận rõ hiện tượng này. Tôi nhớ đã từng thấy vịnh “Tor” đỏ ngầu như một hồ máu.

– Màu này có phải do những loài hải mộc nhỏ li ti mọc ở đáy tạo nên không?

– Vâng, đó là một chất nhờn màu đỏ do những giống cây mộng non li-ti tên gọi trichodesmie đã bài tiết ra, và phải cần đến bốn mươi ngàn cây mới vừa một ly vuông. Có lẽ chúng ta sẽ tìm thấy trong vịnh Tor.

– Chắc Thuyền trưởng đã qua Hồng Hải nhiều bận rồi?

– Không.

– Sao vậy? Chính thuyền trưởng vừa nói về eo biển Jsraélites, và thảm nạn của dân Ai Cập cơ mà? Nếu không, tại sao ông biết rõ di tích của bao nhiêu biển cổ lịch sử còn lưu nơi đáy biển.

– Không, đó chỉ do một lẽ riêng.

– Lẽ gì thế?

– Chính nơi mà Moise và dân tộc của ông ta đã vượt qua, nay bị cát bồi đến nỗi các lạc đà lại lên không ngập hết chân, và chính tàu Nam Tị Lũy không có đủ sức nước để đi qua.

– Chỗ ấy bây giờ là đâu?

– Chỗ ấy phía trên kinh Suez, trong một ngách biển, trước kia là cửa sông rất sâu, và Hồng Hải ăn sâu vào tận hồ Amers. Ngày nay do sự nhiệm màu của tạo vật dân Do Thái đã vượt qua đó để

xâm chiếm đất đai, và binh đoàn của vua Pharaon cũng đã bị chôn vùi nơi đó. Nếu tổ chức bởi đảo để tìm di tích, chắc người ta sẽ tìm thấy nhiều vũ khí thuộc nguồn gốc Ai Cập.

Tôi trả lời:

– Dĩ nhiên rồi, ta cũng ước mong cho các nhà khảo cổ cho bởi đảo không sớm thì muộn, sau khi kinh Suez hoàn thành, để xây dựng nhiều đô thị mới trên eo đất này. Một con kinh đào đâu có ích gì cho tàu Nam Tị Lũy!

– Phải, nhưng có ích cho cả thế giới. Chính người xưa cũng thấy rõ sự lợi ích trong thương mại nếu đặt phương tiện giao thông giữa Hồng Hải và Địa Trung hải. Nhưng họ không nghĩ đến việc đào kênh mà chỉ dùng dòng sông Nil để liên lạc. Theo lời khẩu truyền lưu lại thì con

kênh nối liền sông Nil và Hồng Hải đã khởi sự đào từ thời mà Seosstris. Đến năm 615 trước Thiên Chúa Giáng sinh, Néchao đã cho đào một con kênh dẫn nước sông Nil băng qua đồng bằng Ai Cập đối diện với xứ Á Rập. Muốn đi suốt kinh này phải đi hết bốn ngày và bề rộng con kênh có thể đi ba chiếc thuyền cùng một lúc. Công tác này được tiếp tục bởi Darius, con Hyotaspe và có lẽ hoàn thành dưới thời Ptolémée đệ nhị. Thời Strabon đã dùng để lưu thông, nhưng vì khoảng nghiêng giữa Bubast, ngay lúc bắt đầu, cho tới Hồng Hải quá ít, do đó chỉ có thể sử dụng mỗi năm một vài tháng mà thôi. Kinh này dùng để giao thông thương mãi cho đến thời Antonino, bị bỏ phế, cát bồi rồi được vét lại dưới thời quốc vương Omar. Vào khoảng 761 hoặc 702. Quốc vương Al-Mansor cho lệnh lấp đi vì không muốn cho vận chuyển lương

thực đến tiếp tế Mahomed-ben-Abdallah đang nổi loạn chống lại ngài.

– Thừa Thuyền trưởng, công trình mà người xưa dám làm để nối liền hai biển để làm giảm bớt một khoảng đường trên chín ngàn cây số từ Cadix đến Ấn Độ, thì ông Lesseps đã làm được. Ông ta đã biến Phi châu thành một hải đảo vĩ đại.

– Vâng, thưa giáo sư Long Đắc, Giáo sư có thể hãnh diện về công trình của một người đồng hương!

Thuyền trưởng nói tiếp:

– Rất tiếc, tôi không thể đưa ông qua Suez. Nhưng ngày mốt, ông cũng có thể nhìn thấy những chiếc cầu tàu của Port-Said khi chúng ta ở Địa Trung Hải.

– Ở Địa Trung Hải à!

– Vâng, thưa giáo sư, Ông ngạc nhiên ư?

– Tôi ngạc nhiên là vì chúng ta sẽ đến đó trong ngày một.

– Ngạc nhiên vì lẽ gì mới được chứ?

– Vì tốc độ kinh khủng mà ông buộc tàu Nam Tị Lũy phải thực hiện để đi vòng quanh Phi châu, qua mũi Hảo Vọng và đến Địa Trung Hải trong ngày một!

– Ai bảo giáo sư là tàu sẽ đi vòng quanh Phi châu qua mũi Hảo Vọng đấy?

– Nếu không, chả lẽ tàu Nam Tị Lũy đi trên đất liền bằng qua eo đất...

– Tàu vẫn đi dưới nước sâu, thưa Giáo sư Long Đắc.

– Dưới nước sâu?

– Vâng. Từ xưa, có quan niệm đất là cái gì mà con người sống ở trên mặt.

– Sao! vậy có một lối dưới biển sao?

– Vâng, một lối đi dưới biển mà tôi gọi là đường ngầm “Arabian” bắt đầu từ Hồng Hải, thông đến tận Địa Trung Hải, nơi vịnh Peluse.

– Nhưng eo đất này hoàn toàn bằng cát mềm làm sao có thể tạo ra một đường hầm?

– Cát mềm chỉ xuống đến một mức nào thôi. Dưới năm mươi thước sẽ có một nền đá rất vững chắc.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Có phải do sự ngẫu nhiên mà thuyền trưởng biết được đường ngầm này chẳng?

– Vừa ngẫu nhiên vừa dĩ nhiên, nhưng có lẽ dĩ nhiên là điều tất yếu.

– Thưa Thuyền trưởng, tôi xin nghe. Nhưng tại tôi chưa tiếp thu những điều vừa nghe được.

– Đường ngầm này chẳng những hiển nhiên mà chính tôi đã sử dụng nhiều lần. Nếu không thì bao giờ tôi lại dám mạo hiểm đi vào ngõ bí của biển Hồng Hải như thế này!

– Thuyền trưởng có thể cho biết đã tìm ra đường ngầm này trong trường hợp nào chẳng?

Thuyền trưởng đáp:

– Thưa ông, không có gì đáng giữ bí mật đối với những người không thể xa cách nhau nữa.

Tôi không có phản ứng gì về câu nói xa xôi bóng bẩy ấy, và tiếp tục nghe ông kể.

– Thưa Giáo-sư, chỉ một lý giải đơn giản về vạn vật mà tôi đã tìm ra con đường ngầm này. Và cũng chỉ một mình tôi biết mà thôi. Địa Trung Hải và Hồng Hải cùng có những loại cá hết sức giống nhau (loại ophidies – fiatoles – girelles – persègues – joels – exocets...). Do đó tôi nghĩ thế nào cũng phải có một liên hệ giữa hai biển này. Nếu không có đường ngầm này thì dòng nước chảy từ Hồng Hải đến Địa Trung Hải hai mực nước phải khác nhau.

Tôi đã câu một số cá ở gần Suez. Tôi trông một cái vòng bằng đồng nơi đuôi nó. Vài tháng sau, trên bờ biển Syrie tôi bắt lại được một số cá cũng có chiếc vòng

ấy. Con đường giữa hai miền đã tìm được bởi lẽ ấy. Và thưa giáo sư, chính ông cũng sẽ đi qua con đường ngầm Á Rập của tôi đó.

CHƯƠNG 29

ĐƯỜNG NGẦM ARABIAN

Ngay hôm ấy tôi thuật chuyện lại cho Côn Sơn và Nễ Lang nghe vì có liên hệ đến họ.

Khi nghe nói sẽ tới Địa Trung Hải trong vòng hai ngày, Côn Sơn vỗ tay hoan nghênh nhưng Nễ Lang nhún vai bảo:

– Một con đường ngầm dưới đất, nối liền hai biển lớn, ai có thể tin được!

Côn Sơn nói:

– Từ trước có khi nào anh nghe nói đến tàu Nam Tị Lũy này đâu. Thế mà nó vẫn có. Tôi tưởng anh không nên nhún vai chế nhạo những việc đó.

Chiều đến, tàu Nam Tị Lũy lại nổi lên, tiến gần bờ Á Rập, tại 21° 30' vĩ độ Bắc. Tôi nhìn thấy Ajeddah một trung tâm thương mại của Ai Cập, Syrie, Thổ và Ấn. Ajeddah lại khuất dạng ngay trong bóng đêm và tàu Nam Tị Lũy lặn dần xuống nước.

Sáng ngày 10 tháng hai có nhiều tàu bè đi ngược hướng chúng tôi. Tàu Nam Tị Lũy vẫn lặn cho đến khi mặt biển vắng tàu bè mới trôi lên. Cùng với hai bạn, tôi ngồi trên sàn tàu. Bờ biển ẩn hiện một vệt mờ mờ trong màn sương ướt.

Bỗng nhiên Nễ Lang đưa tay chỉ về phía chân trời xa và bảo tôi:

– Ông có nhìn thấy vật gì đấy không?

– Không. Có lẽ vì mắt tôi không tinh bằng anh.

Anh ta nói tiếp:

– Ông hãy nhìn kỹ xem, phía trước, bên phải, chỗ chiếc đèn rọi, có một bóng đen đang cử động.

Quan sát kỹ, tôi cũng nhận như vậy.

– À đúng, tôi thấy có một vật dài, màu đen, nằm dài theo mặt nước.

Côn Sơn nói:

– Một tàu Nam Tị Lũy nữa ư?

Nễ Lang cãi lại:

– Không phải! Nếu tôi không lầm, đó là một giống hải thú nào đó.

Côn Sơn nói:

– Ở Hồng Hải lại có cá voi ư?

Tôi bảo:

– Đôi khi cũng có gặp.

Cặp mắt không rời vật ấy. Nễ Lang nói:

– Không phải cá voi đâu? Cá voi đối với tôi đã quá quen thuộc. Nếu có, tôi nhận được chúng nó ngay.

Côn Sơn bảo:

– Chờ xem! Tàu Nam Tị Lũy đang đi vào hướng ấy, chúng ta sẽ nhìn rõ hơn.

Qua một lúc, vật ấy chỉ còn cách

chúng tôi độ một hải lý. Hình như một tảng đá ngầm!

Tôi lẩm bẩm:

– Thứ gì đây nhỉ?

Nễ Lang la lớn:

– A, nó đi tới, và lặn xuống! Quái! Vật gì kỳ lạ thế? Đuôi nó không xoè ra như cá voi, hay cá nhà táng, vẫy lại tròn, và giống như cánh tay.

Tôi cau mày hỏi:

– Vậy thì vật gì mới được?

Nễ Lang nói tiếp:

– Xem kìa, nó bơi ngửa và đưa tay lên trời.

Côn Sơn reo to:

– Chính là giống nhân ngư. Quả thật một con nhân ngư rồi. Chắc thầy vừa ý lắm.

Cái tên nhân ngư làm tôi sực nhớ lại. Theo những bài ngụ ngôn kể, thì nhân ngư là một giống hải thú, nửa người, nửa cá.

Tôi bảo Côn Sơn:

– Không phải nhân ngư đâu. Đó là một con vật kỳ lạ thỉnh thoảng còn rải rác ở Hồng Hải. Họ gọi là con dugong.

Côn Sơn ngắt lời tôi, nói tiếp:

– Giống syréniens, hình cá, ngành monodophie thuộc loại có vú, có xương sống!

Chúng tôi ngồi lặng thinh. Nễ Lang luôn luôn nhìn theo, mắt sáng ngời vẻ

thích ý. Bàn tay anh ta nắm chặt cây lao như muốn phóng xuống biển để kết thúc đời sống tự do của con hải thú ấy. Bỗng anh ta nói:

– Ô, ông ạ! chưa bao giờ tôi giết “thú này”.

Giọng nói run run để lộ lòng cảm động của anh chàng thủy thủ ít tình cảm ấy.

Lúc đó thuyền trưởng Nam Mộ vừa lên. Ông ta thấy con vật, và hiểu ngay cử chỉ của Nễ Lang, bảo anh ta:

– Anh đừng để ngọn lao trượt ra ngoài nhé?

– Tôi sẽ y lời ông.

– Nếu anh còn muốn trở lại nghề cũ, hãy gắng ghi thêm con vật này vào danh sách những hải thú anh đã hạ sát nhé?

– Tôi cũng mong thế.

– Vậy xin cứ tùy ý.

Nễ Lang nhướn đôi mắt sáng quắc đáp:

– Cám ơn ông.

Thuyền trưởng nói thêm:

– Tôi muốn nhắc anh một điều là đừng để lỡ dịp! Cố gắng vì lợi ích của anh đấy nhé!

Nễ Lang nhún vai tự hào tài mình. Mặc dù thế tôi vẫn lo lắng hỏi:

– Loại này có nguy hiểm không?

Thuyền trưởng đáp:

– Đôi lúc cũng nguy hiểm. Loại thú này có thể chống trả lại và lật úp thuyền. Nhưng đối với Nễ Lang thì không đáng

ngại vì tài anh ta có thể tin cậy được. Sở dĩ tôi khuyên anh đừng dễ sẩy mất là vì tôi biết đó là một cao mỗi quý, và Nễ Lang không thể ghét những mỗi như thế.

Nễ Lang hỏi:

– Loại thú này thịt có ngon không?

– Ngon lắm. Thịt nó rất hiếm có, chỉ dùng trong những bữa ăn của vua chúa. Cũng vì thế mà người ta săn quá nhiều, đến nỗi ngày nay, cũng như loại hải ngừ, giống này trở nên khó kiếm.

Bằng một giọng thận trọng, Nễ Lang hỏi:

– Thưa Thuyền trưởng, giả sử đây là con thú cuối cùng của loại này, tôi có nên chữa lại vì mục đích khoa học không nhỉ?

Thuyền trưởng Nam Mộ nói:

– Cứ làm đi, Nễ Lang ạ!

Bấy giờ bảy người thủy thủ được lệnh gọi lên sàn tàu. Họ luôn luôn thản nhiên và trầm lặng. Một người trong bọn mang theo một chiếc lao và một cái cần, như dụng cụ của những thợ săn cá voi. Chiếc ca-nô vừa được gỡ ra và hạ thủy, sáu tay chèo ngồi đằng trước, Nễ Lang, Côn Sơn và tôi đều ngồi phía sau với người cầm tay lái. Thấy Thuyền trưởng không đi, tôi hỏi:

– Thuyền trưởng không đi sao?

– Không, xin chúc các người may mắn.

Chiếc ca-nô, tiến nhanh về phía hải thú đang nổi cách tàu Nam Tị Lũy độ hai dặm.

Khi cách con vật độ vài tấc, ca-nô đi chậm dần, các mái chèo ghim xuống nước không một tiếng động. Tay cầm lao, Nễ Lang leo đứng trước mũi thuyền. Chiếc lao dùng đâm cá voi có cột một sợi dây và có thể nổi ra dần khi cá lồi đi. Nhưng, ở đây sợi dây chỉ dài độ mười thước, một đầu buộc một cái thùng nói để đánh dấu nơi hải thú lặn đi dưới nước sâu.

Tôi ngồi dậy và chú ý theo dõi con hải thú. Con dugong này rất giống loại hải ngư. Thân nó thon, đuôi dài, hai bên có vẩy giống như những ngón tay. Nó khác giống hải ngư vì nơi hàm trên có hai răng nanh dài, nhọn hoắt như hai cái ngà treó nhau.

Con thú này lớn quá cỡ, dài hơn bảy thước. Nó nằm yên trên mặt nước như đang ngủ. Thật là dịp tốt cho Nễ Lang

để ca-nô tiến chậm. Còn độ ba sải sát con vật. Tôi chồm dậy, Nễ Lang, hơi uốn người ra sau, tay cầm lao rất lạnh nghề. Thành linh một tiếng rít nổi lên, và hải thú lặn mất. Chiếc lao tuy phóng mạnh nhưng có lẽ chỉ trúng mặt nước mà thôi.

Nễ Lang tức bực gầm lên:

– Thôi, hụt rồi!

Tôi bảo:

– Không, con vật đã bị thương, máu chảy đỏ. Chắc mũi lao không dính trong mình nó.

Nễ Lang hét lớn:

– Cái lao đâu rồi! Đâu rồi!

Các thủy thủ chèo mau, hướng về cái thùng nổi, vớt lao lên, rồi lập tức đuổi theo hải thú. Thỉnh thoảng nó trồi lên

mặt nước để thở. Dù bị thương, nhưng không yếu sức, nó vẫn bơi nhanh như chớp. Sáu tay chèo quẫy nước mạnh, chiếc ca nô lướt vun vút theo gợn nước của hải thú chạy. Nhiều lần đến gần độ vài sải tay, Nễ Lang sắp phóng lao nhưng hải thú lách khỏi và lặn mất không đâm trúng được.

Càng tức giận Nễ Lang càng hăng hơn nữa, Anh ta nguyên rửa không tiếc lời bằng những danh từ nặng nề nhất của ngôn ngữ Anh-cát-lợi.

Phần tôi, tôi chưa thất vọng, mặc dù hải thú đã tránh thoát tất cả các mảnh khóe của chúng tôi. Chúng tôi tiếp tục đuổi theo suốt một giờ. Tôi thấy khó bắt được và có thể nó đang tìm cách trả thù.

Tuy nhiên, không làm sao giấu được tinh ý của Nễ Lang.

Anh ta nói:

– Xem chừng!

Người lái thuyền nói bằng những tiếng riêng hình như dặn các thủy thủ đề phòng cẩn thận.

Cách ca-nô độ 20 bước, hải thú dừng lại, dùng hai lỗ mũi ở phía trên (không phải trước đầu mõm) và lấy trớn, phóng mạnh vào chúng tôi.

Chiếc ca-nô không tránh kịp, gần muốn chìm. Nước đã ào vào thuyền, may nhờ sự lanh lẹ của người cầm lái, nên chỉ bị nghiêng chứ không lật úp. Nễ Lang đeo vào mũi thuyền phóng lao liên tiếp vào mình hải thú trong lúc nó đang dùng răng cắn mạnh mạn thuyền nhấc bổng lên như một mảnh sứ đang nhấc một con mối. Mọi người nhào lặn đè lên

nhau. May thay! Nễ Lang bám sát vào ác thú và đã đâm được một lao trúng tim, nếu không, chúng tôi không biết số phận chúng tôi sẽ ra thế nào.

Tôi nghe tiếng răng ken két nghiêng mạnh trên mũ thuyền và hải thú chìm mất, mang theo cả cây lao. Một lúc sau, hải thú lại nổi lên, nằm úp trên mặt sóng. Chúng tôi móc nó vào ca nô và trở về tàu Nam Tị Lữ. Phải dùng đến loại cần trục hạng nặng mới đưa được lên tàu, cân nặng hơn năm ngàn kí-lô. Nễ Lang thích thú đứng nhìn con hai thú bị phân thây ra từng mảnh.

Ngay hôm ấy, bồi tàu dọn cho chúng tôi một ít thịt nấu rất khéo. Tôi công nhận là ngon tuyệt, có lẽ còn hơn cá thịt dê hay thịt bò nữa.

Và, rạng ngày 11 tháng hai, kho đồ

ăn của tàu Nam Tị Lữ thêm được một món ăn ngon lành. Một đoàn chim én bay đến lượn quanh trên tàu. Đây là loài chim sterna nilotica đặc biệt ở xứ Ai Cập, có mỏ đen, đầu xám lấm chấm, mắt có nhiều điểm trắng, cánh và đuôi xám nhạt, bụng và ức trắng, cẳng đỏ. Người ta bắt được thêm vài tá vịt sông Nil, loại chim trời ăn rất ngon, cổ và đầu có đốm đen.

Tàu Nam Tị Lữ bớt tốc lực, vừa đi vừa lượn quanh co. Nước biển Hồng Hải ít mặn và nhạt dần khi tiến tới gần Suez. Chúng tôi đến mũi Pas-Mohammed vào khoảng 5 giờ chiều. Mũi này là doi đất cuối cùng của xứ Á Rập, giữa vịnh Suez và vịnh Acabah.

Tàu Nam Tị Lữ đi vào eo biển Jubal luôn vào vịnh Suez. Nơi đây có một dãy núi cao sừng sững giữa hai vịnh. Đó

là dãy Oreb. Trên chóp núi này, xưa kia Moise đã gặp Chúa hiện ra, đỉnh núi luôn luôn tỏa hào quang.

Lúc 6 giờ, tàu Nam Tị Lữ ra khỏi vịnh Tor, nhấp nhô giữa làn nước nhuộm đỏ.

Dần dần tiến đến giữa vòng âm u tịch mịch, thỉnh thoảng điểm vài tiếng kêu của giống chim ăn đêm, tiếng sóng dội vào mạn tàu lách tách, xa nghe như một giọng rên rĩ.

Từ 8 đến 9 giờ tàu Nam Tị Lữ lặn dưới 9 thước nước. Theo sự tính toán của tôi thì chúng tôi đã đến gần Suez lắm rồi. Nhìn qua cửa kính phòng khách, tôi thấy rõ các mô đá hiện ra trước ánh điện và hình như eo biển hẹp dần.

Đến chín giờ 15 phút, tàu nổi lên

mặt nước. Tôi leo ra ngoài, đi bách bộ, hít khí trời đêm mát mẻ mong được sẽ vượt qua con đường ngầm của thuyền trưởng Nam Mộ.

Thỉnh thoảng trong bóng tối có một ánh sáng lọt, phủ sương mù, chói cách chúng tôi một hải lý. Bỗng có tiếng nói bên cạnh tôi:

– Một đèn hải đăng nổi!

Tôi quay lại thấy thuyền trưởng, và ông ta nói tiếp:

– Đây là hải đăng nổi của Suez. Chúng ta đã gần đến miệng đường ngầm.

Tôi hỏi:

– Ngõ vào khó khăn lắm không?

– Không. Tôi thích tự mình lái tàu. Bây giờ xin giáo sư vào trong vì sắp lặn

xuống. Tàu chỉ nổi lên khi nào vượt qua khỏi con đường ngầm.

Tôi bước theo thuyền trưởng. Cánh cửa đóng kín, các phòng chứa nước đã được bơm đầy. Tàu lặn sâu độ mười thước. Lúc tôi định trở về phòng thì thuyền trưởng cản tôi lại và nói:

– Giáo sư có thể cùng tôi ở trong phòng hoa tiêu chứ?

Tôi đáp:

– Tôi chưa dám yêu cầu điều ấy!

– Mời ông lại đây. Ông sẽ nhìn thấy tất cả những gì cần biết trong cuộc hành trình vừa dưới đất vừa dưới nước.

Thuyền trưởng dẫn tôi qua tam cấp giữa và mở cửa, vào phòng hoa tiêu cuối sân tàu.

Phòng rộng mỗi bề sáu bước, cũng gần giống như phòng hoa tiêu của các tàu Missisipi và Husdson, chính giữa có một cái bánh xe răng của chuyển tận sau cùng. Có bốn cửa sổ tròn bằng kính dày gắn khít vào mạn phòng, giúp cho người lái tàu nhìn thấy mọi nơi. Phòng tối, nhưng mắt tôi quen dần, tôi nhìn thấy viên hoa tiêu là một người đàn ông lực lưỡng tay tì trên bánh xe.

Bên ngoài, nước biển sáng rực, do ánh đèn pha chói từ phòng sau đến đầu tàu.

Thuyền trưởng nói:

– Thôi, bây giờ chúng ta tìm đường đi.

Nhiều dây điện nối liền phòng hoa tiêu với phòng máy, do đó Thuyền trưởng

có thể điều khiển tàu đi theo hướng và tốc độ đã định.

Ông ta ấn vào một nút, tức thì chong chóng quay chậm dần.

Tôi lặng yên nhìn vách đá sừng sững, và con tàu đi dọc theo nền cát mênh mông hùng vĩ của bờ biển. Cứ như thế suốt nửa giờ, con tàu vẫn chưa rời xa khỏi khung cảnh ấy.

Thuyền trưởng như chăm chú vào quả đồ bàn treo trước mặt.

Thỉnh thoảng ông ta thay đổi chiều hướng chiếc tàu với những cách điều khiển rất giản dị.

Nhìn vào cửa bên trái. Tôi nhận thấy vô số san hô chồng chất rất ngoạn mục. Các giống động thực vật, các thứ rong, nhiều con cua có càng to tướng đang

nằm ngoài những hốc đá.

Lúc 10 giờ mười lăm, một con đường ngầm sâu thăm thẳm, tối mò hiện ra trước mặt và tàu Nam Tị Lữ tiến thẳng vào đó.

Tiếng bánh xe khuấy nước rang rang vang lên sùnn. Đó là dòng nước Hồng Hải, theo đường hầm chảy ra Địa Trung Hải.

Tàu Nam Tị Lữ xuôi theo dòng nước mau như tên bắn, mặc dù bánh xe quạt nước chạy ngược chiều, để cản bớt sức nước.

Vách đá chật hẹp của đường hầm, tôi chỉ thấy vệt sáng, những ánh lửa do con tàu chiếu ra.

Tôi phải lấy tay đè lên ngực để tìm bớt hồi hộp.

Lúc mười giờ ba mươi lăm phút, thuyền trưởng rời tay lái và quay lại phía tôi nói:

– Địa Trung Hải!

Không đầy 20 phút, tàu Nam Tị Lũy xuôi theo dòng nước, đã vượt qua eo đất Suez.

CHƯƠNG 30

QUẦN ĐẢO HY LẠP

Rạng ngày 12 tháng hai, lúc trời vừa hừng sáng, tàu Nam Tị Lũy nổi lên mặt nước. Tôi cũng vội vã bước ra ngoài. Vịnh Peluse mờ mờ hiện ra về phía nam cách ba hải lý.

Một thác nước vừa cuốn chúng tôi từ biển này sang biển khác. Tuy nhiên con đường hầm này, đi thì dễ, song trở lại chắc không thể nào được.

Lúc bây giờ Côn Sơn và Nễ Lang cùng đến gặp tôi. Hai ông bạn thân này đã đánh một giấc ngon lành, không để ý gì đến hành trình của tàu Nam Tị Lũy. Nễ Lang bông đùa hỏi tôi:

– Đây là Địa Trung Hải ư? Thưa nhà vạn vật học?

– Chính chúng ta đang ở trên mặt Địa Trung Hải đấy.

Côn Sơn ngạc nhiên hỏi tôi:

– Ô, chỉ trong một đêm qua thôi...?

– Vâng, chỉ trong đêm qua, chúng ta đã vượt qua eo đất mà chưa ai vượt nổi trong mấy phút.

Nễ Lang nói:

– Khó tin lắm!

– Ông bạn Nễ Lang đã lầm rồi. Bờ biển hơi thấp chạy vòng tròn về phía nam là bờ biển Ai Cập.

Nễ Lang hỏi tiếp:

– Còn phía bên kia?

Côn Sơn tiếp lời:

– Thầy tôi đã nói, ta nên tin lời thầy.

– Chính tôi đã ở bên cạnh thuyền trưởng, xem ông ta tự tay lái tàu xuyên qua con đường ngầm chật hẹp kia mà!

Côn Sơn nói với Nễ Lang:

– Bạn đã nghe rõ chưa?

Tôi tiếp lời:

– Anh hãy nhìn cái cầu tàu của hải cảng Saib đang chạy dài ra biển kia kìa.

Nễ Lang chăm chú nhìn theo:

– Ông nói đúng. Thuyền trưởng Nam Mộ quả là một bậc thầy. Chúng ta thật đang ở Địa Trung Hải. Bây giờ chúng ta nên nói chuyện tâm tình, về vấn đề riêng của chúng ta. Nên nói nhỏ để khỏi ai nghe trộm.

Biết Nễ Lang muốn vào đề. Không tiện từ chối, chúng tôi cũng lại ngồi cạnh chiếc đèn rọi đèn ít bị sóng tạt vào người.

– Bây giờ tôi sẵn sàng nghe, bạn Nễ Lang muốn gì cứ nói lên đi.

– Điều tôi muốn bàn thật giản dị. Hiện nay chúng ta đã đến Âu châu rồi. Trước khi để thuyền trưởng Nam Mộ tiếp tục mang chúng ta tận đáy biển sang Bắc cực hay Úc châu, tưởng nên thoát khỏi tàu Nam Tị Lũy.

Xin thú thật lúc nào tôi cũng đắn đo mỗi khi bàn về vấn đề này. Tôi không thể ngăn trở bạn tôi tìm tự do, nhưng lòng tôi chưa muốn xa thuyền trưởng Nam Mộ. Chính nhờ ông ta và chiếc tàu này mà mỗi ngày tôi học được nhiều điều mới lạ, bổ ích cho cuộc nghiên cứu dưới đáy biển sâu để hoàn thành cuốn sách của tôi với bao nhiêu tài liệu dồi dào xác đáng.

Biết bao giờ được dịp tốt như thế này để hiểu biết các kỳ quan của biển cả! Vì vậy, tôi chưa có ý muốn bỏ tàu Nam Tị Lũy trước khi chưa hoàn thành công việc đang trù liệu.

– Anh Nễ Lang, xin anh thành thật cho tôi biết: ở đây anh có chán làm không? Anh có phiền định mệnh đã đưa anh đến gặp thuyền trưởng Nam Mộ không?

Yên lặng một lúc, Nễ Lang khoanh tay, chậm rãi nói:

– Thành thật mà nói, tôi không chán cuộc du hành dưới đáy bể này. Tôi cũng thấy thích thú làm. Nhưng dù sao nó cũng phải kết thúc chứ: Tôi chỉ nghĩ thế thôi.

– Hành trình này sẽ kết thúc, Nễ Lang ạ.

– Ở đâu? Và khi nào?

– Tôi chưa biết trước ở đâu và chừng nào, nhưng tôi cũng có thể đoán trước là sẽ kết thúc khi nào chúng ta thấy không còn gì đáng tìm hiểu nơi biển cả nữa. Trong đời nay, cái gì đã khởi sự thì phải có kết thúc chứ.

Côn Sơn nói:

– Tôi cũng nghĩ như thầy tôi. Rất có thể sau khi đi khắp các biển trong địa cầu. Thuyền trưởng Nam Mộ sẽ cho chúng ta tự do.

Nễ Lang hét lên:

– Tự do? Ông nói sao?

Tôi nói tiếp:

– Chúng ta không nên quá bi quan. Dù không tin tưởng ở thuyền trưởng, tôi cũng đồng ý với Côn Sơn. Chúng ta biết hết bí mật của tàu Nam Tị Lũy. Tôi không hy vọng là thuyền trưởng sau này sẽ cho chúng ta tự do, vì ông không muốn chúng ta tiết lộ những bí mật trên mặt đất.

Nễ Lang hỏi:

– Như thế thì ông mong đợi gì nữa?

– Chờ dịp thuận tiện, có thể độ sáu tháng thôi.

– Ồ, rồi sau sáu tháng ấy, ta sẽ ở đâu, thưa ông?

– Có thể ở đây hay ở Trung Hoa. Tàu Nam Tị Lũy chạy mau lắm. Nó vượt biển mau như chim én qua không trung, như tàu tốc hành qua lục địa. Nó cũng không ngại các biển có người đi. Ai có thể đoán trước nó sẽ đến bờ biển nước Pháp, nước Anh, hay nước Mỹ. Nơi đó cũng sẽ có điều kiện tẩu thoát như tại đây vậy.

Nễ Lang trả lời:

– Ông Long Đắc, lời trình bày của ông không được hợp lý lắm. Ông chỉ nhằm vào tương lai “chúng ta sẽ ở đó, chúng ta sẽ ở đây!” Tôi thì chỉ nhằm ở hiện tại: “chúng ta đang ở đây, cần phải nắm cơ hội”.

Tôi cảm thấy yếu lý đối với Nễ Lang, và chưa biết phải bàn cãi như thế nào để thắng lợi.

Nễ Lang lại hỏi tiếp:

– Thưa ông, tôi ví dụ thuyền trưởng cho ông được tự do bây giờ, ông nhận không?

– Chưa biết.

– Nếu ông ấy nói thêm là sẽ không bao giờ ban đặc ân ấy một lần nữa, thì ông có nhận không?

Tôi lặng thinh.

Nễ Lang quay qua hỏi Côn Sơn:

– Còn Côn Sơn, bạn nghĩ sao?

Côn Sơn trầm tĩnh đáp:

– Côn Sơn sẽ không có gì để nói cả. Ở đây tôi hoàn toàn không can dự đến. Cũng như thầy tôi và bạn Nễ Lang, tôi độc thân, không vợ con, không người thân yêu chờ mong ở nhà. Tôi đang phục vụ cho thầy tôi thì lời nói, ý nghĩ của tôi hoàn toàn theo ý muốn của thầy tôi. Không nên đưa tôi vào để lấy đa số. Hiện chỉ có hai người đang tranh luận: thầy tôi và Nễ Lang. Còn Côn Sơn xin sẵn sàng nghe.

Tôi không thể nín cười khi thấy Côn Sơn đã quên mình để xử sự. Nễ Lang rất hài lòng khi thấy khối đứng trước một lúc hai kẻ đối lập.

Anh ta nói với tôi:

– Thôi, Côn Sơn đã nói như thế, bây giờ còn lại hai ta. Chắc ông đã nghe rõ lời tôi rồi xin vui lòng trả lời cho. Chúng

ta cần đi đến kết thúc, không nên đánh trống lảng nhé.

– Nể Lang, anh có lý hơn tôi. Chúng ta không nên quá tin tưởng vào lòng tốt của thuyền trưởng Nam Mộ. Vì thận trọng chúng ta nên tìm cách thoát thân khi gặp cơ hội tốt.

– Thừa giáo sư Long Đắc, lời nói ấy rất chí lý. Tuy nhiên tôi còn một điểm duy nhất cần lưu ý. Cơ hội phải hết sức thuận lợi và dự định của ta nhất định phải thành công. Nếu thất bại, thuyền trưởng sẽ không dung thứ và cũng không thể nào có một dịp khác nữa.

– Đúng vậy. Nhưng nhận xét của ông sẽ áp dụng với dự định trốn thoát trong hai ngày hay hai năm. Dù sao cũng nên nhớ kỹ: khi có cơ hội tốt, phải nắm lấy ngay.

– Đồng ý. Và bây giờ xin anh cho biết thế nào là cơ hội tốt?

– Cơ hội tốt là khi gặp đêm tối trời, và tàu Nam Tị Lữ đậu gần bờ biển Âu châu.

– Rồi anh sẽ lợi để trốn đi hay sao?

– Vâng, nếu gần bờ và tàu nổi trên mặt nước, còn nếu tàu lặn hay ở ngoài khơi thì không được.

– Nếu gặp trường hợp sau thì sao?

– Tôi sẽ đoạt ca nô. Tôi hiểu cách sử dụng. Chúng ta chui vào trong, mở ốc và cho nổi lên mặt nước, dù người hoa tiêu ở phía trước cũng khó biết được.

– Tốt lắm! Vậy anh cứ cố gắng chờ dịp, và xin đừng để thất bại.

– Tôi xin nhớ kỹ.

– Bây giờ anh có muốn biết ý kiến tôi về chương trình dự định này không?

– Thưa ông, tôi rất sẵn lòng.

– Tôi nghĩ rằng, đây không phải là cơ hội.

– Tại sao vậy?

– Vì thế nào thuyền trưởng cũng nghĩ rằng chúng ta muốn trốn thoát, nhất là khi đến gần bờ biển Âu châu, và sẽ đề phòng cẩn mật.

Côn Sơn nói:

– Tôi hoàn toàn đồng ý với thầy.

Nễ Lang lắc đầu và quả quyết nói:

– Rồi sẽ biết!

– Thôi chúng ta dừng lại nơi đây. Từ nay không đá động đến việc này nữa.

Ngày nào chuẩn bị xong anh tin chúng tôi biết để đi theo. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng nơi anh đấy.

Cuộc thảo luận gây nhiều hậu quả không hay này, chấm dứt nơi đó. Ngay bây giờ tôi có thể nói quả quyết là sự việc sẽ chứng minh ý kiến của tôi và sự dự định của Nễ Lang hoàn toàn thất vọng,

Không biết thuyền trưởng Nam Mộ vì nghi ngờ chúng tôi hay vì muốn lẩn tránh tàu bè các nước qua lại trên Địa Trung Hải, mà lúc nào cũng lặn sâu tận ngoài khơi. Cũng có khi tàu Nam Tị Lũy nổi lên nhưng chỉ vừa ló khỏi chỗ ngồi của viên hoa tiêu. Còn lặn xuống thì thường ở giữa quần đảo Hy Lạp và Ane-mineure, dưới hai nghìn thước.

Sáng ngày 14 tháng hai, tôi dự định dành ít thì giờ nghiên cứu các loại cá của

quần đảo; nhưng không rõ vì lẽ gì các tấm cửa bị đóng kỹ. Tìm xem vị trí của tàu thì nhận thấy tàu đang đi về hướng Candio, qua hòn đảo Crèto. Trong thời gian tôi còn ở trên tàu Lanh Công thì dân đảo này đang nổi lên chống lại nền độc tài của Thổ Nhĩ Kỳ. Rồi cuộc nổi loạn ấy đến nay ra sao tôi hoàn toàn không biết nữa.

Tôi không hề nghĩ đến sự việc này. Nhưng một buổi chiều nọ, tôi gặp thuyền trưởng một mình trong phòng, trông ông ta có vẻ trầm lặng lo âu. Trái với thường lệ, ông ta mở rộng nắp cửa kính, đi qua đi lại chăm chỉ nhìn làn nước mênh mông.

Tuy nhiên tôi không đề ý, chỉ tìm hiểu các loài cá, lội qua trước mặt.

Nơi đây có giống cá bóng chỉ sống ở biển, vực sông Nil. Tiếp đến là giống cá

dồi, mình có lân tinh, dân Ai Cập cho là loại thú linh thiêng, mỗi khi xuất hiện, người bản xứ thường tổ chức lễ cúng tế long trọng. Tôi còn thấy những thứ cá nhỏ dài độ 3 tấc, có nhiều xương, và vảy mình trong suốt, điểm nhiều chấm đỏ. Còn một giống cá khác nữa ở miền này làm cho tôi nhớ mãi những kỷ niệm của thời tiền cổ. Đó là loại cá ép, thường di chuyển bằng cách bám vào bụng giống cá mập.

Theo người xưa kể lại, loại cá tí hon này đã đeo vào thân tàu và có thể làm tàu phải dừng lại. Chính một con cá này đã giữ chiếc thuyền của Antonie và giúp Auguste thắng trận Actium, quyết định số mạng của một quốc gia

Thình lình giữa làn nước, hiện ra một bóng người, một thợ lặn, có thắt lưng bằng da. Đây không phải một cây

ma chết đuối, mà là một người đang bơi lội rất lanh lẹ, thỉnh thoảng trồi lên để thở rồi lặn xuống ngay.

Tôi hốt hoảng gọi Thuyền trưởng Nam Mộ:

– Một người chết đuối! Cần cứu giúp ngay!

Ông ta không trả lời, chỉ nhìn vào cửa kính. Người kia lại tiến đến đeo vào cửa nhìn chúng tôi. Tôi ngạc nhiên, khi thấy thuyền trưởng cùng người đó, đưa tay ra dấu trao đổi nhau, rồi người có nổi lên mặt nước ngay, không trở xuống nữa.

Thuyền trưởng bảo tôi:

– Ông đừng ngại. Đây là Ni Cô La, ở mũi Matapan, khắp vùng ai cũng biết là một thợ lặn rồi tiếng. Anh ta sống dưới nước nhiều hơn trên đất và liên lạc với

các hải đảo, ngay cả đảo Crèto, một đảo xa xăm.

Tôi hỏi:

– Thuyền trưởng cũng biết anh ta à?

– Sao lại không?

Nói xong, thuyền trưởng lại gần một cái tủ, cạnh cửa phía trái. Kế bên tủ có một chiếc hòm niềng sắt, trên nắp có bảng đồng khắc chữ số của tàu Nam Tị Lũy và mấy chữ La Tinh “Mobilis in mobile”.

Không ngại sự có mặt tôi ở đó, thuyền trưởng cứ mở tủ. Trong tủ đựng rất nhiều thoi vàng. Không hiểu làm sao thuyền trưởng có lắm vàng thế? Vàng này đã lấy ở đâu, và dùng làm gì?

Tôi lặng thinh nhìn. Thuyền trưởng

nhặt từng thoi vàng sắp đầy chiếc hòm. Tôi phỏng ước chừng một ngàn cân, nghĩa là độ năm trăm triệu quan.

Khi chiếc hòm được khóa cẩn thận, thuyền trưởng viết lên trên địa chỉ một người ở Hy Lạp. Xong, ông ta bấm chuông gọi thủy thủ. Bốn người vào và hì hục đẩy cái hòm ra khỏi phòng. Tôi nghe họ đang dùng róc rách [tời] kéo lên tam cấp bằng sắt.

Thuyền trưởng hỏi tôi:

- Ông có muốn nói gì không?
- Thưa không?
- Tôi xin chào ông.

Dứt lời Thuyền trưởng ra khỏi phòng khách.

Tôi cũng về phòng tôi, lòng băn khoăn năi không ngủ được, luôn luôn suy nghĩ đến sự liên hệ giữa hai người thợ lặn và chiếc hòm đựng vàng.

Bỗng có tiếng động. Con tàu Nam Tị Lữ đang nổi lên mặt nước. Tôi nghe tiếng chân bước trên sàn tàu. Tôi biết người ta đang tháo ca-nô bỏ xuống biển. Tiếng động vang lên một lúc, rồi lặng yên.

Hai giờ sau lại có tiếng động cùng giống như trước. Chiếc ca-nô được gắn lại chỗ cũ và tàu Nam Tị Lữ lại lặn xuống biển sâu. Như thế tức hòm vàng đã gửi đi theo địa chỉ ấy rồi. Nhưng không rõ kẻ nào liên lạc với Thuyền trưởng Nam Mộ.

Sáng hôm sau, tôi thuật chuyện ấy cho Nễ Lang và Côn Sơn. Cả hai cũng ngạc nhiên như tôi.

Nễ Lang hỏi tôi:

– Không biết ông ta tìm ở đâu ra số vàng ấy?

Tôi lắc đầu đáp:

– Chịu thôi, không ai biết nổi.

Ăn sáng xong tôi trở ra phòng khách để làm việc và ghi chép đến 5 giờ chiều. Không hiểu sao, bỗng nhiên tôi thấy nóng nực, đến nỗi phải cởi bớt áo ngoài. Thật là một việc khó đoán được. Vì, chúng tôi chưa đến vĩ độ cao và trong lúc tàu đang lặn, đáng lẽ nhiệt độ không thể tăng được. Nhìn ống áp kế, tôi thấy tàu đang ở 60 bộ bề sâu. Nơi đây họ chịu ảnh hưởng của khí trời.

Tôi tiếp tục làm việc. Nhưng nhiệt độ cứ tăng thêm, đến mức không thể chịu nổi.

Tôi tự hỏi: “có phải vì lửa cháy chăng?” tôi định ra ngoài thì thuyền trưởng bước đến, xem hàn thử biểu và nói:

– Bốn mươi hai độ!

– Tôi đã biết và không chịu nổi, thưa thuyền trưởng!

– Thưa giáo sư, nhiệt độ này có thể tăng thêm, nếu chúng ta muốn. Thuyền trưởng có thể điều hòa theo ý muốn được sao?

– Không, tôi chỉ có thể tránh xa trung tâm gây ra nhiệt độ mà thôi.

Tôi hỏi:

– Do bên ngoài gây sức nóng này ư?

– Vâng, chúng ta đang ở trong một dòng nước sôi.

- Thật à?
- Hãy xem đây.

Các cánh cửa mở ra, tôi thấy xung quanh tàu, nước biển trắng đục. Một luồng hơi nước lẫn lưu hoàng bốc lên giữa biển đang sôi sùng sục. Tôi tỳ tay vào tấm kính, nhưng phải rút lại ngay, vì quá nóng. Tôi buột miệng hỏi:

- Chúng ta đang ở đâu đây?
- Ở gần đảo Santorin, trên dòng kênh, giữa Néa-Kamenai và Paléa-Kanémi. Tôi sẽ đưa ông xem quang cảnh lạ lùng của núi lửa dưới đáy biển này.

Tôi thở dài, nói:

- Tôi tưởng các hải đảo tôi đã xem hết rồi.
- Không bao giờ có thể xem hết

được. Nơi đây mặt đất luôn luôn biến đổi do sức nung đốt bên trong. Từ năm 19 của kỷ nguyên này, theo Caniodore và Pluie thì hòn Théia La Divine đã thay thế cho nhiều hòn đảo trước. Nó đã lại lặn xuống nước. Đến năm 69 lại nổi lên rồi kể đến lại lặn một lần nữa.

Thế rồi đến ngày 3 tháng hai 1866 một hòn đảo mới, tên George hiện ra bên cạnh Néa Kamuni, rồi lại mất vào ngày 6 tháng ấy. Bảy hôm sau vào ngày 13 tháng hai, hòn đảo Aphroessa nổi tạo thành con kênh rộng sáu thước. Lúc bấy giờ tôi có mặt tại đây, và mục kích đầy đủ mọi hiện tượng xảy ra. Đảo Aphroessa hình tròn, đường kính ba trăm bộ, bề cao ba mươi bộ. Sau cùng ngày mười tháng ba, một hòn đảo bé hơn gọi là Ré-Ka lại nổi lên gần Néa-Kamenni rồi từ đó cả ba đảo dính liền thành một.

Tôi hỏi:

– Còn eo biển mà chúng ta hiện đang ở là nơi nào?

Thuyền trưởng chỉ vào một bản đồ và nói:

– Đây ông xem, tôi có thêm ba hòn đảo mới.

– Có lẽ eo biển này sẽ cạn một ngày nào đây không chừng?

– Rất có thể lắm, vì từ năm 1806, tám hòn đảo bằng chất dung nham đã hiện ra trước mặt hải cảng Saint Nicolas. Thế tất Néa và Paléa sẽ hợp lại một ngày gần đây.

Nhìn vào cửa kính, tôi thấy tàu Nam Tị Lũy đã dừng lại. Sức nóng đã quá cao không chịu nổi nữa. Nước biển trở sang

màu đỏ, vì có lẫn chất thiết diêm. Tuy cửa đóng kín nhưng vẫn nghe mùi diêm sinh khó thở. Tôi nhìn thấy nhiều ngọn lửa sáng rực làm át cả ánh điện.

Tôi có cảm giác sắp bị luộc chín, vội bảo Thuyền trưởng:

– Chúng ta không thể nào ở mãi trong vùng nước sôi này nữa.

Thuyền trưởng mỉm cười ra lệnh, tàu Nam Tị Lũy trở chiều và đi xa dần cái lò lửa khủng khiếp ấy. Mười lăm phút sau, chúng tôi đã thở khí trời trên mặt nước.

Tôi bỗng nghĩ đến Nế Lang; nếu anh ta tìm lối thoát trong lúc này chắc sẽ bị chết ngay trong biển lửa đó.

Sáng ngày 16 tháng hai, chúng tôi ở vào giữa Rhod's và Alexandrie. Bề sâu

trên ba ngàn thước, và tàu Nam Tị Lũy đi ra ngoài khơi Cerigo, qua mũi Matopars và rời khỏi quần đảo Hy Lạp.

CHƯƠNG 31

BỐN MƯƠI TÁM GIỜ TRÊN ĐỊA TRUNG HẢI

Địa Trung Hải có làn nước trong xanh, mà người Do Thái gọi là “Thanh Hải” người Hy Lạp gọi là “Biển” và người La Mã gọi là “Mẹ chúng tôi” (Mare nostrum) san sát những cam, dừa, thông reo, bao bọc những núi cao, và bầu trời luôn luôn quang đãng, thường phát sinh hỏa diệm sơn. Đó là nơi mà trước kia hải thần Neptune và Diêm Vương

Phuton dùng làm bãi chiến trường để phân chia thiên hạ. Trên đất liền cũng như mặt bể, quanh năm khí hậu trong lành nhất thế giới.

Dù biển đẹp thật, nhưng với diện tích bao la trên hai triệu cây số vuông, tôi không thể nào hình dung được một khái yếu tổng quát tôi không tìm hiểu được thêm tí gì nơi thuyền trưởng Nam Mộ, vì cuộc hành trình chớp nhoáng này, con người bí mật ấy chưa gặp tôi một lần nào. Con đường tàu Nam Tị Lũy trải qua ước độ sáu trăm dặm dưới đáy biển trong khoảng 48 tiếng đồng hồ.

Khởi hành từ sáng sớm ngày 16 tháng hai, từ dãy núi Hy Lạp, chúng tôi đến eo biển Gibraltar ngày 18, khi mặt trời ló mọc.

Hình như Thuyền trưởng Nam Mộ

không có cảm tình với Địa Trung Hải vì vùng này ở giữa những xứ mà ông ta cố lánh xa. Mặc dầu sóng gió nơi đây đã gọi lòng ông ta biết bao luyến tiếc, mặc dầu ông ta có đủ quyền tự do vẫy vùng với con tàu Nam Tỵ Lũy trên khắp trùng dương, nhưng nơi đây ông ta cảm thấy gò bó khó chịu, vì quá gần bờ Phi châu và Âu châu.

Tốc độ con tàu luôn luôn giữ đúng 25 hải lý hoặc mười hai dặm (mỗi dặm bốn cây số) một giờ. Nễ Lang vì quá chán nản, cũng hết muốn tìm cách tẩu thoát nữa. Anh ta thấy không đủ sức để sử dụng chiếc ca-nô đang bị lôi cuốn đi hàng 12, 13 thước mỗi giây. Là tàu Nam Tỵ Lũy lúc này có khác nào nhảy xuống tàu lửa tốc hành đang chạy hết tốc lực. Hơn nữa tàu chỉ nổi lên ban đêm để thay khi trời mà thôi.

Tôi nhìn qua lòng Địa Trung Hải cũng không khác nào một người ngồi trên con tàu tốc hành chỉ nhìn thấy chân trời xa. Cảnh vật vun vút qua như chớp.

Tuy nhiên, tôi và Côn Sơn cũng có dịp nhìn thấy được một ít giống cá ở miền này.

Ngồi sau tấm cửa kính, tôi cố ghi chép để nghiên cứu thêm về ngư học của Địa Trung Hải. Giữa làn nước rục rở dưới ánh điện chiếu sáng ngời, nhiều con lịch mình dài trên một thước uyển chuyển bơi. Thú lịch này biển nào cũng có.

Nhiều con cá đuối lớn trên năm bộ, bụng trắng phếu, lưng màu xám lấm chấm đen, chạy tung tăng như những tấm khăn choàng đang cuốn trôi theo chiều nước. Lại có giống cá đuối khác

bơi rất mau đến nỗi người Hy Lạp gọi là giống “ó biển”.

Nhiều con cá xà dài hơn 12 bộ (loại này các thợ lặn sợ nhất), đang cùng nhau bơi đua. Nhiều giống chồn biển, dài độ tám bộ, rất thính hơi, ẩn hiện với hình bóng xanh nhạt. Nhiều con cá hồng, có con dài đến mười ba tấc, nhớn nhơ mình trắng và xanh lơ, thêm những sọc nhỏ chạy dài trên vi màu đen sẫm. Có giống cá của thần Vệ Nữ, con mắt có viền một vòng mi đỏ tươi.

Nhiều con cá chiên lộng lẫy, dài đến chín mươi thước, bơi rất mau, đập đuôi vào tấm cửa kính, trên lưng xanh xanh lộn nhiều điểm màu nâu. Thứ này cũng giống như loại cá mập, tuy không khỏe bằng, và sống ở khắp các biển. Qua mùa xuân giống cá thường đi ngược lên các con sông lớn.

Nhưng loại cá mà tôi đặc-biệt chú ý nhất của miền Địa Trung Hải, là thứ cá thu xanh bụng trắng, vảy lấp lánh ánh vàng. Chúng thường đua theo tàu bè để núp bóng, tránh ánh nắng gay gắt của miền nhiệt đới.

Chúng tôi vượt qua mũi Bon và eo Messine, cách mặt bể chừng mười bảy thước nước; nơi đây hai bên thì sâu đến một trăm bảy chục thước, ở giữa có một cồn đá.

Tàu Nam Tị Lữ phải cẩn thận lắm mới tránh khỏi chạm vào dãy đá ngầm này.

Côn Sơn hỏi tôi:

– Thưa thầy hình như đây là một eo đất nối liền Âu châu và Phi châu?

Tôi đáp:

– Phải. Nó chắn ngang eo bể Lybie. Xưa Sruith chứng minh rằng hai lục địa nối liền nhau từ mũi Bon đến Firina.

– Tôi cũng tin như thế!

Tôi giảng giải thêm:

– Còn một dãy đất như thể nữa nối liền Gibraltar với Centa, từ thời tiền sử.

Tàu Nam Tị Lũy đi chậm chậm.

Nơi đây đất có nhiều khoáng chất của núi lửa, tập trung vô số các loài thảo vật và sinh vật màu hồng có lẫn một ít lân tinh, những cây Bê ro (Béroes) tục gọi là dưa biển đang tắm ánh nắng mặt trời, loại comaticles di động, lớn hơn một thước mà đỏ chói, làm ửng hồng cả một vùng nước, loại curyaes rất xinh đẹp có nhiều thân dài nhiều giống nhum gai ăn được; nhiều loại hải quỳ xanh màu

lục, thân xám trái màu nâu, khuất trong những lùm tua màu ô-liu.

Côn Sơn lo quan sát các loại sò hến và loại có đốt, mặc dù sự sắp xếp của chúng có phần gay hơn.

Về giống sò hến, anh ta kể nhiều loại ngao hình răng cửa, nhiều thứ ốc chân bừa nằm ngổn ngang, những con donac-es hình ba góc, những con hyalles có vảy màu vàng, vỏ trong suốt: các giống plenro branches màu da cam, nhiều loại trứng có điểm chấm xanh, những loại aplyxies tục gọi là “thỏ biển”; nhiều thứ ốc vỏ bằng xà cừ rất đẹp; còn nhiều thứ calobrores pandires, v.v...

Tàu Nam Tị Lũy qua khỏi đỉnh của dãy đất Lybri, lặn xuống sâu rồi nổi lên, trở lại tốc độ bình thường như cũ. Lúc bấy

giờ các giống tôm cua sò hến cũng như các loại động thực vật khác không còn nữa. Thỉnh thoảng vài con cá to thoáng qua như những cái bóng đen ngòm.

Đêm 16 rạng ngày 17 tháng hai, chúng tôi vào đến khu vực thứ hai, sâu trên 3000 thước. Chong chóng tàu quay mạnh, chìm sâu tận đáy biển.

Ở đây không còn những kỳ quan thiên nhiên nữa. Khối nước gợn lên nhiều cảnh tượng lạ lùng và ghê rợn.

Phần nhiều từ bờ biển Algérie đến bờ biển Provence, la liệt những sườn tàu đã bị đắm và mất tích từ lâu, đang âm thầm trong giấc ngủ ngàn năm buồn tẻ ấy.

Tuy cuộc du hành chớp nhoáng nhưng cũng đủ cho tôi mục kích không

biết bao nhiêu súng đại bác, cánh chong chóng, đầu đạn, vật dụng bằng sắt đã hoen rỉ, những bộ phận máy móc gãy vụn, những nồi hơi nước đã bể nằm la liệt trên cái đóng dây san hô. Nhiều xác tàu trôi lơ dờ nghiêng ngửa theo luồng nước.

Khi tàu Nam Tỵ Lũy đi ngang qua, vào các xác tàu này, tôi có cảm giác như đáy bể đang ôm ấp một màu tang tóc áo nảo.

Càng đến gần eo Gibraltar, đáy biển càng chứa thêm nhiều xác tàu, lênh ngênh như những loài ác thú khổng lồ.

Biết bao nhiêu mạng người đã bỏ mạng nơi đây! Không rõ một vài thủy thủ nào còn sống sót và sóng nước nơi đây có còn giữ lại được những cảnh tượng hãi hùng này hay không?

Giữa cảnh điêu tàn ảm đạm này, tàu Nam Tị Lũy vẫn thờ ơ lướt sóng với tốc độ rất cao.

Ngày 18 tháng hai, lúc ba giờ sáng tàu đã vào tận cửa Gibraltar.

Nơi đây có hai luồng nước: luồng nước lớp trên Đại dương chảy vào Địa trung hải. Dưới đáy sâu lại có một dòng khác, chảy ngược chiều, mãi đến ngày nay người ta mới tìm hiểu được.

Thật ra, nước Địa Trung Hải luôn luôn tăng thêm vì nước ở Đại Tây Dương và các sông ngòi chảy vào, bốc thành hơi không kịp để giữ số lượng thăng bằng. Vì vậy, tất nhiên phải có một dòng nước ngược dưới bề sâu, đem bớt sức nước dư ra đại dương để giữ cho mức nước thăng bằng.

Chính chiếc tàu Nam Tị Lũy đã lợi dụng dòng nước ngược chiều này, thoát ra khỏi eo biển chật hẹp. Qua eo bể ấy, tôi thấy thoáng qua nhiều phế tích nên thơ của đền thờ thần Hercule chôn vùi trên một hòn đảo thấp ở Pleine và Avienus. Vài phút sau, chúng tôi đã nổi trên mặt biển Đại Tây Dương.

CHƯƠNG 32

VỊNH VIGO

Đại Tây Dương mệnh mông trên làn nước, ngót hai mươi lăm triệu nghìn thước vuông, dài chín ngàn hải lý, rộng trung bình hai nghìn bảy trăm hải lý!

Trừ một ít dân tộc Hòa Lan, Carthage trong các cuộc viễn-du thương-mãi đã theo bờ biển phía Tây Âu và Phi châu, người xưa chưa hề biết Đại Tây Dương.

Biển rộng; bằng phẳng đẹp đẽ, luôn luôn có nhiều tàu bè các nước đi lại. Hai đầu là hai mũi đất nổi tiếng nguy hiểm mà các nhà hàng hải đều ghê sợ. Đó là “mũi Horn” và “mũi giông tố”.

Tàu Nam Tị Lữ rẽ nước, tiếp tục cuộc hành trình, sau khi đã vượt qua gần mười ngàn dặm trong ba tháng rưỡi, đi một vòng đầu của địa cầu.

Nhưng rồi chúng tôi sẽ đi đâu nữa? Tương lai sẽ thế nào?

Tàu Nam Tị Lữ ra khỏi eo biển Gibraltar tiến ra khơi. Bấy giờ tàu lại nổi lên mặt nước. Chúng tôi có dịp trở lại những buổi dạo chơi thường ngày trên sàn tàu.

Đàng xa, độ 12 hải lý thấp thoáng mũi Saint Vincent là chủ điểm phía tây

của bán đảo Tây Ban Nha. Gió nam bắt đầu thổi mạnh. Mặt biển động, nổi sóng, làm tàu Nam Tị Lữ trông tránh khiến chúng tôi không tiện đứng mãi bên ngoài. Sau khi hít vài hơi, chúng tôi trở về phòng. Nể Lang, tỏ vẻ bức bối vì cuộc hành trình chớp nhoáng qua Địa Trung Hải làm ý định tẩu thoát của anh ta bị thất vọng.

Cánh cửa phòng được khép lại, anh ta ngồi xuống, nhìn tôi với vẻ mặt không vui.

Tôi nói:

– Anh Nể Lang, đừng nên chán nản. Vì nghĩ đến sự tẩu thoát trong lúc này là điên rồ!

Nể Lang không trả lời: ngồi mím môi, cau mày, tỏ vẻ băn khoăn qua nhiều

ý nghĩ đang ám ảnh. Tôi nói tiếp:

– Chưa có gì đáng thất vọng! Chúng đang đi ngược bờ biển Bồ Đào Nha, chưa xa Pháp quốc và Anh quốc, nơi mà chúng ta có thể ẩn núp dễ dàng. Nếu tàu Nam Tị Lũy ra khỏi Gibraltar và đi lên phía bắc, chúng ta sẽ xa dần lục địa, thế thì lúc bấy giờ tôi sẽ chia xẻ nỗi lo âu của bạn. Nhưng hiện nay, thuyền trưởng Nam Mộ không còn lẩn tránh những vùng biển văn minh nữa, và độ ít hôm chúng ta sẽ hành động một cách kết quả.

Nễ Lang không ngớt nhìn tôi, môi mím chặt nói:

– Chiều nay vậy.

Tôi rất ngạc nhiên, không ngờ có sự đột ngột này. Tôi muốn nói nhưng lại không biết phải nói gì.

Nễ Lang nói tiếp:

– Chúng ta đã thỏa thuận chờ dịp thuận tiện. Nay dịp may đã có. Chiều nay chúng ta chỉ còn cách bờ biển Tây Ban Nha độ vài hải lý thôi. Trời lại tối, gió ngoài khơi thổi mạnh. Ông đã hứa, và tôi luôn đặt tin tưởng vào ông.

Thấy tôi nín thính, Nễ Lang bước lại gần, nói:

– Chiều nay, chín giờ nhé! Tôi đã dặn Côn Sơn rồi. Giờ này Thuyền trưởng Nam Mộ ở trong phòng, và có lẽ đã an nghỉ rồi. Các thợ máy và thủy thủ không thể trông thấy ta. Tôi và Côn Sơn sẽ lên ngõ giữa, ông vào phòng đọc sách, cách độ vài bước và chờ dấu hiệu của tôi. Chèo, buồm, cột đều có sẵn trong ca-nô rồi. Tôi đã chuẩn bị cả đồ ăn, và được một chìa khóa để vặn các ốc gắn chiếc

ca-nô vào tàu Nam Tị Lũy. Mọi việc đã sẵn sàng. Xin hẹn tối nay vậy.

– Nhưng biển xấu lắm.

– Đành vậy, nhưng cần phải mạo hiểm chứ sao. Muốn tự do, cần phải trả một giá nào. Hơn nữa thuyền tốt, gió thổi xuôi, thì vài hải lý vượt qua có khó gì đâu. Biết đâu ngày mai chúng ta sẽ đi lên được một nơi trên đất liền để gửi thây về sau. Xin Chúa Trời phù hộ, và hẹn chiều nay nhé.

Nói xong Nễ Lang đi ra, tôi ngồi yên lặng, lòng bàng hoàng. Tôi không kịp suy nghĩ để bàn cãi vì ông bạn của tôi quá cương quyết. Hơn nữa, ý định tẩu thoát của Nễ Lang là chính đáng. Tôi làm sao có thể vì ý muốn cá nhân mà còn ngăn tương lai của các bạn tôi.

Ngày mai Thuyền trưởng Nam Mộ có thể đưa tôi ra khơi được nữa hay không?

Vừa lúc đó, một tiếng rít nổi lên, báo hiệu các phòng chứa nước được bơm đầy, và con tàu đã chìm xuống đáy Đại Tây Dương.

Tôi ở mãi trong phòng, cố tránh cho thuyền trưởng đừng nhận thấy những xúc cảm trên mặt tôi.

Một ngày buồn bã trôi qua, lòng tôi giằng vò giữa hai ý nghĩ: một đằng là cuộc sống tự do, một đằng là theo dõi cuộc khảo cứu dưới đáy biển. Ôi! Đại Tây Dương yêu mến! Trong khi chưa quan sát hết các lớp nước sâu, chưa tìm hiểu được những bí ẩn như đã tìm thấy ở Ấn Độ dương và Thái Bình dương thì cuốn sách tôi bị lỡ dở và giấc mộng của tôi bị đổ vỡ trong giờ phút êm đẹp nhất!

Thì giờ nặng nề trôi qua. Có lúc tôi mơ tưởng được sống yên trên đất liền cùng các bạn. Lắm lúc tôi lại ước mong làm sao cho Nễ Lang dừng thực hiện được chương trình dự định.

Hai lần vào phòng khách nhìn địa bàn để xem thử tàu Nam Tị Lũy ở cách xa hay gần bờ biển. Nhưng không, tàu vẫn ở gần Bồ Đào Nha, đi dọc theo bờ biển hướng về phía Bắc. Hãy còn cơ hội để tẩu thoát được! Hành lý tôi không nặng nề mấy, chỉ có vài cuốn sổ tay là hết. Đối với thuyền trưởng, sự tẩu thoát của chúng tôi sẽ làm cho ông ta nghĩ sao? Và, nếu dự định của chúng tôi rủi thất bại thì tai hại đến với chúng tôi như thế nào? Thuyền trưởng đối xử với tôi rất thẳng thắn, nên lúc ra đi tôi không khỏi bị xem như kẻ bạc ơn. Tuy tôi không có cam kết điều gì, nhưng sức mạnh của tình cảm còn đáng

kể hơn là lời hứa hẹn. Thuyền trưởng đã tỏ ý định giam cầm vĩnh viễn chúng tôi trên con tàu này, thế thì việc tẩu thoát của tôi là lẽ phải, là tự vệ, là hợp lý. Từ ngày đi viếng đảo Santorin, tôi chưa hề gặp thuyền trưởng. Có thể tình cờ xui tôi được gặp ông ta trước lúc ra đi chăng? Tôi vừa mong và cũng vừa e ngại. Tôi để ý xem có tiếng chân bước trong phòng ông ấy, cạnh phòng tôi không? Nhưng không một tiếng động. Căn phòng vắng lặng. Tôi tự hỏi: “không biết ông ta có trên tàu hay không?” Từ đêm nọ, khi người ta đem ca-nô ra đi một cách bí mật tôi bắt đầu có đôi phần thay đổi về ý nghĩ đối với thuyền trưởng. Tôi đoán hình như ông vẫn còn liên lạc riêng với đất liền. Ông ta có khi nào rời khỏi tàu không? Nhiều khi hàng tuần tôi không được gặp mặt. Những lúc ấy ông ta làm gì? Chả lẽ cứ nằm yên một chỗ, hay đến

một nơi nào bí mật để hành động mà không ai hay biết.

Trăm ngàn ý kiến trái ngược đảo lộn trong tâm trí tôi mãi, tôi chẳng sao tìm được lý giải hay phỏng đoán được về hoàn cảnh rắc rối của chúng tôi hiện tại.

Nỗi bức dọc xâm chiếm cả người tôi. Ngày chờ đợi hiện nay hình như vô tận. Giờ phút trôi qua quá nặng nề làm tôi thêm nóng lòng. Bữa ăn, tôi đã không ngon. vì mãi lo nghĩ, Ăn xong lúc bảy giờ. Còn một trăm hội mười phút nữa là đến giờ hẹn gặp Nễ Lang. Nỗi lo âu thêm. Tôi không thể ngồi yên được, phải đi tới đi lui để bớt hồi hộp. Tôi lo lắng và nghĩ đến cơ mưu bị lộ lúc phải đứng trước thuyền trưởng Nam Mộ để thú nhận hành động phụ bạc của mình.

Để nhìn phòng khách lần cuối cùng,

tôi trở lại phòng đọc sách, nơi đó tôi đã hưởng nhiều giờ phút thú vị và hữu ích. Tôi nhìn tất cả của cái kho tàng quý giá nơi đây, tôi có cảm giác một người đang viếng một đêm chót, trước khi lên đàng đi xa vĩnh viễn. Tôi sẽ từ bỏ mãi mãi bao nhiêu kỳ quan của vũ trụ, bao nhiêu tác phẩm mỹ thuật mà tôi đã chung sống bao nhiêu ngày êm ả. Muốn đưa mắt nhìn lại làn nước trùng dương qua cửa kính của phòng khách, nhưng tiếc thay, nắp sắt đập kín đã ngăn cách tôi cùng Đại Tây Dương mà tôi chưa có dịp tìm hiểu.

Đi hết phòng khách, tôi đến gần cửa phòng thuyền trưởng. Và rất ngạc nhiên, thấy cửa để hé mở, tôi vội bước thụt lùi. Nếu thuyền trưởng có trong phòng, ông ta sẽ thấy tôi. Tuy nhiên tôi không nghe một tiếng động nào. Tôi lại rón rén bước

đến đầy cửa vào. Không khí trang nghiêm trong phòng vẫn như tự bao giờ. Những bức ảnh treo trên tường làm tôi chú ý. Đây là các chân dung của vĩ nhân lịch sử đã lưu nhiều công đức cho nhân loại:

- Kosciusho anh hùng Ba Lan đã chết dũng cảm với khẩu hiệu “Finis Polonioe”.

- Botzaris vĩ nhân của Hy Lạp hiện tại.

- Ô Conoell, anh hùng kháng chiến Ái Nhĩ Lan.

- Hoa Thịnh Đốn (Washington) đã khai sinh Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ.

- Manin nhà Ái quốc Ý Đại Lợi.

- Lincoln chết do viên đạn của một

kẻ mãi nô, đã chủ trương giải phóng mọi da đen.

– John Brown đang bị treo cổ. Những nét bút chì của Victor Hugo đã phác họa một cách dễ sợ.

Có sự liên hệ gì giữa tâm hồn của thuyền trưởng và các bậc vĩ nhân này chẳng? Nhân sự tập trung các bức ảnh này đã giúp tôi phong đoán được phần nào những bí ẩn của cuộc đời thuyền trưởng Nam Mô.

Ông ta có phải là người anh hùng muốn giải phóng các dân tộc nô lệ? Ông ta có góp phần nào trong công cuộc cách mạng chính trị và xã hội hiện đại của thế kỷ này chẳng? Ông ta có phải là một trong các vị anh hùng của trận nội chiến tàn khốc và vinh quang của Mỹ quốc hay chẳng?...

Thình lình đồng hồ điểm tám tiếng, làm tôi rùng mình, như bị một cặp mắt vô hình đang rình để tìm hiểu cái ý nghĩ bí ẩn của tôi. Tôi lật đặt bước ra khỏi phòng, nhìn vào địa bàn, thấy tàu đang đi mãi về hướng Bắc. Tốc lực với độ bình thường. Máy áp kế chỉ độ sâu vào khoảng 60 bộ. Hoàn cảnh rất thuận lợi cho dự định của Nễ Lang!

Trở về phòng, tôi mặc quần áo: giấy lộ nước, mũ da rái, áo choàng bằng ty túc da hải cẩu. Tôi đã sẵn sàng, chỉ còn chờ đợi. Tôi lắng tai nghe. Biết đâu sẽ có tin cho biết dự định của Nễ Lang bị khám phá. Sự lo lắng tràn ngập cả tâm trí tôi.

Còn vài phút nữa là chín giờ. Tôi để tai lắng nghe bên phòng thuyền trưởng. Không một tiếng động. Phòng khách sáng lơ mờ, lặng lẽ.

Tôi mở cửa sang phòng đọc sách, ánh sáng cũng vẫn mờ mờ yên lặng như thế. Tôi nép mình bên cửa gần tam cấp giữa để ý nghe dấu hiệu của Nễ Lang.

Vừa lúc ấy, tiếng chong chóng kêu nhỏ dần rồi im hẳn. Tại sao có sự thay đổi tốc độ quá đột ngột của con tàu như thế này? Sự ngừng lại bất ngờ có làm trở ngại gì trong dự định của Nễ Lang không? Tôi hoàn toàn không biết rõ. Tôi chỉ còn nghe tiếng động của quả tim. Một tiếng chạm nhẹ cho biết tàu Nam Tị Lũy vừa nằm trên đáy biển. Sự e ngại càng tăng thêm.

Chưa nhận được dấu hiệu của Nễ Lang, tôi muốn tìm anh ta để bàn tính, hoãn lại dự định trước vì thấy tàu không ở trong trạng thái bình thường nữa... Lúc bấy giờ, cửa phòng khách mở rộng

thuyền trưởng Nam Mộ bước vào và nhã nhặn hỏi tôi:

– May quá, giáo sư Long Đắc! Tôi đang tìm ông đây. Ông có biết rõ lịch sử xứ Tây Ban Nha không?

Với tình trạng của tôi hiện tại đầu óc rối loạn, dù biết rõ lịch sử nước này, cũng không thể nói nên lời.

Thuyền trưởng nhắc lại:

– Thế nào, ông có biết lịch sử xứ Tây Ban Nha chứ?

– Rất ít.

– Lời nói của các nhà học giả lúc nào họ cũng tỏ ra không biết cả. Vậy xin mời ông ngồi, tôi sẽ kể lại một giai đoạn kỳ thú của lịch sử nước này.

Thuyền trưởng nằm trên chiếc ghế dài. Tôi đến ngồi bên cạnh, trong bóng tối lơ mờ. Ông nói tiếp:

– Thưa giáo sư, xin ông nghe kỹ, mẩu chuyện này sẽ có ích phần nào đối với ông và sẽ giúp ông trả lời được một câu hỏi mà chưa bao giờ ông có thể giải quyết được.

– Tôi xin nghe, thưa thuyền trưởng.

Tuy làm ra vẻ thản nhiên song tôi chưa biết ông ta nói câu chuyện này có dính dáng đến dự định của chúng tôi không.

Thuyền trưởng tiếp tục kể:

– Chúng ta hãy trở lại năm 1702. Lúc bấy giờ vua Louis thứ XIII nước Pháp đưa người cháu là Quận công Ouyon qua Tây Ban Nha với dụng ý đặt nền chuyên chế

tại miền đất bên kia dãy núi Pyrénées. Ông Hoàng này, lấy danh hiệu Philippe đệ V chỉ mới cai trị được một năm thì triều vua Hòa Lan, Áo và Anh quốc ký một hiệp ước tại La Haye muốn cùng đánh đổ Philippe V để trao vương quyền cho Vương tước nước Áo, dự định sẽ lấy tên là Charles III.

Tây Ban Nha phải chống lại phe đồng minh này. Tuy thiếu bộ binh và hải quân, nhưng về tiền bạc thì có thừa, vì lúc đó có một số vàng bạc của Mỹ quốc đang đóng thùng gửi ở các hải cảng.

Cuối năm 1702 một đoàn thuyền Pháp trên 23 chiếc dưới quyền điều khiển của Đô đốc Château Renaud sẽ bảo vệ đưa kho tàng này về nước. Lúc bấy giờ hạm đội của đồng minh đang ở Đại Tây Dương. Đáng lẽ phải đến Cadix, nhưng dò biết hạm đội Anh đang trấn phòng ở

đấy, Đô đốc quyết định đưa lên một hải cảng Pháp.

Các sĩ quan Tây Ban Nha phản đối và đề nghị, nếu không đến Cadix thì đưa về Vigo trên bờ biển tây bắc Tây Ban Nha hiện không bao vây. Vì nhu nhược, Đô đốc Château Renaud lại chấp thuận đề nghị này. Rủi thay, vịnh Vigo rất trống trải và không có lực lượng phòng thủ cần phải di chuyển cấp bách trước khi hạm đội đồng minh đến. Mọi việc cũng có thể hoàn thành kịp thời, nếu không có một sự tranh chấp đáng tiếc xảy ra.

Đến đây Thuyền trưởng ngừng lại hỏi:

- Sao, ông có nghe tôi kể không?
- Vâng, tôi đang chú ý nghe.

Tôi tuy trả lời, nhưng cũng chưa hiểu câu chuyện này nhằm mục đích gì. Thuyền trưởng tiếp:

– Sau đây là sự việc đã xảy ra. Các thương gia Cadex có đặc quyền được tiếp nhận tất cả hàng hóa từ tây Ấn Độ đưa đến. Nếu đưa những thùng vàng này đến hải cảng Vigo là vi phạm quyền lợi của họ. Do đó họ đã khiếu nại đến thủ đô Madrid và vua Philippe V ươn hèn đồng ý không cho đưa vàng lên bờ và chỉ đậu tại Vigo, cho đến khi hạm đội của địch đi xa.

Nhưng trong lúc có quyết định này, ngày 22 tháng mười 1702, hạm đội Anh đến vịnh Vigo. Mặc dù yếu hơn nhưng Đô đốc Château Renaud đã chống cự mãnh liệt. Đến lúc nhận thấy kho vàng sắp rơi vào tay địch, đô đốc ra lệnh đốt tàu. Kho vàng chìm sâu dưới đáy biển.

Đến đây Thuyền trưởng Nam Mộ dừng lại. Tôi cũng chưa hiểu câu chuyện này có dính dáng gì đến tôi nên hỏi thêm:

– Rồi thế nào nữa?

– Thưa giáo sư Long Đắc, bây giờ chúng ta đang ở tại vịnh Vigo và chúng ta chỉ còn tìm ra sự thật của vấn đề bí ẩn này.

Thuyền trưởng đứng lên và ra dấu bảo tôi đi theo. Phòng khách tối đen, nhưng qua cửa kính, lấp lánh ánh sáng của sóng biển chiếu qua, tôi nhìn rõ xung quanh tàu Nam Tị Lũy. Một làn ánh sáng soi khắp một vùng nước rộng trên nửa hải lý. Nền cát trắng hiện ra rõ ràng, những thủy thủ trên tàu, mặc áo lặn, đang khuân ra từ giữa xác tàu nám đen nhiều thùng đã bể gần bể nát.

Các thùng ấy đổ ra vô số những thoi vàng, bạc, những tiền và nữ trang nằm san sát trên mặt cát.

Các thủy thủ khuân dần những của cải này đem chất trên tàu Nam Tị Lũy, rồi tiếp tục mãi không dứt.

Tôi đã hiểu. Chính tại đây đã diễn ra trận đánh ngày 22 tháng 10 năm 1702. Chính tại đây kho vàng của chính phủ Tây Ban Nha đã bị đắm. Tại đấy, thuyền trưởng Nam Mộ đã vớt kho tàng muôn triệu để sử dụng theo ý riêng. Chính thuyền trưởng là người độc nhất đã thừa hưởng trọn kho tàng, từ tay những kẻ chiến bại của Fernand Cortez!

Thuyền trưởng mỉm cười hỏi tôi:

– Giáo sư có đoán biết biển cả đã chứa bao nhiêu kho tàng như thế không?

– Người ta phỏng đoán độ hai triệu tấn bạc đang chìm trong đáy biển?

– Đúng thế, nhưng muốn khai thác những kho tàng này, mức chi phí cần nhiều hơn số thu hoạch. Nơi đây người ta đã mất, và tôi chỉ có việc thu lượm. Không những chỉ tại vịnh Vigo mà ở hàng ngàn nơi tàu bị đắm, tôi đã ghi trên bản đồ đáy biển của tôi rất rành mạch. Bây giờ chắc ông đã hiểu vì đâu tôi thành tỷ phú.

– Thưa, tôi đã hiểu. Xin thuyền trưởng cho biết trong lúc khai thác kho tàng này, có lẽ thuyền trưởng đã đi trước và có hội nào khác cạnh tranh chẳng?

– Hội nào?

– Một hội tư được chính phủ cho phép đi sưu tầm kho tàng bị chìm. Nhiều

cổ phần quan trọng đã được chung góp vì hy vọng sẽ tìm được kho tàng trị giá trên năm trăm triệu bạc.

– Năm trăm triệu à! Đúng, theo thời xưa, nhưng hiện nay không còn nữa.

– Chính thế. Tôi thiết tưởng cũng nên làm ơn báo tin cho họ biết. Điều họ tiếc nhất có lẽ không phải là phí tổn, mà chính là những hy-vọng hảo huyền họ đã ôm ấp. Tôi rất buồn cho bao nhiêu người khốn nạn đáng thương ấy, vì họ không thể tìm được, và cũng không bao giờ thừa hưởng được, bao nhiêu tài sản quý báu này trở thành vô dụng...

Tôi thấy không tiện nói nhiều hơn vì ngại chạm tự ái của thuyền trưởng Nam Mô.

Thuyền trưởng nhìn tôi, nói:

– Vô dụng à! sao ông có thể tưởng rằng bao nhiêu kho tàng này đã mất là vô dụng trong lúc chính tôi đã tìm ra được? Có lẽ ông nghĩ rằng lấy kho tàng này cho riêng tôi sao? Ai bảo rằng tôi không thể sử dụng vào một mục đích tốt đẹp, ông tưởng tôi không biết đến bao nhiêu người đang rên siết, bao nhiêu dân tộc bị áp chế, bao nhiêu kẻ khốn khó phải được nâng đỡ, bao nhiêu nạn nhân đã hy sinh, cần phải trả thù cho họ sao?...

Thuyền trưởng dừng lại nơi đây! Hình như ông ta tự thấy mình đã nói quá nhiều. Bây giờ tôi đã hiểu. Mặc dù nguyên nhân nào đã xui khiến ông ta sống độc lập dưới đáy bể, nhưng ông ta vẫn còn là một con người! Bây giờ tôi đã đoán ra được ai đã nhận bao nhiêu triệu

bạc mà thuyền-trưởng đã gửi đi trong khi tàu Nam Tỵ Lũy đến vùng đảo Crête, trong lúc đang khởi nghĩa.

CHƯƠNG 33

MỘT LỤC ĐỊA MẤT TÍCH

Sáng sớm ngày 4 tháng hai, Nễ Lang đến phòng tôi, nói với giọng buồn chán:

- Thế nào, thưa ông?
- Bạn Nễ Lang, thật là một sự tình cờ đã cản trở chúng ta ngày hôm qua.
- Vâng, viên thuyền trưởng quái gở đã đến vừa đúng lúc mình sắp trốn khỏi tàu.

– Ông có việc cần liên lạc với nhà ngân hàng riêng.

– Nhà ngân hàng à!

– Vâng, nói nhà băng riêng của ông ta thì đúng hơn vì đây là biển cả. Nơi đây tài sản của ông ta được bảo đảm chắc chắn hơn các ngân hàng của quốc gia.

Tôi thuật lại cho Nễ Lang nghe những hiện tượng bí mật của ngày qua, với dụng ý muốn anh ta đừng rời bỏ thuyền trưởng nữa. Nhưng câu chuyện chỉ làm cho Nễ Lang hậm hực vì không được đi dạo một vòng trên chiến trường Vigo. Anh ta nói:

– Thôi vậy, cũng chưa tuyệt vọng đâu! Ta cứ xem như một mũi lao phóng không trúng đích. Chờ cơ hội khác, cũng có thể thành công, và chiều nay. biết đâu...

Tôi hỏi:

– Tàu Nam Tị Lũy đi theo hướng nào?

– Tôi không biết.

– Vậy thì trưa nay chúng ta sẽ nhận định lại vị trí.

Nễ Lang đi tìm Côn Sơn. Tôi mặc áo xong vào phòng khách. Nhìn vào địa bàn thấy tàu chạy từ Nam đến Tây-Nam. Như thế, chúng tôi xây lưng về phía Âu châu. Tôi hy vọng trở lại vị trí cũ.

Mười một giờ rưỡi, các phòng chứa nước được bơm trống, tàu nổi lên. Tôi lật đật leo lên sàn tàu. Cả Nễ Lang và Côn Sơn cũng vậy.

Không còn thấy dạng đất, tư bề biển cả mênh mông, xa xa vài chiếc buồm nhấp nhô tận chân trời. hình như đang

tiến về mũi San-Rogne và chờ gió thuận để vòng mũi Hảo Vọng.

Trời xấu, gió bắt đầu thổi.

Nễ Lang bức tức, nhìn về chân trời đầy sương mù và hy vọng sau bức màn sương ấy hiện ra miếng đất đang mơ ước.

Trưa đến, mặt trời ló dạng. Người phụ tá thừa lúc này để nhìn bóng mặt trời. Nhưng mặt biển động mạnh, chúng tôi phải vào trong tàu, cửa đóng kín lại. Một giờ sau, nhìn bản đồ, tôi thấy tàu ở trên 16°17' kinh tuyến, và 33°22' vĩ tuyến, cách bờ biển gần nhất trên một trăm cây số.

Thật không còn điều kiện để tẩu thoát nữa, Tôi cũng đoán trước được nỗi căm tức của Nễ Lang lúc được biết vị trí chúng tôi hiện ở.

Về phần tôi, tôi cảm thấy trút được một gánh nặng và bắt đầu trở lại công việc bình thường hàng ngày.

Lúc mười một giờ đêm, thuyền trưởng bất ngờ lại thăm tôi và hỏi:

- Đêm qua ông có mệt nhọc lắm không?

Tôi đáp:

- Tuy chưa quen sóng gió, nhưng không hề gì.

- Như thế thì tôi xin đề nghị một cuộc du ngoạn lạ lùng hơn.

- Xin thuyền trưởng cho biết ý kiến.

- Ông đã viếng đáy biển ban ngày có đủ ánh sáng mặt trời. Vậy ông có thích đi lúc đêm tối không?

- Xin sẵn lòng.

- Cuộc du hành này sẽ khó nhọc hơn. Tôi xin báo trước, cần phải đi xa, qua một quả núi và đường sá không được tốt lắm.

- Những điều ông kể càng làm tôi tò mò muốn biết hơn. Xin sẵn sàng theo ông.

- Vậy xin giáo sư mặc áo lặn đi thôi.

Đến phòng để đồ lặn, tôi không thấy một người nào đi theo chúng tôi lần này, ngay cả Nễ Lang và Côn Sơn cũng thế.

Bình hơi mang trên lưng lần này bơm nhiều hơn trước, nhưng chưa thấy có đèn điện. Tôi hỏi thuyền trưởng và ông ta trả lời:

- Dem đèn vô ích.

Tôi tưởng nghe lầm, hỏi lại, nhưng

thuyền trưởng đã chui vào bầu đồng của bộ áo lặn rồi. Mặc áo xong, người ta đưa cho tôi cầm một cây gậy bằng sắt. Vài phút sau, chúng tôi đặt chân trên đáy biển Đại Tây Dương, sâu hơn ba trăm thước nước.

Bấy giờ gần nửa đêm. Nước biển tối om, và thuyền trưởng chỉ cho tôi nhìn về phía xa, một luồng ánh sáng đỏ đang chiếu cách tàu độ hai hải lý.

Tôi không rõ lửa gì, đốt bằng chất gì mà sáng được giữa khối nước, không tắt. Thật khó hiểu.

Ánh sáng chiếu tới tuy lơ mờ nhưng chúng tôi đã quen mắt trong bóng tối và đến bây giờ tôi mới thấy đèn đèn rọi là vô ích.

Tôi và thuyền trưởng kẻ trước người

sau, đi thẳng về hướng có ánh sáng. Mặt đất lên cao mãi. Chúng tôi chống gậy và bước từng bước nhưng chậm, vì chân vướng vào những lùm rêu và nhiều viên đá nhô lên.

Lúc đang đi, tôi nghe những tiếng reo không ngớt trên đầu, có lúc thành những tiếng rít dài dằng dặc. Tôi tìm hiểu mới biết trời đang mưa nặng hạt trên mặt biển.

Đi được nửa giờ, mặt đất trở nên lồi lõm. Nhiều giống sứa, tôm, cua tí hon có lân tinh chiếu nhập nhoáng trên đất. Tôi thấy thấp thoáng nhiều dáng đá bao phủ không biết cơ man nào là rong rêu và các loại động thực vật khác nhau.

Thỉnh thoảng tôi bị trượt trên những lớp rong nhớt nếu không chống gậy, chắc phải bị té nhiều lần.

Nhìn lại phía sau, thấy tia đèn rọi của tàu Nam Tị Lũy đã mờ dần nơi xa.

Không hiểu vì sao trên đáy bể mà có những đồng đá chồng chất đều đặn như thế ấy.

Tôi thấy nhiều đường hẻm khuất dần tận nẻo xa trong bóng tối, không thể ước lượng được bề dài là bao nhiêu. Còn nhiều cái lạ lùng nữa, mà tôi không tưởng tượng nổi.

Để giày tôi có lót chì. Cứ mỗi bước, tôi có cảm giác như những lớp xương mục gãy răng rắc. Tôi muốn hỏi thuyền trưởng hiện đang đi trên vùng nào, nhưng các dấu hiệu của ông ta thường dùng đối với các thủy thủ, tôi chưa thạo nên không thể hiểu được.

Đến đây ánh sáng lại rõ dần, làm đỏ

ừng cả một vùng rộng lớn. Tôi rất thắc mắc không rõ vì sao có thể phát ra ánh sáng trong lòng nước biển được. Có phải do sức điện không? Phải chăng là một hiện tượng lạ lùng mà nhân loại chưa khám phá ra được? Hay là có bàn tay của loài người ở đây? Thoáng qua ý nghĩ đó tôi mỉm cười, lắc đầu:

“Có thể tôi sẽ gặp nhiều bạn bè của thuyền trưởng Nam Mộ mà ông ta đến thăm viếng hôm nay chăng? Hay là có những kẻ bị lưu đày, chán nản cuộc sống với xã hội trên trái đất, đi tìm lối sống tự do tận đáy biển chăng?”

Bao nhiêu ý tưởng điên rồ, vô lý, đảo lộn trong trí óc. Có thể tôi sẽ khám phá tận đáy biển, một đô thị mà thuyền trưởng Nam Mộ đã ước mơ đây chăng? Đường đi mỗi lúc một sáng dần. Một luồng sáng đang chói tận đỉnh một hòn

núi cao độ tám trăm bộ. Nhưng tôi chỉ trông thấy ánh phản chiếu qua các lớp nước. Nơi phát sinh ra luồng ánh sáng bị che khuất bên kia triền núi.

Thuyền trưởng Nam Mộ mạnh bước không một chút do dự trên khoảng đường quanh co gồ ghề của đáy biển. Ông ta rất thông thạo con đường này. Có lẽ ông ta đã đi qua đây nhiều lần rồi, chắc không thể nào đi lạc được. Tôi lẫm lẫm bước theo sau, lòng tin tưởng vững chắc. Đối với tôi, ông ta là một vị hải thần, mỗi lúc có ông đi trước mặt, tôi say sưa ngắm hình dáng cao lớn của ông ta in trên nền nước sáng rõ tận chân trời.

Đã một giờ khuya. Chúng tôi vừa đến bậc đầu tiên của hòn núi. Nhưng muốn lên đến nơi phải len lỏi vào những đường quanh co khúc khuỷu qua một khu rừng còi.

Vâng, đây là một khu rừng còi với những thân cây khô không lá, không nhựa, bị nước biển làm cứng lại. Thỉnh thoảng có đôi cây thông cao sừng sững, hình như một rừng than đá còn nguyên vẹn cả cây lẫn rễ, đang đứng sững in hình trên nền nước trắng. Đây là một khu rừng cheo leo bên sườn núi, một khu rừng bị chôn vùi dưới nước sâu.

Đường đi đầy cả rong rêu, hải thảo, trong đó sống chen chúc cả một thế giới tôm cua. Tôi vừa đi vừa leo trên những tảng đá, bước qua những thân cây, đuổi những con cá hoàng hốt bay từ cạnh nọ sang cạnh kia. Nhờ thích thú, tôi quên cả mệt nhọc và bước theo người hướng đạo rất hăng hái.

Thật là một cảnh tượng lạ lùng, tuyệt tác, không thể nào tả xiết được. Một khu

rừng trên các tảng đá, trầm mình trong sóng nước, phía dưới đen tối âm u, phía trên, rực rỡ hào quang đỏ ửng của luồng ánh sáng nhờ nước phản chiếu càng tăng thêm phần chói lọi. Chúng tôi trèo lên làm tróc nhiều tảng đá lớn lăn nhào như núi lở. Bên trái, bên phải, có vài khu rừng thưa hình như do bàn tay người đã chặt bớt. Có lúc tôi tưởng sẽ gặp được những giống người sống tận dưới biển sâu.

Nhưng thuyền trưởng Nam Mộ vẫn tiếp tục leo. Tôi cũng hăng hái trèo theo. Cây gậy dùng rất được việc, vì nếu không có nó, một cái sẩy chân cũng có thể gieo mình tận hố sâu thăm thẳm. Tôi bước từng bước mạnh dạn chắc chắn, không chóng mặt. Có lúc tôi nhảy qua nhiều khe lớn, có lúc vít người qua những cành cây từ hố này qua hố nọ, không kịp ngó xuống dưới sâu. Bao nhiêu tâm trí đang

mải mê ngắm những cảnh đẹp dễ và man dại của vùng này.

Nhiều kiến trúc xây trên các chân nền rất kỳ dị hình như không cần đến quy luật thẳng bằng nữa. Giữa các cột trụ có đủ các thứ cây chen nhau mọc, bao bọc và ràng buộc lẫn nhau để đứng vững. Rồi đến nhiều cái tháp thiên nhiên, có làm mặt bằng phẳng lớp đứng thẳng, lớp ngả nghiêng. Nếu ở trên đất, chắc không tránh khỏi đổ nhào. Chính tôi cũng cảm thấy sự khác nhau rất lớn về trọng lực, vì ở đây mặc dầu có áo, giày bằng, kim khí nặng nề tôi vẫn bước và leo trèo nhẹ nhàng trên những đường dốc thẳng đứng, rất lẹ làng như con sóc.

Hai giờ sau khi rời tàu Nam Tị Lũy, chúng tôi leo qua khỏi rặng cây, đến hòn núi đứng thẳng tắp một trăm bộ phía

trên đầu, chiếu bóng đen xuống nền trắng sáng rực của triền cát trước mặt. Một vài cây nhỏ trơ cành, khẳng khiu như muốn dọa nạt. Một đoàn cá vọt tung lên như những đoàn chim giạt mình bay trong những đám cỏ dại. Núi đá lờm chờm đầy hang sâu lồi lõm có nhiều lỗ sâu chưa ai dò tới. Tận đáy xa, tôi lắng tai nghe tiếng động của một vật gì dễ sợ. Máu như ngừng chạy trong tim mỗi khi tôi gặp một cái vòi to tướng chặn đường đi hoặc một vài cái càng đang vội xếp lại lớp bộp trong khe đá! Hàng vạn chấm sáng nhấp nháy giữa đêm tối! Đó là mắt của những con cua khổng lồ đang núp trong hang, những con tôm hùm to tướng như những người lính cầm kích đang múa rỗng rảng tiếng thép chạm vào nhau; nhiều con còng vĩ đại đang chồm trên chỗ núp và những con mực ma ghê gớm đang uốn khúc, những cái tua quần

quai như một bầy rắn dữ.

Tôi chưa bao giờ được biết một thế giới lạ lùng như vậy. Tôi không biết những giống có đốt này thuộc về loại nào, đã dùng hang đá làm lớp vỏ giáp thứ hai để tự vệ. Không hiểu chúng sống tự đời nào, đã qua bao nhiêu thế kỷ ở dưới đáy sâu của biển cả rồi?

Nhưng tôi vẫn chưa dừng lại được. Thuyền trưởng Nam Mộ, đã quá quen thuộc với các giống này, không thêm quan tâm đến chúng nữa. Chúng tôi vừa đến một cái đôi đầu tiên, đã có nhiều sự ngạc nhiên đang chờ đợi. Nơi đây có nhiều phế tích tuyệt đẹp, hình như đang thử thách với nhân loại và thi gan cùng tạo hóa. Đó là những đồng đá chập chồng, nhìn kỹ thấy giống hình lâu đài, đèn, điện, bao phủ dưới một lớp rong rêu và hàng ngàn giống hải thảo. Không

hiểu đây có phải là phần đất nào của vũ trụ bị chôn vùi vì một tai biến đã xảy ra chăng? Không hiểu những bàn tay nào đã xếp đặt những tảng đá như những ngôi thạch mộ tối cổ? Hiện giờ tôi đang ở đâu, và Thuyền trưởng sẽ dẫn tôi đến nơi nào khác nữa cũng chưa biết.

Tôi muốn hỏi nhưng không được. Tôi nắm tay Thuyền trưởng kéo dừng lại, nhưng ông ta lắc đầu, đưa tay chỉ trên chóp núi hình như muốn nói:

– Cứ đi thêm! Còn đi nữa!

Tôi lại tiếp tục bước theo, và mấy phút sau đã lên khỏi chóp núi cao hơn tất cả vùng xung quanh độ mười thước.

Nhìn lại sườn núi vừa trèo qua, thấy núi này cao hơn cánh đồng bằng độ bảy tám trăm bộ, nhưng ở phía bên kia lại

sâu hơn gấp đôi. Đưa mắt nhìn xa, tôi vừa trông thấy một vùng đang cháy đỏ, sáng rực trên một vùng rộng lớn.

Thì đây là một hỏa diệm sơn! Độ năm mươi bộ dưới chóp núi, giữa một đám mưa đá và bọt sắt, một miệng núi lửa đang phun ra từng luồng phun thạch cuộn cuộn như dòng suối chảy lẫn lộn vào nước biển. Núi lửa này đã biến thành một cây đuốc khổng lồ soi sáng cả cánh đồng phía dưới, đến tận chân trời xa.

Miệng núi lửa phun ra phun thạch chứ không phải lửa ngọn. Lửa ngọn cần phải có khí trời và dưỡng khí chứ không thể bốc cháy được trong nước. Nhưng phun thạch thì tự nó bốc cháy được, có thể chảy vào nước rồi bốc hơi dần dần. Nhiều luồng hơi lan ra khắp nơi chảy xuống chân núi cũng như núi lửa Vesuve chảy trên miền Torre Del Greco.

Dưới mắt tôi cả một đô thị bị tàn phá, xô ngã, đổ nát, với những mái nhà sập, những đền thờ, những Khải Hoàn môn nghiêng ngả, các cột đều nằm trên đất, mới nhìn thấy người ta vẫn chưa nhận định được lỗi kiến trúc chắc chắn của thời xưa. Đàng xa, còn một ít nền móng của một thủy lộ vĩ đại. Nơi đây là những luống gạch của một vệ thành, nơi kia là di tích của cầu tàu, hình như xưa kia, chốn này là một bến tàu của bao nhiêu thương thuyền và chiến thuyền nay đã mất tích. Xa hơn nữa là những dãy tường đổ nát; của nhiều đại lộ hay nhiều đường phố vắng tanh. Tất cả giống như đô thị Pompéi bị chôn dưới nước mà thuyền trưởng chỉ dẫn trước mặt tôi.

Nơi nào đây? Tôi đang ở đâu đây? Tôi muốn biết, muốn hiểu và muốn nói. Tôi

muốn vút quách chiếc bầu đồng đang bao phủ đầu tôi.

Nhưng thuyền trưởng Nam Mô đã đến gần, và ra dấu cản tôi lại. Rồi ông lấy một viên đá phấn, đến một phiến đá đen và viết trên một chữ: Atlantide.

Như một luồng ánh sáng rọi vào tâm trí, tôi nhớ đến Atlantide, đô thị xa xưa, một lục địa mất tích, qua bao nhiêu câu chuyện tục truyền và dã sử từng được nhiều đại văn hào khắp các nước đã ca tụng, hôm nay bỗng hiện ra trước mắt tôi, với bao nhiêu chứng cứ hiển nhiên của một đại biến cố đã gây ra và còn lưu lại.

Đây là một vùng bị chôn vùi, mà trước kia, dân tộc Atlantes, một dân tộc hùng cường, đã từng gây những trận chiến đấu đầu tiên cùng cổ Hy Lạp, đã

từng sống riêng biệt ngoài phạm vi Âu, Á.

Chính Platon, nhà sử gia nổi tiếng, đã thuật lại những đền đài vĩ đại của thời kỳ oanh liệt này.

Theo sự tích cũ đã ghi trên vách đền, và theo một bộ lão thuật chuyện về các đô thị cũ hơn một nghìn năm, thì đô thị đầu tiên của Hy Lạp, trên chín thế kỷ, đã bị xâm chiếm và tàn phá một phần bởi dân Atlantes. Dân tộc này chiếm trọn một lục địa mênh mông, rộng lớn hơn cả Phi châu và Á châu hợp lại, có một diện tích từ 12 đến 40 vĩ độ Bắc. Đế-quốc này đã bao gồm đến tận Ai-cập, sắp đô hộ cả Hy Lạp, nhưng phải rút lui vì sức kháng cự mãnh liệt của Hellènes. Đến nay nhiều thế kỷ đã trôi qua, sau một tai biến đã xảy ra, vừa lụt lội vừa động đất, chỉ trong

vòng một ngày đêm đã chôn vùi Atlante.

Ngày nay những hòn núi cao nhất (Madère, Acores, Canaries, và các đảo Mũi xanh) hãy còn lưu lại.

Do bao nhiêu kỷ niệm lịch sử mà thuyền trưởng Nam Mộ đã ghi và làm rung cảm tâm hồn tôi. Ngày nay, một định mệnh kỳ lạ, đã đưa tôi đến và dẫm chân lên một hòn núi của lục địa này. Chính tay tôi đã sờ mó được bao nhiêu di tích! Tôi đã bước đi tận nơi mà tổ tiên của loài người đã bước lên. Tôi đã dẫm dưới đế giày, những bộ xương thú của thời hoang đường, xưa kia đã sống núp dưới bóng các cây này và hiện đã bị nước biển hóa thành khoáng chất.

Rất tiếc tôi không có đủ thì giờ để đi xuống triền núi dựng đứng, xuyên

qua những đường quanh co trên lục địa mênh mông trước kia đã nối liền Phi châu với Mỹ châu, và đi viếng thăm hết các đô thị của thời kỳ tiền hồng thủy!

Có thể, tôi sẽ được nhìn tận mắt Makhimos, đến Nữ thần chiến tranh, Eusebès nơi những người khổng lồ đã đứng hàng thế kỷ để chắt những đóng đá to lớn, hiện còn đứng vững thì gan cùng sức nước. Biết đâu, rồi đây có ngày một cuộc động đất, sẽ đưa các đô thị này trở ra khỏi biển nước? Người ta kể có rất nhiều núi lửa ngấm ở các vùng này và có nhiều tàu đã cảm thấy có sự chuyển động kỳ lạ, khi đi qua các vùng bị động đất. Có người nghe cả tiếng nổ của các khoáng chất chạm vào nhau. Có kẻ lại hứng được tro của núi lửa phun lên khỏi mặt nước. Vùng đất này thẳng đến tận đường xích đạo, vẫn còn bị ảnh hưởng

với trạng thái chung ấy. Ai có thể ngờ rằng, với thời gian, bao nhiêu lớp phun thạch chồng chất mãi lên nhau, những chóp núi này sẽ cao dần và trôi lên khỏi Đại Tây Dương.

Trong khi tôi mãi ghi những kỷ niệm của quang cảnh vĩ đại này, Thuyền trưởng Nam Mộ yên lặng, chống tay vào một tấm bia rêu phủ, như đang mãi mê suy nghĩ. Phải chăng ông ta muốn tìm hiểu vong hồn các lớp người đã khuất, và sự bí ẩn, định mệnh tương lai của nhân loại. Phải chăng con người kỳ lạ này muốn đến nơi đây để hồi tưởng lại những kỷ niệm lịch sử, để sống lại thời tiền cổ, vì đã quá chán ghét cái xã hội văn minh hiện tại. Làm sao đoán biết được ý nghĩ của ông ta được, giữa lúc ấy.

Chúng tôi đứng yên lặng hàng giờ để ngắm cánh đồng mênh mông dưới ánh

sáng chói lòa của phún thạch, nhiều lúc lóe lên một cách kinh khủng. Sự nung đốt bên trong đã làm rạn nứt nhiều đường trên sườn núi. Nhiều tiếng rền xa xa do nước chuyển đến.

Lúc bấy giờ trăng đã lên cao, chiếu ánh sáng mơ hồ trên lục địa đang vùi sâu dưới đáy nước. Đây không phải là ánh sáng, mà là một sự phản chiếu khó tả. Thuyền trưởng đứng dậy, nhìn một lần chót cánh đồng mệnh mông, rồi ra dấu bảo tôi đi theo. Chúng tôi xuống núi rất mau lẹ. Vừa vượt qua khỏi khu rừng, đã thấy ánh đèn tàu Nam Tỵ Lũy đang le lói như một tinh tú tận đằng xa. Thuyền trưởng tiến thẳng về tàu. Chúng tôi về đến nơi vừa lúc ánh sáng bình minh chiếu sáng trên mặt Đại Tây Dương.

CHƯƠNG 34

THAN ĐÁ DƯỚI BIỂN

Sáng ngày 20 tháng hai, tôi thức dậy trễ. Sự mệt nhọc của đêm qua khiến giấc ngủ tôi bị kéo dài đến 11 giờ. Tôi vội mặc áo rồi tìm hiểu hướng đi của tàu Nam Tị Lữ. Địa bàn chỉ phía nam với tốc độ hai mươi hải lý một giờ ở mức sâu một trăm thước.

Côn Sơn vừa bước vào. Tôi thuật lại câu chuyện khi đêm. Lúc ấy nắp cửa

sổ vừa mở, chúng tôi vẫn còn thấy một phần trái núi của lục địa chìm dưới đáy biển.

Thật ra, tàu Nam Tị Lữ chỉ chạy cách đáy biển, trên đồng bằng Adantide mười thước mà thôi. Con tàu lướt qua như một quả khinh khí cầu được gió đưa trên một cánh đồng cỏ. Nói đúng hơn là chúng tôi đang ở trong phòng như những hành khách trên một con tàu suốt. Những vật được trông thấy thoát tiên là những tảng đá đủ hình dáng rồi đến rừng cây đã biến thể từ thực vật sang khoáng chất; đang sừng sững ngâm mình trong sóng nước. Thêm nhiều lớp đã bao phủ một lớp dây leo và hải thảo, lô nhô nhiều loại cây mọc dưới nước. Có nhiều khối phún thạch do núi lửa phun ra bay rải rác khắp nơi.

Vừa mắt nhìn những cảnh vật lạ lùng tiếp diễn qua dưới lần ảnh điện con tàu, tôi vừa kể lại cho Côn Sơn nghe câu chuyện của dân tộc thần thoại Atlantes, làm tài liệu viết thành những trang sách hay sau này. Tôi đã kể thêm những cuộc chiến đấu của dân tộc hùng mạnh này, và xác nhận một lần nữa là dân tộc này đã có thật.

Nhưng Côn Sơn ít lưu ý đến câu chuyện cổ tích của tôi, vì mãi say mê theo dõi nhiều giống cá lạ để sắp xếp vào tập của mình.

Tôi cũng bắt chước làm theo. Và chúng tôi cũng phân tách để tìm hiểu thêm sự nghiệp ngư học đang cùng đeo đuổi nghiên cứu.

Cá ở đây cũng không khác những giống chúng tôi đã thường gặp mấy.

Nhiều giống cá đuối vĩ đại, nhiều giống cá mập khác nhau, có giống màu xanh lam dài trên 1 bộ, răng nhọn, với thân hình trắng suốt gần như không nhìn thấy trong nước.

Trong các loại cá có xương, Côn Sơn có ghi những con Makairas màu xám đen, dài hai ba thước, hàm trên bén nhọn như một lưỡi kiếm dài! những loại có nhiều màu sắc sỡ, thời Aristote gọi là hải long, trên lưng lởm chởm gai nhọn, nếu sờ trúng rất nguy hiểm. Nhiều con Coryphemes lưng nâu có sọc xanh, và viền vàng; có những cá mặt trắng, hình chiếc đĩa màu da trời, lấp loáng như những điểm tròn di động dưới bóng mặt trời. Nhiều con xyphias-copadons dài tám thước, đi từng đoàn, có vi vàng lọt hình chiếc hái, dài trên sáu bộ. Đây là giống cá rất dạn dĩ, ăn cỏ nhiều hơn là ăn cá nhỏ,

chúng phục tùng ý muốn của các cá cái như những người chồng nuông chiều vợ nhất.

Dù xem cá, thỉnh thoảng tôi vẫn ngắm cánh đồng dài mênh mông ấy. Nhiều lúc mặt đất thay đổi, tàu phải hãm tốc độ và lượn theo, như những con cá voi đang uốn mình vào giữa những trái đồi chen chúc nhau. Có lúc, tàu phải nổi lên như một quả bóng, có lúc lại trầm trở xuống cách đất độ vài thước mà thôi. Chúng tôi có cảm giác kỳ thú của một cuộc du ngoạn bằng khinh khí cầu, có khác hơn đôi chút là tàu Nam Tị Lữ luôn luôn theo sự điều khiển của người lái một cách rất ngoan ngoãn dễ dạy.

Đến bốn giờ chiều, mặt đất hiện lên nhiều giống cây đã biến thành khoáng chất, gỗ ghê, thỉnh thoảng có nhiều giống kết nham, nhiều hình trạng thuộc huyền

vi nham, và rải rác có những luồng phun thạch nũ. Tôi đoán thế nào cũng sẽ có núi, thì trong lúc tàu Nam Tị Lữ vừa nổi lên, đã thấy từ chân trời phía nam, một dãy trường thành cao vút như cuốn chắn ngang cả lối đi vượt cao hơn mặt biển. Có lẽ là một lục địa, hoặc ít ra cũng là một hòn đảo. Không biết đây là một hòn trong quần đảo Canaries hay “núi xanh”? Chưa nhận định được chắc chắn vị trí, nhưng tôi đoán rằng dãy trường thành này là ranh giới cuối của lục địa Atlante mà chúng tôi đã vượt qua một phần nhỏ.

Trời tối, tôi vẫn chưa thôi quan sát. Côn Sơn đã về phòng, chỉ còn một mình tôi ở lại. Tàu Nam Tị Lữ đi chậm, phớt qua đáy biển mập mờ như muốn đậu lại, có lúc trôi lên tận mặt nước. Tôi nhìn thấy năm, sáu tinh tú nhấp nháy trên

không, có lẽ những sao cuối cùng của nhóm Orion. Lúc tôi đang mãi mê đứng tựa bên cửa kính nhìn cảnh đẹp trời nước mênh mông, thì các nắp cửa đây kín lại. Lúc ấy tàu Nam Tỵ Lũy đã đến sát bên bức tường thành. Tôi chưa biết sẽ xoay trở ra sao, vội trở về buồng. Tàu Nam Tỵ Lũy đã đứng yên lặng. Tôi ngủ một giấc và dự định sau vài giờ sẽ thức dậy. Nhưng sáng hôm sau lúc đến phòng khách thì đã tám giờ rồi. Nhìn máy áp kế thì biết tàu đã nổi lên trên mặt biển và có tiếng chân người đi lại trên sàn.

Nhưng không có tiếng sóng vỗ trên mạn tàu. Tôi lại gần cửa thì cửa đã mở sẵn. Tưởng sẽ nhìn thấy trời sáng, không ngờ bốn bề tối đen như mực. Không biết tôi đang ở đâu đây? Tôi có lầm chăng? Hay là trời vẫn còn tối? Không phải. Trời không có một vì sao, mà đêm thì không

thể tối đen đến thế này được. Tôi đang suy nghĩ thì bỗng có tiếng hỏi:

- Có phải giáo sư đó không?
- Vâng, thưa thuyền trưởng, chúng ta đang ở đâu đây?
- Ở dưới đất, giáo sư ạ.
- Dưới đất à? Tàu đang nổi đây mà.
- Thì tàu vẫn nổi mãi chứ sao.
- Thật tôi chẳng hiểu gì cả.
- Xin chờ một tý. Đèn sáng lên rồi sẽ hiểu cả.

Tôi bước lên sàn tàu và chờ đợi. Trời tối đen đến nỗi tôi không nhìn thấy bóng thuyền trưởng.

Nhưng nhìn trên vòm trời, ngay phía trên đầu hình như có ánh mờ sáng

từ một lỗ tròn tròn rọi vào.

Lúc đèn rọi vừa chiếu, mắt tôi chói lòa.

Nhắm mắt một lúc để đỡ chói ánh đèn, rồi tôi đưa mắt nhìn khắp nơi. Tàu đậu gần bờ. Biển này hình như một cái hồ, trên chập một cái vung khổng lồ, đường kính chừng hai hải lý, chu vi độ sáu hải lý. Theo máy áp kế thì tàu đậu ngang mức nước bên ngoài. Thế nào cũng có một đường liên lạc lại giữa biển và hồ này. Các tường đá cao, nghiêng phía trên và cuốn tròn hình một cái vung úp, bề cao đến năm sáu thước. Trên nóc có một lỗ tròn, hơi có ánh sáng lơ mờ, có lẽ là ánh sáng ban ngày chiếu vào.

Trước khi quan sát kỹ hơn, tôi tự hỏi không biết cái hang khổng lồ này là thiên nhiên hay do bàn tay của người xây nên.

Tôi đến hỏi thuyền trưởng Nam Mộ:

– Chúng ta đang ở chốn nào đây?

– Nơi đây là trung tâm của một hỏa diệm sơn đã tắt, phía trong có nước biển, do một trận động đất gây nên. Trong lúc ông ngủ, tàu Nam Tị Lũy đã chun vào đây, do một đường hầm thiên nhiên dưới mặt biển độ mười thước.

Đây là hải cảng của tàu Nam Tị Lũy, một hải cảng chắc chắn, bí mật, đủ tiện nghi và rất bảo đảm không ngại gió bão. Chắc ông ta không thể tìm được trên khắp biển ở lục địa, một hải cảng nào bảo đảm bằng, để chống lại mọi giông tố.

– Vâng, thưa thuyền trưởng, ông rất yên chí ở tại đây. Ai có tìm được ông tại trung tâm núi lửa? Nhưng tôi còn ngại phía trên, hình như có lỗ trống?

– Phải, đó là miệng núi lửa, xưa kia bị phun thạch lấp kín, ngày nay đã khai thông để đem có khí trời cho chúng ta thở.

– Nhưng hỏa diệm sơn nào đây?

– Đây là một trong những hòn đảo của miền này. Đối với các tàu, nó chỉ là một mô đá ngầm. Nhưng với chúng ta, nó là một hang rộng mênh mông. Sự tình cờ đã giúp tôi tìm ra và sử dụng nó.

– Nhưng người ta có thể theo miệng núi lửa đi vào được không?

– Không, dưới chân núi này còn có thể đi lại, nhưng ở phía trên vách đá chập chồng không thể nào leo qua được.

– Tôi thấy tạo hóa luôn luôn dành những cái thuận tiện cho thuyền trưởng. Ông cứ an tâm ở nơi đây, và chỉ có một

mình ông mới vào được tận chốn này. Vả lại thiết tưởng cũng không cần đến chỗ trú ẩn, vì tàu Nam Tị Lũy có cần hải cảng tốt đâu?

– Không, thưa giáo sư, trái lại nó cần điện để di chuyển, cần nhiên liệu để phát điện, cần sodium, cung cấp nhiên liệu, cần than để làm ra sodium, và cần mỏ than để lấy than đá. Tại chốn này, biển đã chôn vùi cả một khu rừng từ thời tiền sử, qua bao nhiêu thế kỷ đã biến thành một mỏ than vô tận.

– Như vậy thì thủy thủ của ông làm luôn cả nghề phu mỏ nữa sao?

– Đúng thế! Mỏ than này ở dưới nước như mỏ than ở Newcastle. Ở đây phải mặc đồ lặn, dùng xẻng để lấy than đá khỏi cần than đá ở lục địa nữa. Khi đốt than này để làm Sodium, khói thoát

ra miệng núi, như dạng phun lửa.

– Chúng tôi có thể xem được họ làm việc chưa?

– Chưa, lần này vì tôi cần tiếp tục cuộc du hành vòng quanh thế giới dưới đáy biển, nên tôi chỉ dùng số Sodium còn dự trữ sẵn. Chỉ cần một ngày để lấy rồi đi ngay. Nếu ông cần đi vòng quanh hang này, xin nhân dịp này, trong ngày hôm nay mà thôi.

– Cám ơn Thuyền trưởng.

Tôi đi tìm hai bạn tới hiện chưa rời khỏi buồng. Tôi rủ họ đi nhưng chưa cho biết rõ đây là nơi nào. Chúng tôi vừa lên sàn tàu, Côn Sơn không tỏ vẻ gì ngạc nhiên. Đối với Côn Sơn lúc thức dậy dưới quả núi cũng như lúc ngủ ở tận đáy biển mà thôi. Nễ Lang thì cố tìm xem

con đường nào đưa đến nơi đây.

Ăn sáng xong, chúng tôi lên bờ, Côn Sơn hỏi:

– Lần này chúng ta được đặt chân lên đất liền rồi.

Nễ Lang bảo:

– Ta gọi là đất, nhưng hiện còn ở dưới đất, chứ không phải trên đất đâu nhé!

Một bãi cát trắng mịn rộng độ năm trăm bộ. Theo triền đá, chúng tôi có thể đi vòng quanh dễ dàng. Nhưng, các triền đá luôn luôn thay đổi, chồng chất nhiều loại đá lửa và đá vôi. Các hòn đá bị lửa trui lâu ngày như trắng men bóng nhoáng phản chiếu rực rỡ dưới ánh đèn pha của tàu Nam Tỵ Lũy. Chúng tôi bước đi làm văng ra những tia lửa sáng ngời.

Càng xa mặt nước, đất càng lên cao dần; chúng tôi phải trèo qua những khe đá để tiến lên nữa. Mọi người phải hết sức cẩn thận lúc bước qua các phiến đá gương và đá lửa, rời nhau.

Tôi lưu ý các bạn và hỏi họ:

– Chúng tôi tưởng tượng thế nào khi cái hang còn chứa đầy phún thạch đang chảy sôi sùng sục, mặt nước bị đốt đỏ rực, trào lên tận miệng núi như gang đang chảy trong những lò nấu sắt?

Côn Sơn đáp:

– Tôi đã tưởng tượng rồi. Nhưng thưa ông, chẳng biết vì sao người thợ đúc gang khổng lồ này lại ngưng nấu, và vì sao lửa đỏ lại được thay thế bằng nước lạnh trong hồ như thế này?

– Rất có thể vì sự di chuyển động

dưới mặt biển đã tạo nên con đường hầm mà tàu Nam Tị Lũy đã đi theo vào đây. Nước biển Đại Tây Dương đã chảy vào giữa quả núi. Sự xung khắc mãnh liệt giữa hai chất chống nhau và cuối cùng nước đã thắng. Bao nhiêu thế kỷ đã qua, hỏa diệm sơn bị ngâm nước và trở thành một cái hang yên tĩnh như ngày nay.

– Hay lắm, tôi xin nhìn nhận lý giải này. Nhưng rất tiếc cái hang mà giáo sư đã nêu, không phải trên mặt nước.

Côn Sơn nói:

– Nếu đường này không ở dưới nước thì tàu Nam Tị Lũy làm sao đi vào được?

Tôi nói thêm:

– Nề Lang ạ, nếu thế thì nước sẽ không chảy vào được, và núi lửa vẫn mãi mãi là núi lửa. Ông có trí cũng vô ích.

Chúng tôi cứ leo lên mãi. Các lối đi càng cao càng chật hẹp. Thỉnh thoảng có nhiều miệng sâu chận ngang, nhưng rồi cũng vượt qua được hết. Có nhiều tảng đá nằm chênh vênh như muốn lăn xuống thấp. Có lúc chúng tôi phải bỏ bằng gỏi hay trườn bằng bụng. Nhờ sức khỏe của Nề Lang và sự lanh lẹ của Côn Sơn mọi khó khăn đều được giải quyết cả.

Lên cao độ ba chục thước, chất đất có thay đổi nhưng cũng không dễ đi hơn. Qua hết đá kết nham, tới đá sống, rồi đến đá huyền vũ màu đen nằm từng lớp, chồng chất thành những cây cột chống đỡ cả vòm đá menh mông theo một lối kiến trúc thiên nhiên kỳ dị. Trong lớp huyền vũ nhau này có từng gân phún thạch chạy uốn khúc điểm thêm những sọc đá nhạ và đôi chỗ có nhiều đám lưu hoàng rộng lớn.

Do miệng núi phía trên, ánh sáng mặt trời tỏa vào soi lờ mờ trên những khoáng chất của hỏa diệm sơn, đã bị chôn vùi trong lòng núi nguội lạnh từ lâu.

Lên cao chừng hai trăm rưỡi bộ, chúng tôi phải dừng lại vì không thể nào vượt lên nữa được. Bề vòng phía trong đã ngã ra dần dần nên thay vì đi lên, chúng tôi phải đi vòng tròn. Cây cỏ mọc chen trong các khe đá. Tôi nhìn thấy những giống cây đại kích (euphorbe) có nhựa ăn da, những cây bông mặt trời (có lẽ gọi chưa đúng tên vì ánh mặt trời chưa hề chiếu đến nơi đây) phô bày những chùm hoa lòng thòng phai cả sắc, mất cả hương. Thỉnh thoảng có vài cây cúc du dưới những cây dứa rừng lá dài và mảnh khảnh. Giữa những luồng phún thạch có mấy cây hoa tím thoảng mùi hương thơm

dịu rất dễ thở. Hương thơm là linh hồn của hoa. Nhưng hoa liễu tuy đẹp nhưng không hương, nên cũng như không hồn. Lúc vừa đến gần một bụi thanh long, bỗng Nễ Lang kêu to:

– Ô, một tổ ong !

Tôi chưa tin, hỏi lại:

– Tổ ong à!

– Vâng, một tổ ong, và có nhiều ong bay xung quanh.

Tôi đến gần thấy quả đúng thật. Nơi miệng một bông cây, có vài nghìn con ong đang bu quanh. Nễ Lang muốn lấy mật, tôi cũng không tiện ngăn cản. Anh ta lượm một ít lá khô, châm lửa đốt khói.

Ong bay và và tản mác dần, Nễ-Lang mới lấy mật đựng vào bình bỏ vào bị mang theo và nói:

– Tôi sẽ đem mật này nhồi bột và biểu các ông một thứ bánh mứt ngon tuyệt.

Côn Sơn trầm trồ:

– Ô, đây sẽ là món bánh mứt hảo hạng.

– Thôi hãy gác chuyện bánh mứt để tiếp tục cuộc hành trình chứ.

Qua khúc quanh, chúng tôi nhìn thấy khắp cả mặt hồ phẳng lặng, ánh điện rọi sáng choang, không có một gợn sóng nhỏ nào. Tàu Nam Tị Lũy cũng nằm yên không động đậy. Trên sàn tàu, các thủy thủ qua lại như những bóng đen in trên nền ánh sáng rực rỡ.

Chống cái phễu đi vòng quanh dưới chân vách đá chúng tôi nhận thấy không phải chỉ có giống ong là động vật duy nhất ở trung tâm núi lửa. Nhiều con

chìm mỗi bay lẫn trong bóng tối, rời các tổ lót trên các mỏm đá. Đó là một giống chim ưng bụng trắng và những con bồ chao. Nhiều con sến béo đầy với những cặp giò cao lêu khêu đang chạy trốn rất nhanh. Chắc khi gặp các giống chim này, Nễ Lang sẽ bức tức và tiếc vì không súng theo. Anh ta lấy đá ném. Sau mấy lần ném hụt anh ta ném trúng một con sến khá lớn và bắt nó bỏ vào túi, cho theo những bánh mứt tưởng tượng bằng mật của anh ta.

Vách đá cao quá, chúng tôi phải đi xuống hồ nước. Trên đầu chúng tôi, miệng núi lửa mở rộng như miệng giếng. Nhìn lên thấy rõ bầu trời với những đám mây bị gió tây thổi tản mát bay gần đến chóp núi. Chắc chắn những đám mây này bay rất thấp vì ngọn núi cao không quá tám trăm bộ.

Nửa giờ sau cuộc săn chim của Nễ Lang, chúng tôi trở lại bờ phía dưới. Nơi đây cây cối chỉ gồm có những lớp hải thảo, các thứ cây nhỏ có hoa hình cái tàn cắm hình dưới nước rất đẹp, có nơi gọi là “xoi đá” xuyên thạch hay “thì là biển”.

Côn Sơn hái mấy bó. Về sinh vật thì có hàng ngàn tôm cua đủ loại vô số sò hến đủ muôn hình vạn trạng.

Tại đây có một cái hang rất đẹp. Chúng tôi nằm dài trên bãi cát trắng mịn. Núi lửa đã nung mài vách đá bóng láng như tráng men có phủ một lớp bụi vân mẫu. Nễ Lang gõ nhẹ nhẹ để phỏng ước bề dày của vách đá làm cho tôi khó nín cười. Câu chuyện xoay trở lại chương trình dự định tẩu thoát, nếu chưa tiến hành được, cũng vẫn còn một điều hy vọng: Anh ta ước mong thuyền trưởng Nam Mộ chỉ đi xuống phía Nam với chủ

định lấy Sodium thêm mà thôi.

Bây giờ nếu ông ta đi từ bờ biển Âu châu đến bờ biển Mỹ châu thì may ra Nễ Lang mới có hy vọng thực hiện ý định tẩu thoát được. Chúng tôi nằm gần một giờ trong cái hang xinh xắn này. Câu chuyện hào hứng lúc đầu, đã rời rạc dần. Chúng tôi hơi buồn ngủ. Không cưỡng được với cơn buồn ngủ, chúng tôi sắp sửa đánh một giấc ngon lành, bỗng nghe tiếng Côn Sơn la làm ai nấy đến thức dậy:

- Báo động, có báo động!
- Cái gì thế?
- Nước dâng.

Tôi lật đật đứng lên. Biển tràn vào hang như một thác nước, buộc chúng tôi phải tìm cách lánh xa, vì chúng tôi đâu phải là sò hến!

Một chập sau chúng tôi đứng bình yên trên đỉnh hang. Côn Sơn hỏi:

– Không biết vì sao, và có hiện tượng kỳ lạ nào mới xảy ra.

Tôi trả lời:

– Có gì đâu, đây là nước thủy triều vào đã đuổi chúng ta chạy. Nước biển dâng lên ngoài kia, do luật ảnh hưởng tự nhiên, nên mặt nước lên cao chảy vào làm cho chúng ta suýt được tắm nửa chừng. Thôi nên trở về tàu Nam Tị Lũy đi thôi.

Bốn mươi lăm phút sau cuộc du lịch vòng tròn, chúng tôi về đến tàu. Các thủy thủ vừa lấy đủ số Sodium và tàu cũng sắp khởi hành ngay. Nhưng thuyền trưởng Nam Mộ chưa cho hiệu lệnh. Có lẽ ông ta muốn chờ đêm đến để bí mật qua con đường hầm chẳng?

Dù sao, sáng ngày mai, tàu Nam Tỵ Lũy đã rời khỏi cửa biển ra tận ngoài khơi xa tít, ở sâu mấy thước dưới mặt biển Đại Tây Dương.

Jules Verne

VINGT MILLE LIEUES SOUS LES MERS

illustré par Sébastien Pelon

